

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 0873/2023 – BM/VPĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 04 năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH

Kính gửi: ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH

- Tên tổ chức: TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH
- Mã chứng khoán: BMI
- Địa chỉ trụ sở chính: Số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại: 028 3829 4180
- Fax: 028 3829 4185
- Người thực hiện công bố thông tin:
Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Anh Tuấn** – Tổng Giám đốc
Người được uỷ quyền công bố thông tin: Bà **Nguyễn Minh Phượng** – Người phụ trách quản trị công ty kiêm nhiệm Thư ký Công ty và Thư ký Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố : ☒ định kỳ ☐ bất thường ☐ 24h ☐ theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh công bố thông tin Báo cáo thường niên năm 2022.

Lý do: theo quy định pháp luật

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Tổng Công ty ngày 15/04/2023 tại đường dẫn: <http://www.baominh.com.vn>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VPTSC, VPHĐQT,

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Người được ủy quyền công bố thông tin



Nguyễn Minh Phụng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

Địa chỉ: 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 38294180

Email: marketing@baominh.com.vn

Website: www.baominh.com.vn

2022

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



**"NÓI ĐẾN BẢO HIỂM -
NGHĨ TỚI BẢO MINH"**

MỤC LỤC

- 01** THÔNG TIN CHUNG
- 02** TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
- 03** BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- 04** ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- 05** QUẢN TRỊ CÔNG TY
- 06** BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2022



THÔNG TIN CHUNG

- THÔNG TIN KHÁI QUÁT
- NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH
- THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ
- ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN
- CÁC RỦI RO VÀ CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



Tên Công ty

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH



Mã cổ phiếu

BMI



Vốn điều lệ

1.096.239.850.000 đồng



Trụ sở chính

26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. HCM



Số điện thoại

(028) 38294180



Fax

(028) 38294185



Email

marketing@baominh.com.vn



Website

www.baominh.com.vn



Giấy CN ĐKDN

Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 08 tháng 09 năm 2004 do Bộ Tài Chính ban hành. Giấy phép điều chỉnh gần nhất số 27/GPĐC13/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 30 tháng 12 năm 2022 cho phép thành lập thêm 3 chi nhánh, vốn điều lệ gần nhất là 1.096.239.850.000 đồng.

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Bảo Minh được thành lập ngày 28/11/1994, khởi đầu cho sự hình thành thị trường bảo hiểm Việt Nam.

Bảo Minh chính thức đi vào hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần.

Hoàn tất đợt tăng vốn điều lệ từ 434 tỷ đồng lên 755 tỷ đồng, thành công trong việc mời gọi nhà đầu tư chiến lược nước ngoài là Tập đoàn AXA (Pháp).

Triển khai phần mềm quản lý nghiệp vụ bảo hiểm (Thuộc dự án BEST). Được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao Động Hạng Nhất nhân dịp Kỷ niệm 15 năm thành lập.

Được cấp chứng nhận năng lực tài chính mức B++ (Tốt) từ tổ chức A.M Best. Tăng vốn góp chủ sở hữu lên 913,5 tỷ đồng.

1994

1999

2004

2006

2007

2008

2009

2015

2016

2021

Được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương Lao động Hạng Ba nhân dịp kỷ niệm 5 năm thành lập.

Cổ phiếu Bảo Minh chính thức niêm yết tại thị trường giao dịch Chứng khoán Hà Nội, mã chứng khoán: BMI.

Chuyển niêm yết cổ phiếu BMI vào Sở Giao dịch Chứng Khoán TP.HCM.

Bảo Minh tăng vốn góp chủ sở hữu lên 830,5 tỷ đồng.

Tăng vốn góp chủ sở hữu lên 1.096 tỷ đồng.

🔴 BẢO HIỂM CON NGƯỜI

[Trong từng khoảnh khắc của cuộc sống]



🔴 BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI

[Trên mọi nẻo đường của đất nước]





BẢO MINH VINH DỰ ĐƯỢC BỘ TÀI CHÍNH CÔNG NHẬN LÀ TỔ CHỨC BẢO HIỂM CÓ UY TÍN TRONG LĨNH VỰC HÀNG HẢI NĂM 2022

""Theo Quyết định số 2056/QĐ-BTC ngày 06/10/2022""



baominh.com.vn | tructuyen.baominh.vn

NÓI ĐẾN BẢO HIỂM, NGHĨ TỚI BẢO MINH

26 Tôn Thất Đạm, Q1, TP. HCM - ĐT (028) 3829 4180 - Fax: (028) 3829 4185

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

Lĩnh vực kinh doanh chính

- Kinh doanh Bảo hiểm phi nhân thọ;
- Kinh doanh tái bảo hiểm;
- Các hoạt động đầu tư tài chính;
- Các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

BẢO HIỂM XE CƠ GIỚI

Bảo Minh bảo hiểm toàn diện xe ô tô bao gồm các sản phẩm: Bảo hiểm vật chất ô tô; Bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới; Bảo hiểm hàng hoá trên xe.

BẢO HIỂM CON NGƯỜI

Bảo Minh giúp phòng tránh những rủi ro bất ngờ xảy ra trong tương lai, hỗ trợ con người về mặt tài chính cho những trường hợp rủi ro nguy hiểm như ốm đau, nằm viện.

Nhóm nghiệp vụ Bảo hiểm

BẢO HIỂM TÀI SẢN

Bảo Minh cung cấp giải pháp toàn diện về Bảo hiểm tài sản, gồm: Bảo hiểm cháy và các rủi ro đặc biệt, Bảo hiểm mọi rủi ro và Bảo hiểm gián đoạn kinh doanh.

BẢO HIỂM HÀNG HẢI

Bảo Minh cung cấp các giải pháp bảo hiểm hàng hải linh hoạt, phù hợp. Các sản phẩm bảo gồm: Bảo hiểm thân tàu cá, Bảo hiểm thân tàu sông, ven biển, Bảo hiểm thân tàu biển, Bảo hiểm hàng hoá.

BẢO HIỂM HÀNG KHÔNG

Bảo Minh cung cấp các sản phẩm bảo hiểm thuộc nhóm Bảo hiểm hàng không. Các sản phẩm bao gồm: Bảo hiểm hành khách đi trên máy bay, Bảo hiểm thân máy bay

BẢO HIỂM NÔNG NGHIỆP

Bảo Minh cung cấp các sản phẩm bảo hiểm thuộc Bảo hiểm nông nghiệp, bao gồm: Bảo hiểm cây lúa do thiên tai, Bảo hiểm vật nuôi, Bảo hiểm cây trồng, Bảo hiểm thuỷ sản.

ĐỊA BÀN KINH DOANH



Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, kinh doanh Tái bảo hiểm phi nhân thọ, đầu tư tài chính với mạng lưới phủ sóng rộng khắp toàn quốc với 19 phòng ban chức năng, 1 trung tâm đào tạo, 2 trung tâm bồi thường và 65 công ty thành viên trên khắp Việt Nam.

THÔNG TIN MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Bảo Minh, gồm tất cả các Cổ đông có quyền biểu quyết, hoạt động thông qua cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản từ các Cổ đông.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT là cơ quan quản lý Bảo Minh, có toàn quyền nhân danh Bảo Minh để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Bảo Minh không thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

BAN KIỂM SOÁT

Ban kiểm soát là cơ quan do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát một cách độc lập, khách quan và trung thực mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh, quản trị và điều hành của Bảo Minh.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc của Bảo Minh là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty, là người được HĐQT bổ nhiệm từ một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác. Tổng Giám đốc là người trực tiếp điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Bảo Minh theo những thông lệ quản lý tốt nhất; có các quyền hạn và nhiệm vụ được nêu trong Điều lệ của Tổng Công ty.



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ



CÔNG TY LIÊN DOANH

Công ty liên doanh - Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (UIC)

Địa chỉ: Số 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội

Hoạt động chính của UIC: Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện các nhiệm vụ gồm dịch vụ tư vấn bảo hiểm, dịch vụ giải quyết bồi thường, dịch vụ giám định và tư vấn phòng ngừa tổn thất.

Vốn điều lệ: 300.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Bảo Minh tại UIC: 48,45%

CÔNG TY CON, CÔNG TY LIÊN KẾT: không có

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

CÁC MỤC TIÊU CHỦ YẾU

- Xây dựng và phát triển Bảo Minh với định vị là doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam, phát triển toàn diện hiệu quả trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ,tài chính;
- Mạng lưới hoạt động bao phủ lớn, luôn sẵn sàng cung cấp dịch vụ bảo hiểm tốt nhất nhằm hài lòng nhu cầu của khách hàng;
- Lấy khách hàng làm trọng tâm và hợp tác với cổ đông chiến lược làm động lực phát triển;
- Chuẩn hóa mô hình kinh doanh theo hướng chuyên môn hóa, chuyên nghiệp hóa, quản lý tập trung, hành động thống nhất;
- Chú trọng đến việc đầu tư mở rộng quy mô kinh doanh tại các vùng kinh tế trọng điểm.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRUNG VÀ DÀI HẠN

- Tập trung đầu tư và phát triển ứng dụng công nghệ thông tin vào việc quản lý. Lấy công nghệ và chất lượng làm lợi thế cạnh tranh trong việc tổ chức quản lý và điều hành doanh nghiệp, đặc biệt là khâu phục vụ và chăm sóc khách hàng.
- Xây dựng, đào tạo đội ngũ con người Bảo Minh là người có đạo đức, chuyên môn, tâm huyết với nghề nhằm đáp ứng môi trường kinh tế hội nhập.
- Xây dựng văn hóa riêng của Bảo Minh theo hướng: Nội bộ đoàn kết, trình độ chuyên nghiệp cao, tác phong làm việc hiện đại chính quy và phục vụ khách hàng chu đáo tận tình theo đúng các quy định thống nhất của Bảo Minh.

CÁC MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh không chỉ tập trung vào việc phát triển kinh doanh, tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận mà còn chú trọng đến trách nhiệm xã hội và cộng đồng. Với lĩnh vực kinh doanh là bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng Công ty luôn đặt sức khỏe và tài sản của khách hàng lên hàng đầu và cam kết cung cấp dịch vụ bảo hiểm chất lượng cao nhất. Bên cạnh đó, Công ty cũng chú trọng đến các hoạt động xã hội và môi trường. Công ty thường xuyên tổ chức các chương trình ủng hộ cộng đồng như hỗ trợ cho các gia đình khó khăn và những người bị thiệt hại do thảm họa. Tổng Công ty cũng luôn chú trọng đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động và cộng đồng nói chung. Bảo Minh luôn cam kết tạo điều kiện làm việc tốt nhất cho nhân viên và thường xuyên thực hiện các hoạt động hỗ trợ cho cộng đồng để góp phần xây dựng một xã hội tốt đẹp hơn.



CÁC RỦI RO VÀ CHIẾN LƯỢC QUẢN TRỊ

Tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, quản trị rủi ro luôn được quan tâm và thực hiện đồng bộ từ cấp lãnh đạo đến các cấp quản lý trong từng phòng ban. Cụ thể, Hội đồng quản trị đảm nhiệm việc ban hành các quy chế liên quan đến các hoạt động của Công ty và quyết định chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban và cá nhân liên quan đến việc kiểm soát rủi ro. Ban điều hành có trách nhiệm giám sát và đảm bảo việc thực hiện quản trị rủi ro đúng quy trình và quy chế đã được ban hành. Các cán bộ quản lý trong các phòng ban thực hiện việc phân tích, báo cáo và tuân thủ các quy định về quản trị rủi ro.

RỦI RO ĐẶC THÙ NGÀNH – RỦI RO BẢO HIỂM

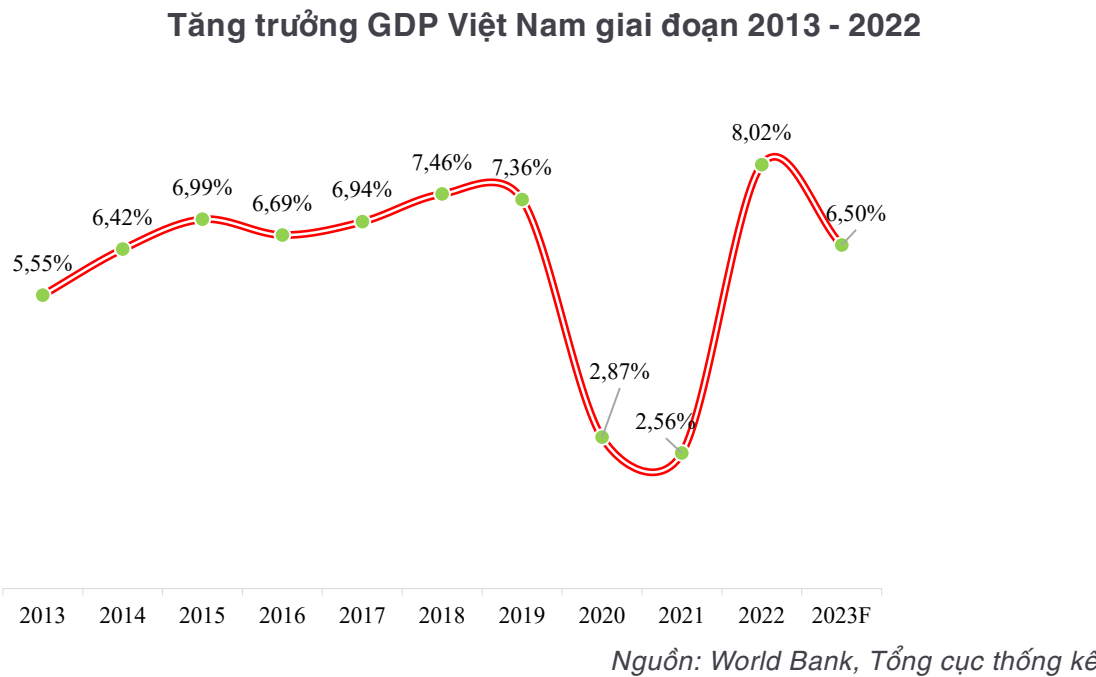
Bảo hiểm là ngành kinh doanh dựa trên rủi ro của tính mạng, sức khỏe con người, tài sản và trách nhiệm dân sự. Khi sự kiện bảo hiểm xảy ra (rủi ro) thì doanh nghiệp bảo hiểm có nghĩa vụ chi trả bồi thường. Vì vậy rủi ro đặc thù ngành xảy ra khi các sự kiện này phát sinh ngoài các giả định thiết kế sản phẩm dẫn đến chi phí bồi thường biến động mạnh so với dự tính. Năm 2022 tuy tác động của dịch bệnh Covid 19 đã giảm đi nhưng nhu cầu chăm sóc sức khỏe của người dân vẫn được duy trì, điều này có thể ảnh hưởng đến tỷ lệ chi trả của doanh nghiệp bảo hiểm, đặc biệt là bảo hiểm phi nhân thọ (liên quan đến sức khỏe con người). Nhằm hạn chế rủi ro bảo hiểm – mang tính đặc thù, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đã có những biện pháp thiết kế sản phẩm, khai thác, giám định và chi trả bồi thường phù hợp với điều kiện và nguồn lực của doanh nghiệp. Ngoài ra, Tổng Công ty còn tham gia các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm nhằm chuyển giao rủi ro cho đơn vị bảo hiểm thứ ba.



RỦI RO KINH TẾ

Kinh doanh bảo hiểm đặc biệt là bảo hiểm phi nhân thọ có mối quan hệ chặt chẽ với tăng trưởng kinh tế; khi kinh tế phát triển, tốc độ tăng trưởng GDP tăng ổn định, lạm phát ở mức vừa phải thì phần đông công chúng sẽ tăng thu nhập thực của mình. Dân chúng trở nên giàu có hơn thì số tiền chi trả cho bảo hiểm sẽ cao hơn, từ đó kích thích doanh nghiệp bảo hiểm phát triển.

Trong năm 2022, theo Tổng cục thống kê tốc độ tăng trưởng sản phẩm quốc nội – GDP của nước ta đạt 8,02% so với cùng kỳ năm trước, mức tăng kỷ lục trong một thập kỷ qua. Cùng với đó, GDP bình quân đầu người đạt 95,6 triệu đồng/người tăng 10,57% so với năm 2021. Đây là một trong những động lực tăng trưởng cho các doanh nghiệp trong ngành bảo hiểm nói chung và Tổng Công ty nói riêng.



Tuy nhiên, trong bối cảnh thế giới đang có những sự kiện kinh tế, chính trị phức tạp có thể gây suy thoái toàn cầu và Việt Nam cũng không phải là ngoại lệ. Rủi ro suy thoái sẽ làm cho nhu cầu chi tiêu vào sản phẩm/dịch vụ bảo hiểm, đặc biệt liên quan đến bảo hiểm tài sản sẽ giảm sút.

Đây được đánh giá là rủi ro hệ thống, vì vậy Bảo Minh luôn cố gắng phát triển vai trò của nguồn nhân lực trong Công ty, để đối phó khi những rủi ro này xảy ra.

RỦI RO CẠNH TRANH

Hiện nay trên thị trường bảo hiểm phi nhân thọ có 31 doanh nghiệp và bảo hiểm nhân thọ với 19 doanh nghiệp (Bộ Tài chính), điều này cho thấy mức độ cạnh tranh trong ngành là rất lớn. Trong bối cảnh chuyển đổi số, phần lớn các doanh nghiệp đều tìm giải pháp đột phá công nghệ nhằm đa dạng hóa sản phẩm và chuẩn hóa quy trình tư vấn/đại lý.

Cạnh tranh trong ngành ngày càng gay gắt khiến các doanh nghiệp bảo hiểm đầu ngành có mức tăng trưởng chậm lại. Các doanh nghiệp này có xu hướng tập trung vào hiệu quả kinh doanh nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm/dịch vụ vì vậy thị phần được chia sẻ cho các doanh nghiệp nhỏ hơn trong ngành. Tuy nhiên, một phần đến từ quy mô của ngành ngày một gia tăng.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh luôn lấy chất lượng sản phẩm, dịch vụ là tiêu chí hàng đầu, đứng trước những thách thức lớn như hiện tại Bảo Minh luôn nỗ lực mang lại sự hài lòng cho khách hàng và mở rộng mạng lưới phân phối để khách hàng có cơ hội tiếp cận bảo hiểm nhanh chóng với nhiều trải nghiệm và mức độ phục vụ chuyên nghiệp nhất. Phản hồi của khách hàng cho thấy mức phí bảo hiểm của Bảo Minh hợp lý so với các doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ cùng ngành.

RỦI RO THIÊN TAI, DỊCH BỆNH RỦI RO TRỰC LỢI BẢO HIỂM

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thiên tai và dịch bệnh thường xuyên xảy ra và mang tính chất toàn hệ thống, Bảo Minh phải đối mặt với những rủi ro này một cách gián tiếp, khi những rủi ro ngoài dự kiến này xảy ra dẫn đến tỷ lệ bồi thường của Tổng Công ty tăng lên từ đó giảm đi khả năng sinh lời.

Trong ngành bảo hiểm, việc dự đoán và bắt kịp mô hình các mối nguy hiểm chưa hoặc ít được dự đoán vẫn còn là một vấn đề đang cần phải cải thiện, chưa kể những rủi ro tiềm tàng do thiên tai. Để quản trị rủi ro nói trên, công ty luôn nghiên cứu, xem xét thay đổi tỷ lệ thu phí bảo hiểm và tái bảo hiểm, đặc biệt là trong lĩnh vực bảo hiểm tài sản, dù rằng mức độ thay đổi có thể không giống nhau giữa các ngành nghề.

Trực lợi bảo hiểm xuất hiện khi người mua bảo hiểm cố ý gian lận, lừa dối để chiếm đoạt tiền bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm, việc này phát sinh trước hoặc sau khi hợp đồng bảo hiểm được ký kết.

Mức độ phát triển của ngành ngày một gia tăng thì các hình thức trực lợi cũng đa dạng với nhiều thủ đoạn tinh vi hơn. Một số hành vi thường gặp: tổn thất thiệt hại xảy ra rồi mới mua bảo hiểm hay tự ý gây ra tổn thất để đòi bồi thường (ở cả lĩnh vực bảo hiểm hàng hóa, bảo hiểm tàu thủy, bảo hiểm xe cơ giới).

Nhằm hạn chế rủi ro trên, Bảo Minh luôn nâng cao năng lực chuyên môn, quản lý, đầu tư phát triển hệ thống công nghệ thông tin, giám sát công tác cán bộ, hoạt động đại lý, môi giới bảo hiểm đánh giá rủi ro trước khi ký kết hợp đồng và khâu giám định tổn thất. Hiện tại, Tổng Công ty đang áp dụng phương thức thanh toán điện tử nhằm giảm bớt thu chi tiền mặt, áp dụng hệ thống EWS để cảnh báo sớm rủi ro xảy ra.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

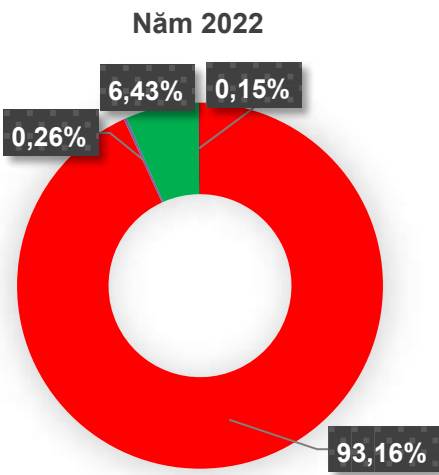
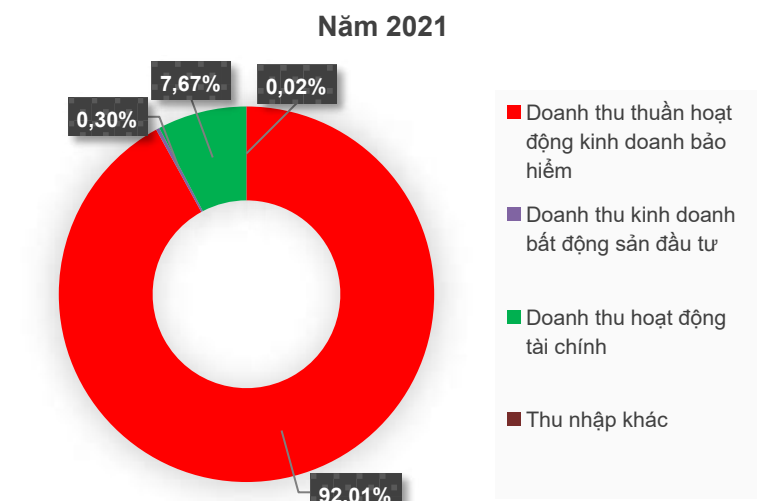
- TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ
- TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU
- BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng Doanh thu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	3.768.683	92,01%	4.510.395	93,16%	19,68%
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	12.305	0,30%	12.829	0,26%	4,26%
Doanh thu hoạt động tài chính	314.066	7,67%	311.079	6,43%	-0,95%
Thu nhập khác	1.023	0,02%	7.205	0,15%	604,35%
Tổng cộng	4.096.077	100,00%	4.841.509	100,00%	18,20%

Cơ Cấu Doanh Thu



T trong năm 2022, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh - một định chế tài chính hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, đã ghi nhận giá trị doanh thu kinh doanh hoạt động bảo hiểm đạt 4.510.395 triệu đồng tăng 19,68% so với cùng kỳ, chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu doanh thu và đóng góp 93,16% doanh thu. Thị trường bảo hiểm phi nhân thọ gặp những điều kiện thuận lợi khi GDP bình quân đầu người tăng 10,57% so với cùng kỳ đạt 95,6 triệu đồng/người, đây là điều kiện để kích thích nhu cầu chi tiêu cho các khoản bảo hiểm phi nhân thọ, đặc biệt là bảo hiểm sức khỏe và bảo hiểm xe cơ giới khi nhu cầu mua xe cao hơn so với năm 2021.

Diễn biến thị trường tài chính - tiền tệ trong năm nay không mấy tích cực đã ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư tài chính của Bảo Minh, khi doanh thu ở mảng này giảm nhẹ 0,95% đạt 311.079 triệu đồng. Ngoài ra, hoạt động đầu tư bất động sản và thu nhập khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu doanh thu.



TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

BAN ĐIỀU HÀNH

Thành viên	Chức vụ	Số lượng cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
Ông Vũ Anh Tuấn	Tổng Giám đốc	4.384	0,004%
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc	20.778	0,019%
Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	24	0,00002%
Ông Châu Quang Linh	Phó Tổng Giám đốc	8.784	0,008%
Ông Sái Văn Hưng	Kế toán trưởng	638	0,0006%

Lý lịch Ban điều hành

Ông Vũ Anh Tuấn

Nơi sinh: 1979
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Ông Nguyễn Thế Năng

Nơi sinh: 1963
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: : Cử nhân chuyên ngành Kinh tế đối ngoại, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh trường đại học Wisconsin Madison

Ông Phạm Minh Tuấn

Nơi sinh: 1973
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Tài chính – Kế toán trường đại học Kinh tế Tp.HCM

Ông Châu Quang Linh

Nơi sinh: 1968
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Vận tải ô tô

Ông Sái Văn Hưng

Nơi sinh: 1980
Quốc tịch: Việt nam
Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

 **TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**
HỘI NGHỊ
TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NĂM 2022
VÀ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KINH DOANH NĂM 2023
Hà Nội, ngày 21 tháng 12 năm 2022

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG BAN ĐIỀU HÀNH TRONG NĂM 2022

Không có

SỐ LƯỢNG CÁN BỘ, NHÂN VIÊN

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động		
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	1.123	68,69%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	388	23,73%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	124	7,58%
II	Theo giới tính		
1	Nam	798	48,81%
2	Nữ	836	51,13%
III	Theo thời hạn HĐLĐ		
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	-	-
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	184	11,25%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	1.451	88,75%
IV	Theo độ tuổi		
1	Từ 18 đến 25 tuổi	57	3,49%
2	Từ 25 đến 36 tuổi	459	28,07%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	602	36,82%
4	Trên 45 tuổi	517	31,62%
Tổng cộng		1.635	100%

Thu nhập bình quân

Năm	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Thu nhập bình quân của người lao động (triệu đồng/tháng/người)	18,43	19,47	25,31	27,62

Chính sách nhân sự

Về đào tạo

Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh luôn đề cao giá trị con người trong sự phát triển lâu dài của công ty qua đó đẩy mạnh công tác đào tạo để nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Với sự chuẩn bị kỹ lưỡng trong những năm trước, đồng thời duy trì sự thuận lợi về mặt địa điểm BMI đã triển khai hệ thống đào tạo trực tuyến, tận dụng thời gian di chuyển để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và đã nhận được đánh giá cao của tất cả cán bộ công nhân viên của công ty.

Về tuyển dụng

Xây dựng đội ngũ cán bộ chất lượng cao là mục tiêu hàng đầu của Bảo Minh, Tổng công ty trong năm qua đã duy trì công tác tuyển dụng, thu hút nhân sự có trình độ chuyên môn, thái độ tốt và thích ứng nhanh trong môi trường cạnh tranh.

Năm 2022, BMI tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, công nhân viên giai đoạn 2020-2025 trên toàn hệ thống. Không ngừng tìm kiếm, phát hiện cán bộ có năng lực chuyên môn và phẩm chất tốt để có kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng tạo nguồn cán bộ kế cận nhằm đảm bảo tính kế thừa và phát triển giữa các thế hệ lãnh đạo, đáp ứng nhiệm vụ kinh doanh trong cả ngắn hạn và dài hạn của Tổng Công ty.

Môi trường công việc

Người lao động làm việc tại Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh 8 giờ/ngày và 5 ngày/tuần. Bên cạnh đó BMI đảm bảo cho các cán bộ công nhân viên được nghỉ theo quy định của Luật Lao động bao gồm: ngày lễ, nghỉ Tết, nghỉ ốm, nghỉ thai sản, nghỉ phép, nghỉ việc riêng...

Chế độ bảo hiểm, phúc lợi: Tổng Công ty bảo đảm quyền lợi về bảo hiểm và phúc lợi cho người lao động trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành.

Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Nhằm khuyến khích động viên cán bộ nhân viên trong Tổng Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp, tăng năng suất chất lượng hoàn thành công việc. Bảo Minh đưa ra chính sách lương, thưởng đa dạng, phong phú như:

- Nhằm dịp Lễ Tết, sinh nhật Bảo Minh, sinh nhật CBNV, nghỉ mát, chi mua ĐTDD cho cán bộ, khám sức khỏe định kỳ 1 năm/1 lần, mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho toàn bộ CBNV;
- Chế độ BH chăm sóc sức khỏe của người thân;
- Các khoản thưởng tùy theo tình hình kinh doanh của Bảo Minh vào các dịp lễ, tết, sinh nhật của Tổng Công ty, chi ma chay, cưới hỏi của CBNV;

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ LỚN

Trong năm 2022, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh không thực hiện khoản đầu tư lớn nào.

CÔNG TY LIÊN DOANH - UIC



Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là “UIC”) là công ty liên doanh giữa Tổng công ty Cổ phần Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm KB (Hàn Quốc) được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 25 năm theo giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01/11/1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp phép và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29/04/2010 do Bộ Tài chính cấp. Trụ sở của UIC đặt tại Số 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội.

Vốn điều lệ của UIC là 300.000.000.000 đồng, trong đó Bảo Minh góp 48,45%. Hoạt động chính của UIC là kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện các nhiệm vụ gồm dịch vụ tư vấn bảo hiểm, dịch vụ giải quyết bồi thường, dịch vụ giám định và tư vấn phòng ngừa tổn thất.

Tình hình tài chính của UIC trong năm 2022:

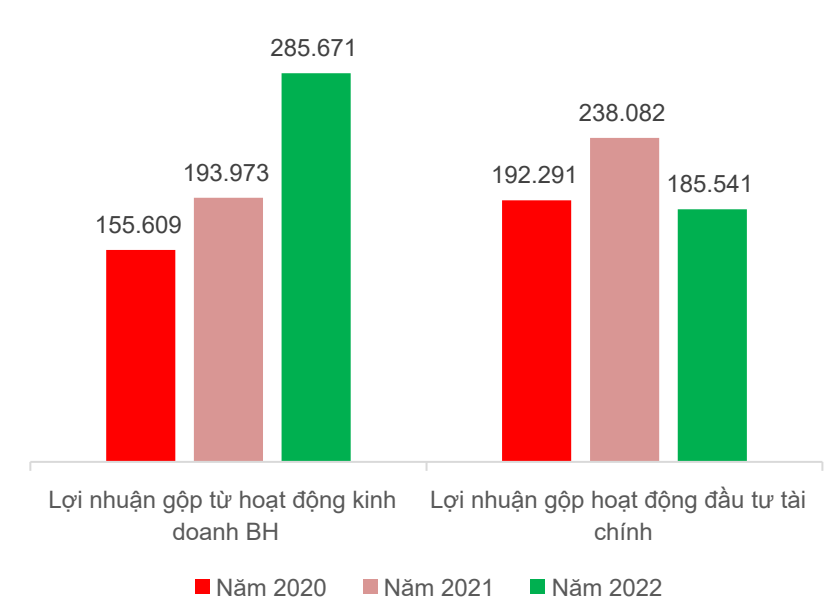
Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	%Tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	1.674.530	2.146.002	28,16%
Tổng doanh thu	468.130	501.476	7,12%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh BH	223.071	199.572	-10,53%
Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính	67.613	70.978	4,98%
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	199.286	168.737	-15,33%
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	159.929	134.994	-15,59%

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

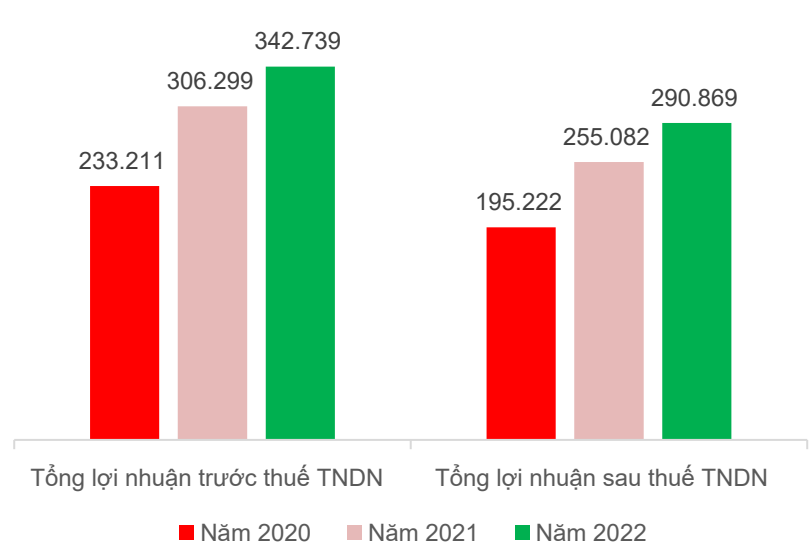
Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	%Tăng giảm 2022/2021
Tổng giá trị tài sản	6.551.552	7.387.212	7.036.881	-4,74%
Doanh thu thuần	4.053.066	4.096.077	4.841.509	18,20%
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh BH	155.609	193.973	285.671	47,27%
Lợi nhuận gộp hoạt động đầu tư tài chính	192.291	238.082	185.541	-22,07%
Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN	233.211	306.299	342.739	11,90%
Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN	195.222	255.082	290.869	14,03%



Trong những năm qua thị trường bảo hiểm phi nhân thọ đối diện với sức ép cạnh tranh cực kỳ gay gắt giữa các doanh nghiệp trong và ngoài nước. Tuy vậy, với sự cố gắng và nỗ lực không ngừng của toàn thể nhân viên và các đại lý bảo hiểm, Bảo Minh đã đạt được những kết quả khả quan trong năm 2022. Cụ thể, Tổng giá trị tài sản của Bảo Minh đạt mức 7.036.881 triệu đồng, giảm nhẹ 4,74% so với cùng kỳ, nguyên nhân chủ yếu đến từ việc giảm dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm từ mức 1.617.886 triệu đồng cùng kỳ về mức 983.714 triệu đồng.

Về tổng doanh thu thuần năm 2022 ghi nhận tăng trưởng 18,20% so với cùng kỳ đạt mức 4.841.509 triệu đồng, đóng góp chủ yếu từ hoạt động thu phí bảo hiểm gốc tăng 20,05% so với năm 2021. Tình hình lợi nhuận gộp của Công ty có sự phân hóa giữa hoạt động kinh doanh bảo hiểm và đầu tư tài chính. Về hoạt động kinh doanh bảo hiểm ghi nhận tăng trưởng lợi nhuận gộp 47,27%, nguyên nhân đến từ doanh thu từ thu phí bảo hiểm gốc tăng nhưng chi phí bồi thường cho những sự kiện bảo hiểm lại giảm nhẹ, việc này cho thấy công tác định phí và giám định tổn thất của Bảo Minh tốt hơn. Về hoạt động đầu tư tài chính ghi nhận lợi nhuận gộp đạt 185.541 triệu đồng giảm 22,07% so với năm 2021, nguyên nhân do Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hoạt động đầu tư trong bối cảnh thị trường tài chính – tiền tệ gặp nhiều khó khăn.



Như vậy, trong năm qua Tổng Công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế đạt 290.869 triệu đồng tăng 14,03% so với năm 2021 do đóng góp từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đây là điểm khác biệt so với năm ngoái khi mà hoạt động đầu tư tài chính đóng góp vào lợi nhuận sau thuế là chủ yếu.

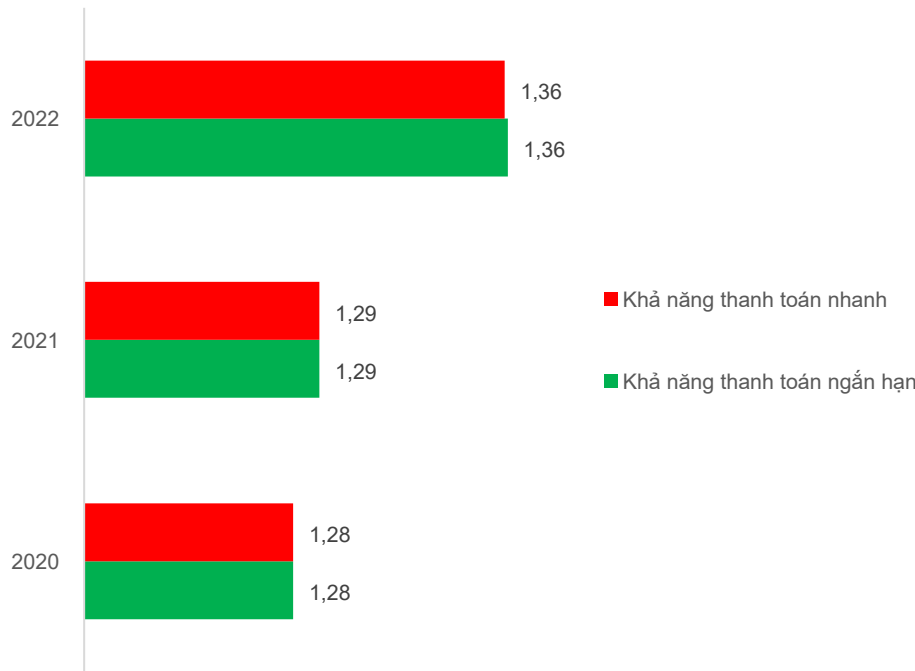


CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CHỦ YẾU

Chỉ tiêu khả năng thanh toán

Đơn vị tính: Lần

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Khả năng thanh toán ngắn hạn	1,28	1,29	1,36
Khả năng thanh toán nhanh	1,28	1,29	1,36



Năm 2022, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty vẫn giữ ở mức tương đối ổn định so với những năm trước đó, đạt 1,36 lần cao hơn mức 1,29 lần cùng kỳ. Điều này được giải thích bởi trong năm Tổng Công ty đã trích khoản dự phòng bồi thường bảo hiểm chỉ khoảng một phần hai so với năm trước, khoản dự phòng này nhằm bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết trong tương lai.

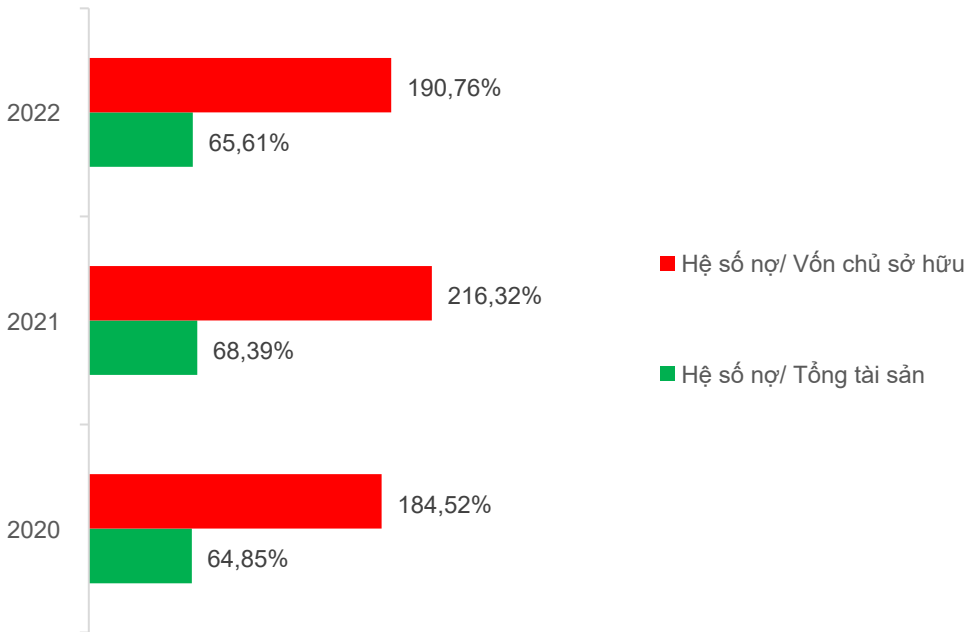
Hệ số thanh toán nhanh của công ty xấp xỉ với hệ số thanh toán ngắn hạn do tồn kho của công ty chiếm tỷ trọng rất thấp trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty. Những tài sản này chủ yếu bao gồm các khoản phải thu và văn phòng phẩm.

////////////////////
////////////////////

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Hệ số nợ/ Tổng tài sản	64,85	68,39	65,61
Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	184,52	216,32	190,76



Trong năm 2022, Bảo Minh đã ghi nhận giảm của cả hai chỉ số Hệ số Nợ/Tổng tài sản và Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu so với năm 2021, với tỷ lệ lần lượt là 65,61% và 190,76%. Tổng số tiền nợ mà Bảo Minh phải trả trong năm 2022 chủ yếu là nợ ngắn hạn, đạt mức 4.615.591 triệu đồng. Nguyên nhân chủ yếu do trong

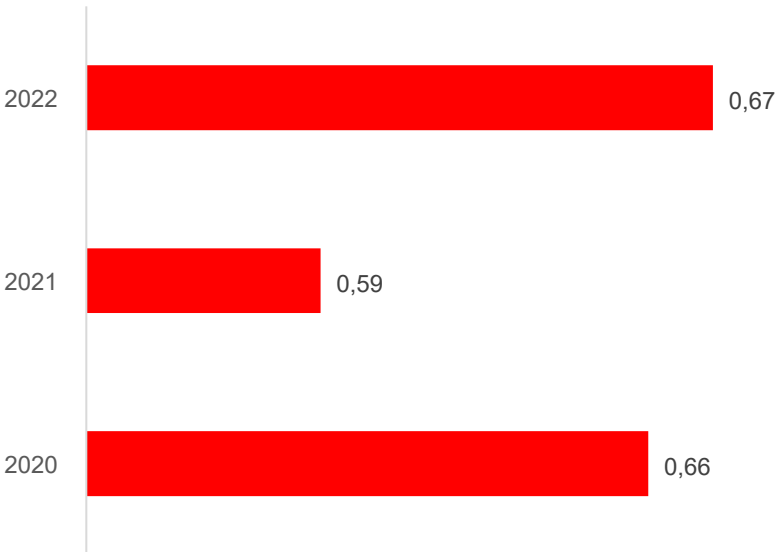
năm Bảo Minh đã giảm một nửa khoản dự phòng nghiệp vụ - bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm. Với đặc thù hoạt động trong ngành bảo hiểm, cơ cấu vốn của Bảo Minh không chỉ giúp đảm bảo an toàn cho Công ty mà còn giúp đảm bảo các vấn đề xã hội khác, giúp cho khách hàng an tâm trong hoạt động kinh doanh và chăm lo cuộc sống.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Đơn vị tính: Vòng

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Vòng quay hàng tồn kho	(Không áp dụng)		
Vòng quay tổng tài sản	0,66	0,59	0,67

Vòng quay tổng tài sản



Trong năm 2022, hoạt động sản xuất kinh doanh và tiêu dùng của công chúng đã quay trở lại bình thường đã giúp cho hoạt động kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty tốt hơn so với cùng kỳ, điều này phản ánh lên

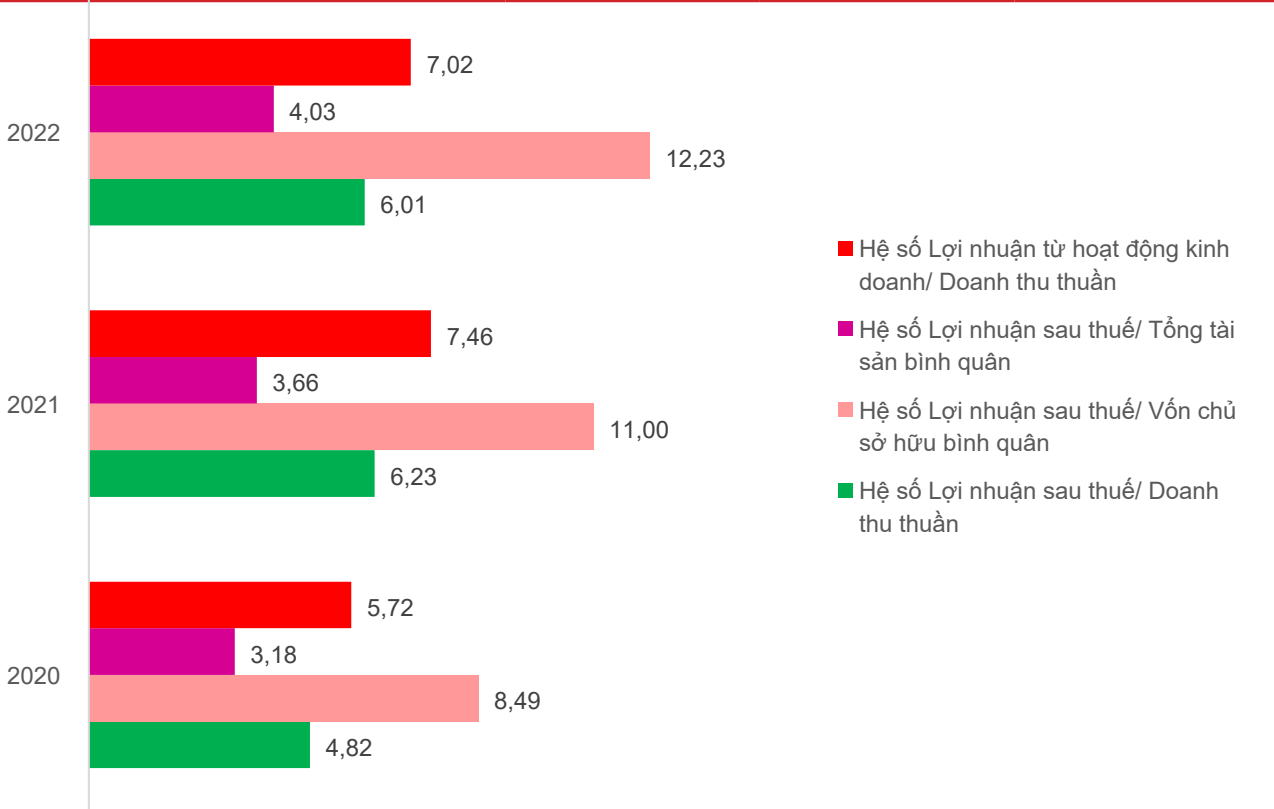
doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm đã tăng 19,68% so với cùng kỳ. Do đó, chỉ tiêu về vòng quay tổng tài sản của Bảo Minh đã tăng từ 0,59 lần lên 0,67 lần trong năm nay.



Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

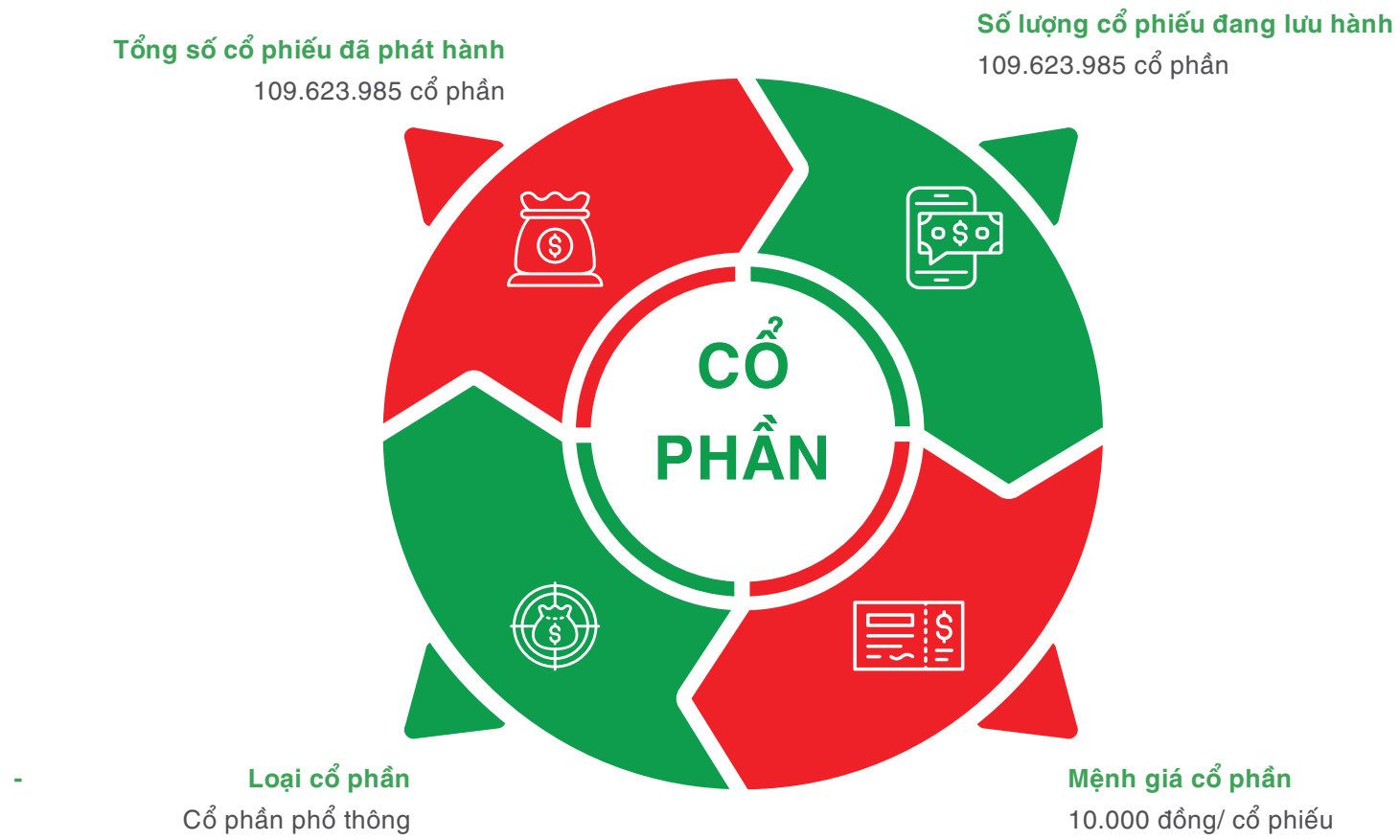
Đơn vị tính: %

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	4,82	6,23	6,01
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân	8,49	11,00	12,23
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân	3,18	3,66	4,03
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	5,72	7,46	7,02



Theo Báo cáo tình hình kinh tế xã hội quý IV và năm 2022 được Tổng cục thống kê công bố, GDP bình quân đầu người đạt 95,6 triệu đồng/người tăng 10,57% so với cùng kỳ. Điều kiện kinh tế vĩ mô thuận lợi và sự chỉ đạo tận tâm của Ban điều hành, nỗ lực của toàn thể cán bộ công nhân viên đã giúp khả năng sinh lời của Bảo Minh tích cực khi hệ số ROE, ROA ghi nhận tăng lên mức 12,23% và 4,03% so với 11,00% và 3,66 cùng kỳ. Tuy nhiên, với diễn biến không thuận lợi của thị trường tài chính – tiền tệ đã gây ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư tài chính của Tổng Công ty, vì vậy đã phản ánh lên hệ số ROS và Lợi nhuận hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần giảm nhẹ lần lượt là 6,01% và 7,02%, trong khi đó cùng kỳ năm trước ghi nhận 6,23% và 7,46%.

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Thời điểm	Vốn tăng thêm	Vốn điều lệ	Hình thức tăng vốn
Năm 2007	321 tỷ đồng	755 tỷ đồng	Phát hành cho đối tác chiến lược
Năm 2015	75,5 tỷ đồng	830,5 tỷ đồng	Tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu
Năm 2016	83,05 tỷ đồng	913,55 tỷ đồng	Tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu
Năm 2021	182,7 tỷ đồng	1096,2 tỷ đồng	Tăng vốn cổ phần từ vốn chủ sở hữu

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU QUỸ VÀ CHỨNG KHOÁN KHÁC

Không phát sinh

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

Tính tại ngày 25/10/2022

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông theo tiêu chí tỷ lệ sở hữu	109.623.985	1.096.239.850.000	100%
1	Cổ đông sở hữu từ 5% vốn CP trở lên	80.027.632	800.276.320.000	73,00%
2	Cổ đông sở hữu dưới 5% vốn CP	29.596.353	295.963.530.000	27,00%
II	Cổ đông trong nước	74.640.382	746.403.820.000	68,09%
1	Cá nhân	16.157.561	161.575.610.000	14,74%
2	Tổ chức	58.482.821	584.828.210.000	53,35%
-	Nhà nước	55.580.817	555.808.170.000	50,70%
-	Khác	2.902.004	29.020.040.000	2,65%
III	Cổ đông nước ngoài	34.983.603	349.836.030.000	31,91%
1	Cá nhân	1.856.683	18.566.830.000	1,69%
2	Tổ chức	33.126.920	331.269.200.000	30,22%
	Tổng cộng (II+III)	109.623.985	1.096.239.850.000	100%

Danh sách cổ đông lớn

Danh sách cổ đông lớn	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước	55.580.817	555.808.170.000	50,70%
Tập đoàn Tài chính Bảo hiểm AXA	18.251.640	182.516.400.000	16,65%
Firstland Company Limited	6.195.175	61.951.750.000	5,65%

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TIÊU THỤ NƯỚC

Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, bảo hiểm, các hoạt động kinh doanh của Bảo Minh không tác động đáng kể tới môi trường. Song, trong hoạt động nội bộ, Bảo Minh luôn chú trọng và phổ biến tới toàn thể cán bộ nhân viên về việc nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng, nhiên liệu, ...Chi phí sử dụng nước sinh hoạt năm 2022 trong toàn hệ thống Bảo Minh khoảng 660 triệu đồng, chủ yếu là phục vụ cho nhu cầu cơ bản cho cán bộ nhân viên văn phòng như nước uống, vệ sinh, ...



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

Trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh của mình, Bảo Minh nhận thức được bảo vệ môi trường không chỉ là trách nhiệm , nghĩa vụ của mỗi doanh nghiệp mà còn là nền tảng phát triển bền vững trong tương lai, do đó, Bảo Minh cũng luôn cố gắng tuân thủ và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, nỗ lực trong việc nâng cao nhận thức của cán bộ nhân viên về việc bảo vệ môi trường, sử dụng tiết kiệm các nguồn năng lượng, điện, nước....





CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN NGƯỜI LAO ĐỘNG

Năm 2022, tổng số lao động tại Bảo Minh là 1.635 người, với mức thu nhập bình quân của người lao động là 27,62 triệu đồng/ tháng.

Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong việc hoàn thành nhiệm vụ kinh doanh hàng năm cũng như trong chiến lược kinh doanh của mình, Ban lãnh đạo của Bảo Minh luôn quan tâm, chú trọng và cải thiện các chính sách liên quan tới người lao động. Mỗi năm một lần, Bảo Minh đều tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho người lao động theo tiêu chuẩn và quy định. Các cán bộ nhân viên của Bảo Minh sẽ được hưởng đầy đủ chế độ bảo hiểm theo quy định của Nhà nước, đồng thời được hưởng chế độ bảo hiểm chăm sóc sức khỏe của Bảo Minh cho bản thân và cho người thân. Người lao động cũng được thăm hỏi khi ốm đau, gặp tai nạn, cán bộ nhân viên nữ đều được hưởng chế độ thai sản đầy đủ.

Bên cạnh đó, toàn bộ người lao động của Bảo Minh đều được hưởng phụ cấp ăn trưa, các khoản công tác phí, được tham gia đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ do Trung tâm đào tạo của Bảo Minh tổ chức, được thanh toán toàn bộ các chi phí khóa học ngắn hạn. Đối với các cán bộ có năng lực tốt, được cử tham gia học các khóa đào tạo dài hạn trong và ngoài nước cũng được Tổng Công ty đài thọ phần chi phí theo quy định.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Trong suốt quá trình hoạt động của mình, Bảo Minh luôn tập trung đến việc phục vụ cộng đồng và chịu trách nhiệm xã hội. Trên nền tảng đó, trong năm 2022, Bảo Minh tiếp tục thực hiện các hoạt động có ý nghĩa để đóng góp cho sự phát triển cộng đồng và thúc đẩy các hoạt động an sinh xã hội, đồng thời vẫn duy trì các hoạt động kinh doanh chính bảo hiểm.

Bảo Minh là một trong những doanh nghiệp có trách nhiệm xã hội cao và luôn đóng góp tích cực cho sự phát triển bền vững của xã hội. Trong năm 2022, Bảo Minh đã

tiếp tục đóng góp phúc lợi xã hội như chi tài trợ xây trường học tại Bạc Liêu, chi hỗ trợ chương trình "Sống và máy tính cho em" tại Lạng Sơn, chi tài trợ xây dựng cột mốc Trường Sa, hỗ trợ hội người khuyết tật, hội chữ thập đỏ, tài trợ Quỹ học bổng Bảo Minh "Chắp cánh ước mơ" cho trường Đại học Tài chính - Marketing,... Bằng việc hỗ trợ những hoàn cảnh khó khăn, Bảo Minh đã góp phần tạo ra một môi trường sống tốt đẹp hơn cho cộng đồng và xã hội Việt Nam.



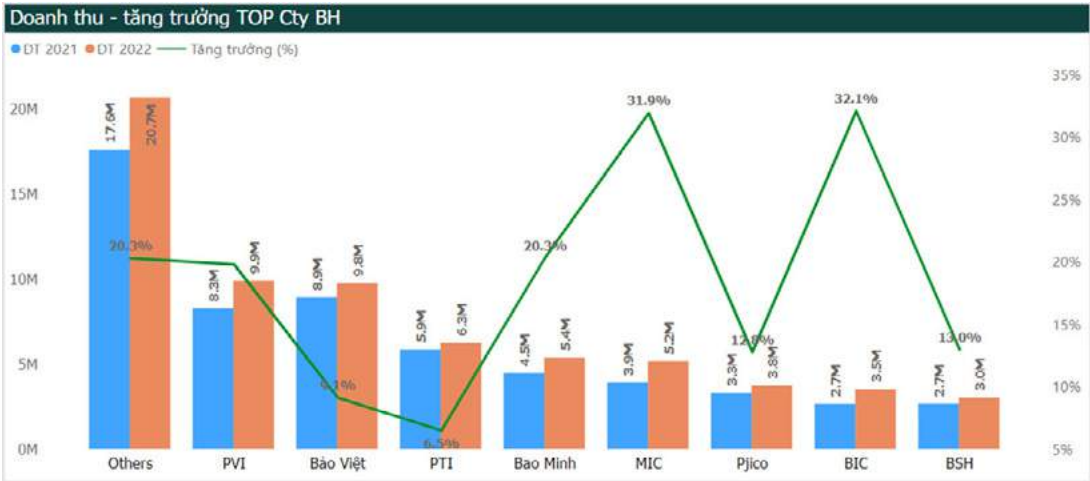


BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

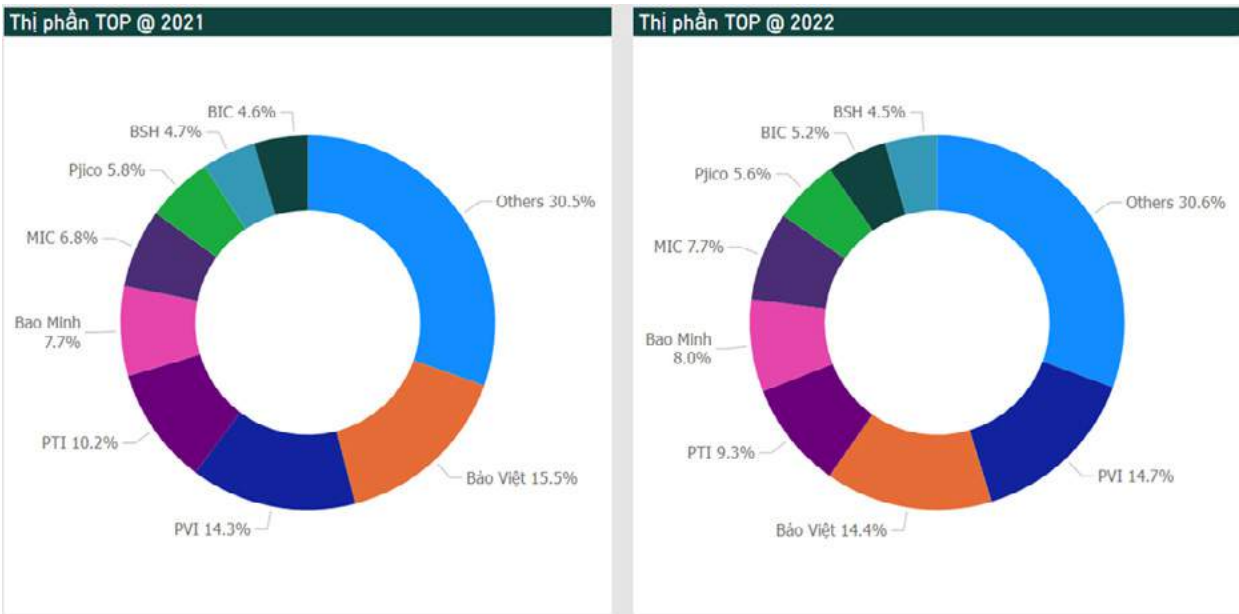
- TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM 2022
- ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
- TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
- NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ
- KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI
- BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

TÌNH HÌNH THỊ TRƯỜNG BẢO HIỂM 2022

Năm 2022, mặc dù thị trường bảo hiểm Việt Nam đối diện với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng các chỉ tiêu quan trọng của thị trường bảo hiểm đều duy trì mức tăng trưởng khả quan. Tổng doanh thu phí bảo hiểm toàn thị trường bảo hiểm nhận thọ và phi nhân thọ ước đạt 245.877 tỷ đồng, tăng trưởng khoảng 15% so với năm 2021; trong đó, doanh thu phí bảo hiểm lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ ước đạt 67.608 tỷ đồng (tăng trưởng khoảng 16,8% so với năm 2021).



Về thị phần BH PNT, vị trí Top 1 thị trường có sự hoán đổi giữa PVI và Bảo Việt, cụ thể PVI đã vượt qua Bảo Việt chiếm vị trí thứ 1 với 14,7% thị phần; Bảo Minh với tốc độ tăng trưởng về tổng doanh thu (phí BH gốc) là 20,3%, cao hơn tốc độ tăng của thị trường, qua đó vẫn tiếp tục duy trì top 4 với mức thị phần tăng nhẹ, chiếm 8% thị phần.



ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	TH 2021	TH 2022/KH 2022	TH 2022/TH2021
Tổng doanh thu	5.700.000	6.312.481	5.348.183	110,75%	118,03%
- Phí bảo hiểm gốc	4.817.665	5.398.971	4.496.389	112,07%	120,07%
- Phí nhận tái bảo hiểm	555.864	582.396	524.400	104,77%	111,06%
- Doanh thu hoạt động tài chính và BĐS đầu tư	326.471	323.909	326.371	99,22%	99,25%
- Thu nhập khác	-	7.205	1.023	-	704,46%
Tổng LN trước thuế	340.000	342.739	306.299	100,81%	111,90%
- Lợi nhuận thuần từ KDBH	93.700	147.049	61.090	156,94%	240,71%
- Lợi nhuận hoạt động tài chính và BĐS đầu tư	187.000	192.665	244.486	103,03%	78,80%
- Lợi nhuận khác	-	3.025	722	-	418,73%
- Lợi nhuận sau thuế	-	290.869	255.082	-	114,03%
ROE	10%	12,23%	11,00%	122,30%	111,18%

Năm 2022, nền kinh tế Việt Nam đã có nhiều dấu hiệu khởi sắc. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định. Mặc dù chịu ảnh hưởng chung của các vấn đề về dịch bệnh, xung đột giữa các nước trên thế giới nhưng tăng trưởng kinh tế của Việt Nam cả năm 2022 đạt 8,02% (số liệu Tổng cục Thống kê). Áp lực lạm phát ở mức vừa phải do đã có sự phối hợp điều chỉnh giá dịch vụ, hàng hóa do nhà nước quản lý.

Trong bối cảnh nêu trên, thị trường bảo hiểm tiếp tục ghi nhận sự phát triển tích cực. Điều này được thể hiện qua hàng loạt các chỉ tiêu như: sự tăng trưởng về doanh thu phí bảo hiểm, năng lực tài chính của các doanh nghiệp bảo hiểm, việc thực hiện tốt chức năng chi trả quyền lợi bảo hiểm tăng cường các dịch vụ tiện ích chăm sóc khách hàng, việc gia tăng tái đầu tư trở lại nền kinh tế, đóng góp vào sự phát triển nền kinh tế xã hội, việc triển khai tích cực các loại hình bảo hiểm thực hiện chủ trương chính sách của nhà nước.

Kết quả đến hết năm 2022, Bảo Minh đã hoàn thành vượt tiến độ các chỉ tiêu kế hoạch đề ra như sau:

- Tổng doanh thu cả năm 2022 đạt 6.312.418 triệu đồng hoàn thành 110,75% kế hoạch cả năm 2022 và tăng trưởng 18,03% so với cùng kỳ;
- Lợi nhuận trước thuế đạt 342.739 triệu đồng, hoàn thành 100,81% kế hoạch cả năm 2022 và tăng trưởng 11,90% so với cùng kỳ;
- Tỷ lệ kết hợp đạt 96,56% (bao gồm trích lập đầy đủ dự phòng dao động lớn và không sử dụng quỹ dự phòng dao động lớn);
- ROE đạt 12,23% hoàn thành 122,3% kế hoạch năm 2022 và tăng trưởng 11,2% so với cùng kỳ.

Cơ cấu doanh thu phí bảo hiểm gốc 2022 theo sản phẩm

Đơn vị tính: Triệu đồng

Doanh thu phí bảo hiểm gốc	Năm 2021	Năm 2022	%Tăng giảm
Bảo hiểm Cháy nổ	985.075	1.124.651	14,17%
Bảo hiểm Sức khỏe	1.708.985	2.160.601	26,43%
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	161.315	174.517	8,18%
Bảo hiểm Hàng không	1.472	38.014	2482,37%
Bảo hiểm Kỹ thuật	146.143	182.558	24,92%
Bảo hiểm Nông nghiệp	5.225	797	-84,74%
Bảo hiểm Tàu	111.005	144.223	29,93%
Bảo hiểm Thiệt hại kinh doanh	99.354	103.876	4,55%
Bảo hiểm Tín dụng	464.916	527.869	13,54%
Bảo hiểm Trách nhiệm	69.577	78.849	13,33%
Bảo hiểm xe cơ giới	743.322	863.016	16,10%
Tổng cộng	4.496.389	5.398.971	20,07%

NHỮNG TIẾN BỘ CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC

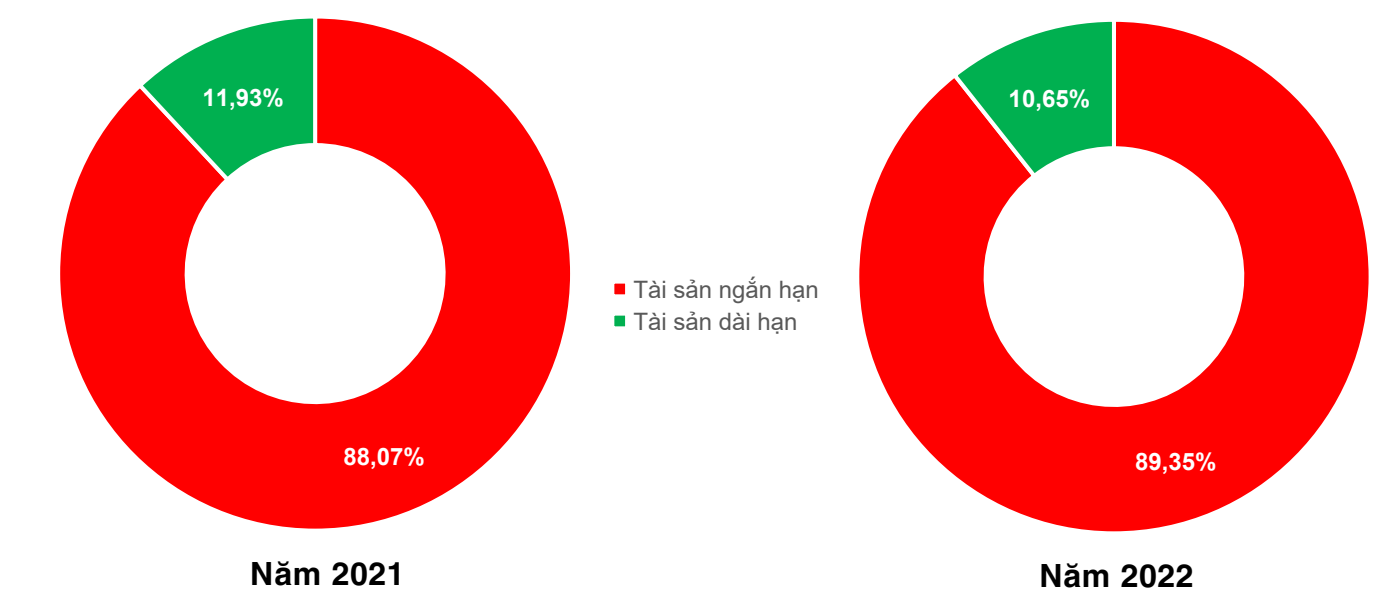
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đã nỗ lực duy trì sự ổn định tài chính và quản trị rủi ro tốt, nhằm đảm bảo hoạt động bảo hiểm diễn ra hiệu quả và bền vững. Tổng Công ty đã áp dụng các chính sách, quy trình và tiêu chuẩn chất lượng cao trong các hoạt động kinh doanh của mình. Điều này đã giúp Bảo Minh kiểm soát được các rủi ro về tài chính, đồng thời cung cấp các sản phẩm bảo hiểm chất lượng cao đến khách hàng. Các biện pháp cụ thể để duy trì sự ổn định tài chính của Tổng Công ty bao gồm quản lý rủi ro tốt, đầu tư hợp lý, tăng cường kiểm soát nội bộ và đảm bảo tuân thủ các quy định và luật pháp liên quan. Bên cạnh đó, Bảo Minh

cũng thường xuyên cập nhật và đánh giá lại chiến lược kinh doanh để đảm bảo sự thích nghi với thị trường và các biến động kinh tế xã hội. Sự ổn định tài chính và quản trị rủi ro tốt cũng giúp cho Bảo Minh đạt được những thành tích đáng kể trong hoạt động kinh doanh, như tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận và giữ vững thị phần. Ngoài ra, khả năng sinh lời của Tổng Công ty cũng được nâng cao, được thể hiện qua các chỉ số tài chính như ROE và ROA duy trì ổn định qua các năm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	6.505.895	88,07%	6.287.265	89,35%	-3,36%
Tài sản dài hạn	881.317	11,93%	749.617	10,65%	-14,94%
Tổng cộng	7.387.212	100%	7.036.881	100,00%	-4,74%



Năm 2022, tổng tài sản của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đạt mức 7.036.881 triệu đồng, giảm nhẹ 4,74% so với năm trước. Trong đó, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất với giá trị 6.287.265 triệu đồng, tương đương 89,35% tổng tài sản, trong khi đó tài sản dài hạn đạt 749.617 triệu đồng, chỉ chiếm 10,65% tổng tài sản. Nguyên nhân giảm của tổng tài sản chủ yếu từ tài sản ngắn hạn, trong năm tài sản tái bảo hiểm của Bảo Minh giảm mạnh. Với cơ cấu chiếm phần lớn tài sản ngắn hạn, giúp hoạt động kinh doanh và quản trị rủi ro của Tổng Công ty linh hoạt, an toàn hơn, từ đó ổn định quá trình kinh doanh trong bối cảnh kinh tế đang đối mặt với nhiều rủi ro.

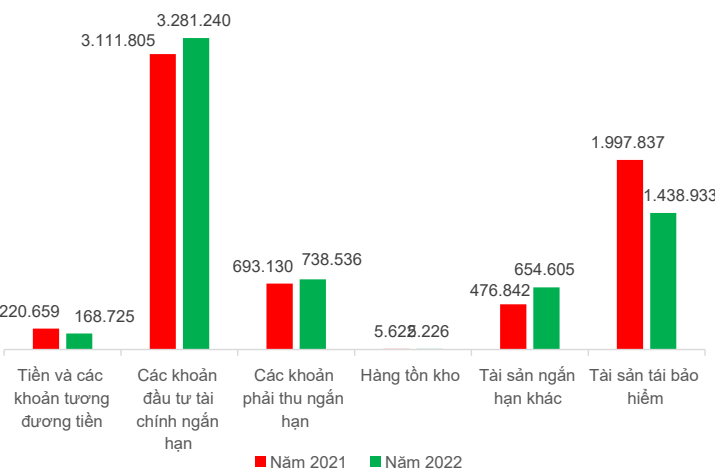
TÌNH HÌNH TÀI SẢN

Tài sản ngắn hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.659	3,39%	168.725	2,68%	-23,54%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	3.111.805	47,83%	3.281.240	52,19%	5,44%
Các khoản phải thu ngắn hạn	693.130	10,65%	738.536	11,75%	6,55%
Hàng tồn kho	5.622	0,09%	5.226	0,08%	-7,05%
Tài sản ngắn hạn khác	476.842	7,33%	654.605	10,41%	37,28%
Tài sản tái bảo hiểm	1.997.837	30,71%	1.438.933	22,89%	-27,98%
Tổng cộng	6.505.895	100%	6.287.265	100%	-3,36%

Tài sản ngắn hạn của Bảo Minh năm 2022 đạt 6.287.265 triệu đồng giảm 3,36% so với năm trước. Trong đó, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn chiếm tỷ trọng cao nhất chiếm 52,19% cao hơn mức 47,83% cùng kỳ, đạt 3.281.240 triệu đồng. Nguyên nhân do mặt bằng lãi suất có xu hướng tăng trong năm 2022, vì vậy

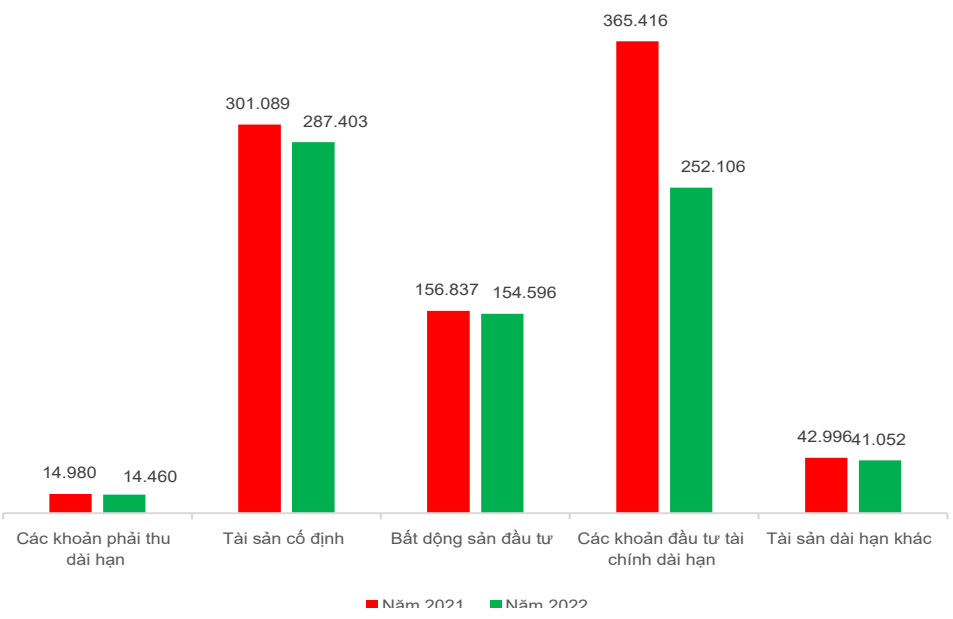


Bảo Minh đã gia tăng khoản tiền gửi có kỳ hạn. Bước vào năm 2022, thị trường chứng khoán rơi vào xu hướng giảm, điều này đã ảnh hưởng đến cổ phiếu kinh doanh của Tổng Công ty, do đó Bảo Minh đã trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn 44.296 triệu đồng, trong khi cùng kỳ chỉ có 17.951 triệu đồng. Đối với việc giảm tài sản ngắn hạn của Tổng Công ty chịu tác động chủ yếu do giảm mạnh tài sản tái bảo hiểm từ mức 1.997.837 triệu đồng cùng kỳ về mức 1.438.933 triệu đồng và chiếm tỷ trọng thứ 2 trong cơ cấu tài sản ngắn hạn với 22,89%. Nguyên nhân đến từ khoản mục dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm giảm. Về tài sản ngắn hạn khác của Bảo Minh ghi nhận tăng trưởng mạnh 37,28% so với cùng kỳ đạt 654.605 triệu đồng, do chi phí trả trước ngắn hạn tăng chủ yếu do giá trị các khoản Chi phí hoa hồng chưa phân bổ và Chi phí khai thác trả trước trong năm tăng. Như vậy, với đặc thù kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, bắt buộc Bảo Minh phải tận dụng cơ hội của số tiền nhàn rỗi từ phí bảo hiểm gốc để đầu tư tài chính tìm kiếm nguồn lợi nhuận cho Tổng Công ty, do đó khoản mục đầu tư tài chính luôn duy trì với tỷ trọng cao.

Tài sản dài hạn

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Các khoản phải thu dài hạn	14.980	1,70%	14.460	1,93%	-3,47%
Tài sản cố định	301.089	34,16%	287.403	38,31%	-4,55%
Bất động sản đầu tư	156.837	17,80%	154.596	20,61%	-1,43%
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	365.416	41,46%	252.106	33,61%	-31,01%
Tài sản dài hạn khác	42.996	4,88%	41.052	5,47%	-4,52%
Tổng cộng	881.318	100,00%	750.170	100,00%	-14,88%



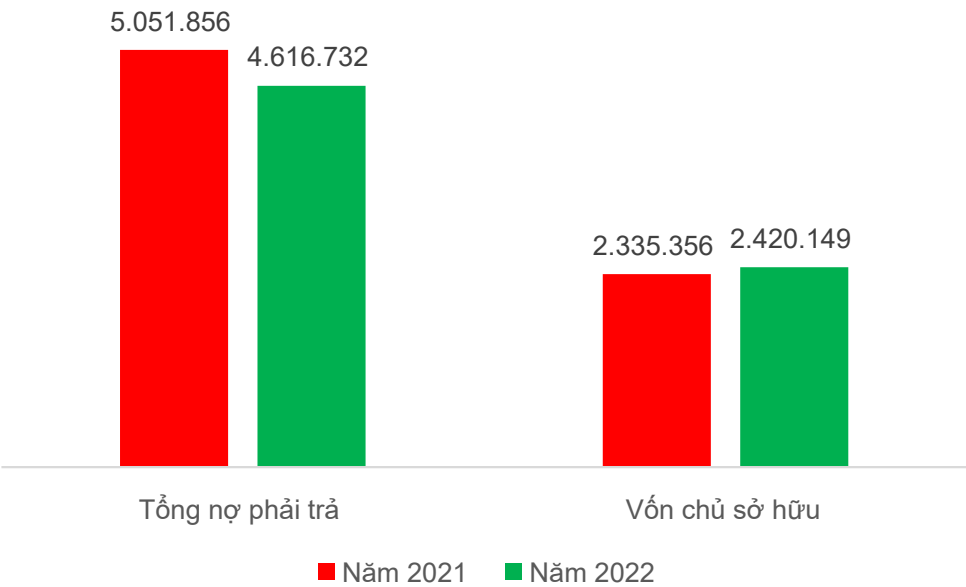
Tài sản dài hạn của Bảo Minh năm 2022 giảm 14,88% so với cùng kỳ năm trước, đạt giá trị 750.170 triệu đồng. Nhìn chung, trong cơ cấu tài sản dài hạn của Tổng Công ty đều giảm nhẹ, riêng chỉ có khoản mục các khoản đầu tư tài chính dài hạn giảm mạnh 31,01% so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu do Bảo Minh giảm đầu tư các sản phẩm tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn.

TÌNH HÌNH NGUỒN VỐN

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021		Năm 2022		%Tăng giảm
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tổng nợ phải trả	5.051.856	68,39%	4.616.732	65,61%	-8,61%
- Nợ ngắn hạn	5.050.762	68,37%	4.615.591	65,59%	-8,62%
- Nợ dài hạn	1.094	0,02%	1.141	0,02%	4,29%
Vốn chủ sở hữu	2.335.356	31,61%	2.420.149	34,39%	3,63%

T trong năm 2022, tình hình nợ phải trả của Tổng Công ty giảm 8,61% so với năm trước ghi nhận giá trị 4.616.732 triệu đồng, chiếm 65,61% trong cơ cấu nguồn vốn. Trong khoản cơ cấu nợ phải trả của Bảo Minh, nợ ngắn hạn chiếm phần lớn với giá trị 4.615.591 triệu đồng giảm 8,62% so với năm 2021, nguyên nhân chủ yếu do mục thuế và các khoản phải nộp Nhà nước giảm mạnh. Về vốn chủ sở hữu của Tổng Công ty không có sự thay đổi nhiều, chỉ thay đổi ở khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối; ngoài ra, do đặc thù ngành bảo hiểm cần sự an toàn tài chính nên BMI bắt buộc phải trích lập quỹ dự trữ bắt buộc với 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm.



NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Về sản phẩm và dịch vụ bảo hiểm

Để đạt được hiệu quả quản lý cao trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty đã cải tiến chất lượng dịch vụ bảo hiểm từ khâu bán hàng đến khâu giải quyết bồi thường, chăm sóc khách hàng; nghiên cứu phát triển các nhóm sản phẩm mới. Đẩy mạnh các kênh phân phối: bancassurance, online, môi giới, đại lý. Chuẩn hóa các quy định, quy trình về khai thác, bồi thường; tăng phân cấp cho các đơn vị thành viên để chủ động khai thác hiệu quả.



Về công tác nhân sự

Thực hiện tốt công tác đánh giá năng suất lao động, tuyển dụng và sắp xếp lại nhân sự để nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban/Phòng/Trung tâm Trụ sở chính.



Về công tác tài chính kế toán

Tổng Công ty đã triển khai công tác kế toán bằng công nghệ thông tin giúp phản ánh số liệu kinh doanh nhanh chóng, kịp thời. Phân tích tình hình kinh doanh của các đơn vị, nghiệp vụ theo yêu cầu của quản lý, kiểm soát chi tiêu hiệu quả.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Kế hoạch 2023/ Thực hiện 2022
Tổng doanh thu	6.312.481	6.750.000	106,93%
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	5.398.971	5.769.700	106,87%
Doanh thu nhận tái bảo hiểm	582.396	630.300	108,23%
Doanh thu đầu tư tài chính và BĐS	323.909	350.000	108,06%
Tổng lợi nhuận trước thuế	342.739	375.000	109,41%
ROE	12,23%	Tối thiểu 10%	-
Tỷ lệ chia cổ tức	15,00%	Tối thiểu 10%	-

Giải pháp thực hiện 2023

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh, phấn đấu hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2023, Ban Điều hành tiếp tục đề xuất thực hiện các giải pháp về quản lý và kinh doanh như sau:

Về công tác phát triển mạng lưới và đội ngũ nhân sự

- Hoàn thiện hồ sơ xin Giấy phép thành lập các công ty thành viên mới đã được HĐQT phê duyệt.
- Tổ chức triển khai đi vào hoạt động của 03 công ty thành viên mới (sau khi có Giấy phép của Bộ Tài chính): Tại TP.HCM gồm 2 đơn vị: Bảo Minh - Thủ Đức và Bảo Minh - Nam Sài Gòn; Tại TP. Hà Nội gồm 01 đơn vị: Bảo Minh - Long Biên.
- Tiếp tục thực hiện việc rà soát, đánh giá lại công tác nhân sự tại các công ty thành viên hoạt động yếu kém nhiều năm, nhiều sai phạm về tài chính cũng như tình hình nhân sự tại các Ban Trụ sở chính để thực hiện tái cấu trúc, kịp thời luân chuyển, điều động cán bộ để đem lại hiệu quả trong công tác tổ chức nhân sự, góp phần thúc đẩy hoạt động khai thác kinh doanh.
- Đẩy mạnh công tác tuyển dụng trên cơ sở đề xuất của các Ban, Phòng, Trung tâm Trụ sở chính, các đơn vị thành viên, để bổ sung nguồn nhân lực, góp phần cải thiện và nâng cao chất lượng và hiệu quả công việc.
- Nghiên cứu, bổ sung thêm nhân sự có trình độ, kinh nghiệm, năng lực phù hợp để đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ cũng như đào tạo đại lý, đồng thời nghiên cứu thêm hướng phát triển đào tạo cho các đối tượng bên ngoài nhằm góp phần tạo thêm nguồn doanh thu cho Bảo Minh.

Về chủ trương phát triển hệ thống công nghệ - thông tin

Đẩy mạnh đầu tư phát triển công nghệ thông tin để đáp ứng kịp thời xu hướng của thị trường, tăng khả năng cạnh tranh so với các doanh nghiệp khác trên thị trường, góp phần đem lại hiệu quả cao hơn trong công tác khai thác kinh doanh;
Hoàn thành việc triển khai phần mềm BH sức khỏe;
Tiếp tục xây dựng hệ thống bán hàng trực tuyến đáp ứng với nhu cầu phát triển kinh doanh.
Ban Công nghệ - Thông tin tiếp tục chủ động đề xuất, xây dựng phương án triển khai cụ thể các nội dung công việc, trình BDH, HĐQT xem xét, quyết định, góp phần hoàn thiện hệ thống CNTT, hỗ trợ đem lại hiệu quả trong công tác kinh doanh.

Về công tác quản lý các khoản chi phí

Bên cạnh các mục tiêu về tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Ban Điều hành cũng phải tập trung, chỉ đạo các bộ phận liên quan xây dựng các biện pháp nhằm kiểm soát các khoản chi phí theo quy định để đảm bảo đạt hiệu quả kinh doanh các nghiệp vụ, linh hoạt trong việc giải quyết các đề xuất của đơn vị liên quan tới chi phí, để kịp thời điều chỉnh nhằm đáp ứng nhu cầu thực hiện kinh doanh tại đơn vị song hạn chế tối đa việc sử dụng chi phí khai thác, tạm ứng không đúng mục đích, đối tượng, các cá nhân vi phạm các quy chế tài chính của TCT và các quy định pháp luật hiện hành.

Về công tác xây dựng thương hiệu, hình ảnh của Bảo Minh

Đẩy mạnh công tác xây dựng thương hiệu để hình ảnh Bảo Minh ngày càng đậm nét và mang tính nhận diện cao trên thị trường, thông qua việc thực hiện các hoạt động xã hội, xây dựng văn hóa doanh nghiệp và các hoạt động khác đồng thời tập trung nâng cao công tác chăm sóc, phục vụ khách hàng, đúng với phương châm “Bảo Minh – tận tình phục vụ”;
Đối với trụ sở các đơn vị thành viên, các Ban liên quan cần nghiên cứu đề xuất việc cải tạo, sửa chữa phù hợp, chi phí tiết kiệm nhưng đảm bảo an toàn lao động cũng như đảm bảo hình ảnh, thương hiệu, dấu ấn của Bảo Minh đối với đối tác, khách hàng.

Về việc phát triển sản phẩm mới

Đẩy mạnh việc nghiên cứu và xây dựng các sản phẩm mới để kịp thời đáp ứng nhu cầu của thị trường và khách hàng, tiếp tục phát triển việc khai thác qua các kênh bán hàng mới đầy tiềm năng như ngân hàng, các công ty tài chính, các công ty viễn thông, các tổ chức chính trị, xã hội và các kênh phân phối khác bên cạnh các kênh phân phối truyền thống như đại lý, môi giới.

Về hoạt động đầu tư

Theo dõi sát tình hình thị trường tiền tệ, lãi suất, và nhu cầu huy động vốn của các ngân hàng để thương lượng, tận dụng được mức lãi suất tốt nhất của từng ngân hàng với kỳ hạn phù hợp.
Hạn chế gửi tiền vào các ngân hàng ở nhóm thấp, điều chỉnh mức tiền gửi giữa các nhóm, tăng cường gửi vào các ngân hàng ở nhóm I, II (nhóm ngân hàng có vốn Nhà nước chi phối), và những ngân hàng có hỗ trợ khai thác bảo hiểm.
Cập nhật, phân tích, đánh giá tình hình biến động thị trường trái phiếu để hạn chế rủi ro khi đầu tư. Ưu tiên đầu tư trái phiếu (trên thị trường sơ cấp và thứ cấp) của các Ngân hàng có vốn Nhà Nước chi phối.
Đầu tư cổ phiếu theo hướng an toàn, thu hồi vốn/chốt lời các mã cổ phiếu hiện có trong danh mục, đầu tư mới một cách thận trọng bằng việc ưu tiên lựa chọn cổ phiếu của các ngành tăng trưởng, có các yếu tố cơ bản tốt (tiêu dùng hàng hóa cơ bản, bán lẻ, ngân hàng, CNTT...), có khả năng phục hồi tốt khi diễn biến thị trường thuận lợi.
Đảm bảo các yêu cầu về an toàn, hiệu quả tài chính và thanh khoản; góp phần nâng cao hiệu quả của hoạt động đầu tư nói riêng và hiệu quả kinh doanh chung của toàn Tổng Công ty.

Về công tác kiểm soát, xử lý, thu hồi công nợ

Cần tiếp tục duy trì các kết quả đã đạt được, xây dựng mục tiêu cụ thể về việc kiểm soát công nợ, đẩy mạnh công tác xử lý, thu hồi nợ, đặc biệt là các khoản công nợ tồn đọng nhiều năm, góp phần lành mạnh hóa tình hình tài chính của Bảo Minh.

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ

Dự kiến trong năm 2023, Công ty triển khai đầu tư tài chính và góp vốn vào đơn vị khác. Trong đó cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Nghìn đồng

Hạng mục đầu tư	Số dư đầu tư BQ	Doanh thu
Tiền gửi	3.100.000.000	233.000.000
Trái phiếu	101.701.000	8.500.000
Góp vốn	202.965.300	48.000.000
Cổ phiếu	103.475.308	15.500.000
Tổng cộng	3.508.141.608	305.000.000



BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN CÁC CHỈ TIÊU MÔI TRƯỜNG

Mặc dù là một định chế tài chính hoạt động trong lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ, nhưng Bảo Minh luôn nhận thức được tầm quan trọng của các vấn đề liên quan đến môi trường và có tầm nhìn xa hơn trong việc phát triển bền vững của doanh nghiệp.

Bảo Minh cũng đang trong quá trình nghiên cứu về các chính sách, chiến lược phát triển bền vững để đảm bảo rằng các hoạt động kinh doanh của mình không chỉ đáp ứng nhu cầu của khách hàng, mà còn đảm bảo bảo vệ môi trường và hỗ trợ sự phát triển bền vững của cộng đồng.

Ý thức được trách nhiệm của một doanh nghiệp với môi trường và xã hội, Bảo Minh luôn mong muốn sự phát triển bền vững gắn với bảo vệ môi trường, không chỉ mang lại những sản phẩm, dịch vụ chất lượng tới cho khách hàng mà còn là những đóng góp tích cực vào sự phát triển chung của xã hội.

ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG

Bảo Minh nhận thức được vai trò quan trọng của người lao động trong sự phát triển của Tổng Công ty. Do đó, trong năm 2022, Tổng Công ty luôn ưu tiên quan tâm đến đời sống của CBCNV về mọi mặt, bao gồm:

- Đảm bảo chế độ lương, thưởng và các đãi ngộ khác cho người lao động đúng quy định. Các khoản lương, thưởng được trả minh bạch, công bằng, phù hợp với chuyên môn năng lực và đóng góp của từng nhân viên.
- Tổ chức các khóa đào tạo, tập huấn nghiệp vụ cho nhân viên mới, đồng thời tạo điều kiện để tất cả cán bộ nhân viên có thể được bồi dưỡng, nâng cao kiến thức chuyên môn.
- Việc tổ chức kiểm tra, đánh giá nghiệp vụ chuyên môn của từng cán bộ nhân viên hàng kỳ là một hoạt động quan trọng nhằm đánh giá năng lực và nhu cầu phát triển của từng cá nhân, từ đó có phương án đào tạo và nâng cao chất lượng lao động phù hợp.
- Tổ chức các hoạt động thăm hỏi, chúc mừng, tặng quà cho CBCNV và gia đình trong các dịp đặc biệt như sinh nhật, cưới hỏi, khi ốm đau, cũng như các ngày lễ quan trọng như Ngày Quốc tế Phụ nữ (8/3), Ngày Giải phóng Miền Nam (30/4) - Ngày Quốc tế Lao động (1/5), Ngày Quốc khánh (2/9) và nhiều dịp khác. Bên cạnh đó, Tổng Công ty còn tặng quà và khen thưởng cho con CBCNV có thành tích học tập xuất sắc, tổ chức các hoạt động cho trẻ em nhân dịp Ngày Thiếu nhi Việt Nam (1/6) và Tết Trung thu, dành cho con em cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống.

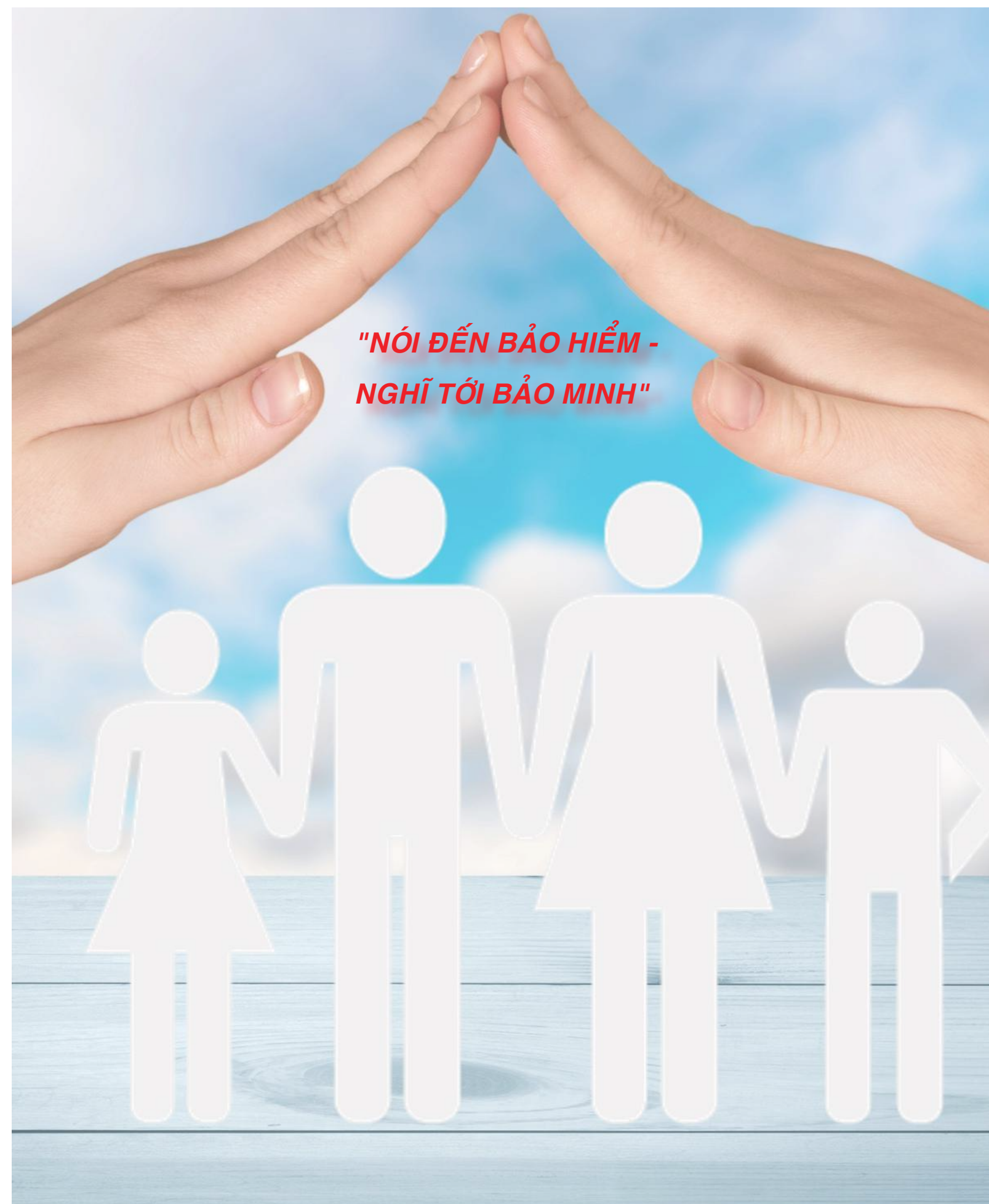
ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP ĐỐI VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG



Trong suốt nhiều năm qua, Bảo Minh đã xây dựng và phát triển hình ảnh một doanh nghiệp bảo hiểm thuộc top đầu trên lĩnh vực bảo hiểm phi nhân thọ đáng tin cậy, không chỉ hoàn thành trách nhiệm của một doanh nghiệp bảo hiểm nhằm đem tới sự đảm bảo và an tâm đối với khách hàng mà Bảo Minh luôn có trách nhiệm với xã hội và hướng tới cộng đồng thông qua nhiều hoạt động xã hội ý nghĩa.

Trong năm 2022, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh nói chung và các chi nhánh, đơn vị thành viên nói riêng đã thực hiện nhiều hoạt động có ý nghĩa đối với an sinh xã hội, như hỗ trợ giúp đỡ những gia đình có hoàn cảnh khó khăn tại xã Xuân Hải, Hà Tĩnh, trao tặng 200 áo phao và 200 lá cờ Tổ quốc cho Ngư dân Phú Quý, ủng hộ

chương trình “Sóng và máy tính cho em” do Sở Giáo dục và đào tạo tỉnh Lạng Sơn kêu gọi với mức tài trợ 1 tỷ đồng, hỗ trợ xây dựng trường tiểu học tại tỉnh Bạc Liêu với mức kinh phí 5 tỷ đồng,...và nhiều hoạt động thiết thực khác đối với cộng đồng. Bảo Minh hi vọng rằng, với những đóng góp của mình sẽ giúp cải thiện cuộc sống và môi trường sống của cộng đồng địa phương ngày một tốt hơn, vì một tương lai tươi đẹp hơn.





ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
- ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH
- KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2022, sau thời gian dài chống dịch Covid 19, tình hình kinh tế Việt Nam đã quay trở lại trạng thái bình thường, với GDP tăng trưởng 8,02% so với năm trước và đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn từ 2011-2022. Cùng với đó, thu nhập bình quân đầu người đạt 4,6 triệu đồng/người/tháng, tăng 9,5% so với năm 2021.

Tuy nhiên, ngoài những thuận lợi từ kinh tế trong nước hồi phục sau dịch bệnh thì bối cảnh vĩ mô toàn cầu gặp nhiều khó khăn khi lạm phát tăng nhanh và có nguy cơ cản trở đà phục hồi tăng trưởng ở hầu hết các nước, đặc biệt ở các nền kinh tế phát triển. Sự leo thang của giá cả gây sức ép lớn buộc các hầu hết các nền kinh tế lớn phải tăng lãi suất, từ đó đặt nền kinh tế toàn cầu trước rủi ro suy thoái.

Trong điều kiện kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, có nhiều yếu tố bất định, rủi ro tiềm ẩn; tình hình xung đột Nga - Ukraine chưa có dấu hiệu chấm dứt; đại dịch Covid-19 đã gây ra những tổn thất lâu dài và sự kết hợp của nhiều cú sốc liên quan đã kéo nền kinh tế toàn cầu đi xuống. Trong nước, việc giải ngân vốn đầu tư công chậm, kéo dài chưa được khắc phục, ảnh hưởng đến tăng trưởng và gây ra nhiều hệ lụy; thị trường tài chính, tiền tệ diễn biến phức tạp, tiềm ẩn rủi ro; lãi suất, tỷ giá đều phải điều chỉnh tăng.

Dự báo và đánh giá được những khó khăn thách thức phải đối mặt trong năm 2022, ngay từ đầu năm, HĐQT đã chỉ đạo Ban điều hành triển khai xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2022 phù hợp để trình ĐHĐCĐ. Sau khi được ĐHĐCĐ thông qua, HĐQT chỉ đạo sát sao BĐH tổ chức hợp quán triệt các nội dung có liên quan đến các cán bộ chủ chốt tại Trụ sở chính, định kỳ giám sát/đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch và kịp thời đề ra các định hướng hoạt động phù hợp. Trong quá trình triển khai kế hoạch kinh doanh năm 2022 và tại các phiên họp HĐQT thường kỳ, HĐQT cũng yêu cầu Ban điều hành thường xuyên bám sát, theo dõi tình hình biến động của nền kinh tế, tình hình thị trường để khẩn trương xây dựng giải pháp và điều chỉnh phương hướng thực hiện kinh doanh phù hợp, báo cáo liên tục về tiến độ và tình hình thực hiện kế hoạch, những khó khăn vướng mắc cần xin ý kiến để HĐQT kịp thời hỗ trợ.



Căn cứ vào số liệu Báo cáo tài chính năm 2022 sau kiểm toán, tình hình kinh doanh cũng như kết quả kinh doanh của toàn hệ thống đều vượt các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận và ROE mà ĐHĐCĐ năm 2022 thông qua, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	KH 2022	TH 2022	TH 2021	(%)/KH 2022	(%) cùng kỳ
Tổng doanh thu	5.700.000	6.312.481	5.348.183	110,75%	118,03%
- Phí bảo hiểm gốc	4.817.665	5.398.971	4.496.389	112,07%	120,07%
- Phí nhận tái bảo hiểm	555.864	582.396	524.400	104,77%	111,06%
- Doanh thu hoạt động tài chính và BĐS đầu tư	326.471	323.909	326.371	99,22%	99,25%
- Thu nhập khác	-	7.205	1.023	-	704,46%
Tổng LN trước thuế	340.000	342.739	306.299	100,81%	111,90%
- Lợi nhuận thuần từ KDBH	93.700	147.049	61.090	156,94%	240,71%
- Lợi nhuận hoạt động tài chính và BĐS đầu tư	187.000	192.665	244.486	103,03%	78,80%
- Lợi nhuận khác	-	3.025	722	-	418,73%
- Lợi nhuận sau thuế	-	290.869	255.082	-	114,03%
ROE	10%	12,23%	11,00%	122,30%	111,18%

Với kết quả trên, Bảo Minh đảm bảo thực hiện các nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, quyền lợi cho khách hàng, cổ đông và người lao động.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN ĐIỀU HÀNH

Với vai trò, quyền hạn và trách nhiệm của mình, HĐQT đã tích cực trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi sát sao hoạt động của Ban Điều Hành, kịp thời giải quyết những vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho công tác điều hành, quản lý của Ban Điều Hành. Việc giám sát hoạt động của Tổng Giám đốc (TGD) và các thành viên BDH đã được HĐQT thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, Quy chế và quy định của pháp luật:

- Thành viên BDH kiêm nhiệm thành viên HĐQT đã tham gia các cuộc họp giao ban hàng tháng, đồng thời các nội dung cuộc họp giao ban hàng tháng đều được gửi tới HĐQT để theo dõi, để nắm bắt tình hình và có chỉ đạo kịp thời nhằm đạt các mục tiêu kinh doanh đã được phê duyệt.
- Các đề xuất của BDH trình HĐQT đều được HĐQT thảo luận tại cuộc họp HĐQT, sau khi đã quyết nghị đều được chuyển cho BDH để tổ chức thực hiện; BDH triển khai Nghị quyết /Quyết định của HĐQT đã kịp thời báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện các công việc được phân công.
- Theo dõi sát sao tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổng Công ty qua các báo cáo định kỳ về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Ban Điều Hành. Giám sát và đánh giá việc thực hiện mục tiêu kế hoạch hàng tháng/ quý thông qua các báo cáo định kỳ.
- Phối hợp tích cực với công tác kiểm tra giám sát của Ban kiểm soát giúp HĐQT theo dõi và nắm bắt tốt hơn tình hình hoạt động của công ty để có thể đề ra các quyết sách kịp thời, đảm bảo duy trì và tăng cường cơ chế quản trị rủi ro cho hoạt động của Bảo Minh.

Nhìn chung, Ban Điều hành đã có nhiều cố gắng, nỗ lực trong công tác quản trị, điều hành, bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Nghị quyết của HĐQT, chỉ đạo toàn hệ thống triển khai đầy đủ để hoàn thành tốt nhiệm vụ quản lý, điều hành trong năm 2022.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT đề ra các mục tiêu và định hướng hoạt động năm 2023 như sau

- Tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 và triển khai các nội dung tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2023.
- Tổ chức thực hiện thắng lợi kế hoạch kinh doanh năm 2023 với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

Tổng doanh thu kế hoạch năm 2023 tăng trưởng tối thiểu bằng mức tăng của GDP 2023 với số tuyệt đối là: 6.750 tỷ đồng (tăng trưởng 6,93%), trong đó:
 - ✓ Doanh thu Bảo hiểm gốc: 5.769,7 tỷ đồng
 - ✓ Doanh thu nhận tái bảo hiểm: 630,3 tỷ đồng
 - ✓ Doanh thu đầu tư tài chính và kinh doanh BĐS đầu tư: 350 tỷ đồngLợi nhuận trước thuế kế hoạch năm 2023 tăng trưởng tối thiểu 9% so với năm 2022 với số tuyệt đối là: 375 tỷ đồng (tăng trưởng 9,41%);
 - ✓ ROE kế hoạch 2023: tối thiểu 10%;
 - ✓ Tỷ lệ chia cổ tức: tối thiểu là 10%.
- củng cố và phát triển thương hiệu, khẳng định uy tín trên thị trường: thông qua hoạt động kinh doanh, đẩy mạnh công tác xây dựng hình ảnh của Bảo Minh để nâng cao thương hiệu và khẳng định uy tín của Bảo Minh trên thị trường và đảm bảo nguyên tắc phát triển Hiệu quả - Bền vững trên toàn hệ thống.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản trị, hoạt động kinh doanh.
- Tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển các kênh phân phối mới, nhiều tiềm năng,... bên cạnh các kênh phân phối truyền thống như đại lý, môi giới,... và xây dựng các sản phẩm phù hợp để khai thác qua các kênh phân phối mới; đa dạng hóa các kênh phân phối/phục vụ bảo hiểm, trong đó, ưu tiên phát triển các kênh bán hàng online hoặc ứng dụng các công nghệ mới, ưu tiên phát triển kênh bán lẻ, triển khai việc mở rộng mạng lưới để đẩy mạnh khai thác và phục vụ khách hàng.
- Theo dõi sát diễn biến, tình hình thị trường tài chính để kịp thời định hướng, chỉ đạo BDH trong việc xây dựng chiến lược đầu tư phù hợp , khai thác triệt để các lợi thế của Bảo Minh, đem lại hiệu quả cao nhất trong công tác đầu tư.
- Kien toan cong tac nhan su cua Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT để đảm bảo phù hợp và tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành.
- Hoàn thiện việc rà soát để ban hành các quy chế nội bộ của Bảo Minh thuộc thẩm quyền của HĐQT, để BDH có cơ sở tổ chức triển khai thực hiện công tác quản lý điều hành ngày càng chuyên nghiệp và hiệu quả.
- Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra để phát hiện kịp thời nhằm cảnh báo, ngăn ngừa, hạn chế rủi ro.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

- HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
- BAN KIỂM SOÁT
- CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

THÀNH PHẦN VÀ CƠ CẤU HĐQT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT
3	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
4	Bà Bùi Thị Thu Thanh	Thành viên HĐQT
5	Ông Trần Văn Tá	Thành viên HĐQT độc lập
6	Ông Tam Kwok Wing	Thành viên HĐQT
7	Bà Stumpf Callard Céline	Thành viên HĐQT

Năm 2022, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh không có sự thay đổi về thành viên HĐQT.



CÁC TIỂU BAN

Tiểu ban Chính Sách Phát triển

- Ông Đinh Việt Tùng - Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
- Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc
- Ông Lê Việt Thành - Thành viên HĐQT
- Bà Callard Stumpf Céline - Thành viên HĐQT
- Ông Ivan Tam Kwok Wing - Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Thế Năng - Phó Tổng Giám đốc

Tiểu ban Tổ chức nhân sự

- Ông Đinh Việt Tùng - Chủ tịch HĐQT - Trưởng tiểu ban
- Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc
- Ông Trần Văn Tá - Thành viên độc lập HĐQT
- Bà Bùi Thị Thu Thanh - Thành viên HĐQT
- Ông Ivan Tam Kwok Wing - Thành viên HĐQT
- Bà Hồ Hồng Hạnh - Phó Giám đốc phụ trách ban Tổ chức nhân sự

Tiểu ban Lao Động Lương Thưởng

- Ông Trần Văn Tá - Thành viên độc lập HĐQT- Trưởng tiểu ban
- Ông Đinh Việt Tùng - Chủ tịch HĐQT
- Ông Vũ Anh Tuấn - Thành viên HĐQT - Tổng Giám Đốc
- Ông Lê Việt Thành - Thành viên HĐQT
- Bà Hồ Hồng Hạnh - Phó Giám đốc phụ trách ban Tổ chức nhân sự

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm

HĐQT đã thực hiện tốt công tác quản trị doanh nghiệp, đảm bảo tuân thủ đầy đủ quy định của pháp luật, Điều lệ, Quy chế và Nghị quyết của ĐHCĐ nhằm bảo vệ lợi ích cho Bảo Minh và cổ đông. HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi cho BĐH chủ động trong công tác điều hành hoạt động kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo các định hướng đề ra.

Trong năm 2022, các thành viên HĐQT đã tham gia đầy đủ các cuộc họp và đưa ra ý kiến bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền với trách nhiệm cao, đoàn kết, hợp tác. HĐQT đã hoàn thành các nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển bền vững của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.

Các thành viên HĐQT cũng đã thực hiện tốt vai trò và nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của Chủ tịch HĐQT; luôn có sự phối hợp chặt chẽ, thông tin cho nhau về các vấn đề có liên quan và chủ động phối hợp xử lý công việc. HĐQT cũng đã ban hành các Nghị quyết, Quyết định để Ban điều hành và bộ máy thực hiện cùng với việc kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Ban điều hành.

HĐQT đã phối hợp chặt chẽ với BKS nhưng vẫn đảm bảo tính độc lập trong hoạt động của BKS. Tại mỗi phiên họp, HĐQT đều mời họp và gửi tài liệu họp HĐQT đến BKS theo đúng quy định; luôn tôn trọng, lắng nghe và tiếp thu ý kiến của Ban Kiểm soát tham dự cuộc họp của HĐQT.

Đối với công tác tổ chức và nhân sự, HĐQT đã thực hiện đúng trách nhiệm kiện toàn nhân sự để đáp ứng nhiệm vụ trong công tác quản trị, điều hành.

Số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi tham dự	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	
2	Ông Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
3	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
4	Bà Bùi Thị Thu Thanh	Thành viên HĐQT	4/4	100%	
5	Ông Trần Văn Tá	Thành viên HĐQT độc lập	4/4	100%	
6	Ông Tam Kwok Wing	Thành viên HĐQT	3/4	75%	Bận việc đột xuất, đã ủy quyền cho ông Jonathan Yau Chun Hung - thành viên BKS tham dự và biểu quyết
7	Bà Stumpf Callard Céline	Thành viên HĐQT	3/4	75%	Bận việc đột xuất, đã ủy quyền cho bà Bùi Thị Thu Thanh - TV.HĐQT tham dự và biểu quyết

Nội dung và kết quả của các cuộc họp

Trong năm 2022, HĐQT đã ban hành các Nghị quyết và Quyết định như sau:

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
1	NQ số 0101A/2022- BM/HĐQT	17/01/2022	V/v thông qua báo cáo về việc đánh giá kết quả thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ (KPI) của TGD giai đoạn từ 01/06/2020 - 30/06/2021 của Tiểu ban Lao động - Lương, thưởng trực thuộc HĐQT
2	NQ số 0282/2022- BM/HĐQT	25/02/2022	V/v triển khai nâng cấp lõi bảo hiểm PSEA.
3	NQ số 0285/2022- BM/HĐQT	28/02/2022	V/v kiện toàn công tác nhân sự.
4	QĐ số 0286/2022- BM/HĐQT	28/02/2022	V/v kiện toàn công tác nhân sự.
5	NQ số 0357/2022- BM/HĐQT	09/03/2022	V/v tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022
6	NQ số 0434/2022- BM/HĐQT	21/03/2022	V/v phiên họp HĐQT thường kỳ lần thứ 31 nhiệm kỳ IV
7	NQ số 0636/2022- BM/HĐQT	13/04/2022	V/v phiên họp HĐQT thường kỳ lần thứ 32 nhiệm kỳ IV
8	NQ số 0720/2022- BM/HĐQT	26/04/2022	V/v gia hạn dịch vụ hỗ trợ kĩ thuật duy tu hệ thống lõi bảo hiểm PSEA.
9	NQ số 0860/2022- BM/HĐQT	16/05/2022	V/v quyết toán tiền lương 2021 và kế hoạch lao động tiền lương 2022 Bảo Minh.
11	QĐ số 1015/2022- BM/HĐQT	03/06/2022	V/v ban hành điều lệ Tổ chức và hoạt động của TCT CP Bảo Minh (sửa đổi, bổ sung năm 2022)
12	NQ số 1248/2022- BM/HĐQT	04/07/2022	V/v lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC 2022 Bảo Minh.
13	NQ số 1405/2022- BM/HĐQT	27/07/2022	V/v phiên họp HĐQT thường kỳ lần thứ 33 nhiệm kỳ IV
14	NQ số 1768/2022- BM/HĐQT	14/09/2022	V/v dự thảo các quy chế nội bộ của Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh
15	NQ số 1883/2022- BM/HĐQT	23/09/2022	V.v quyết toán thù lao HĐQT BKS năm 2021 và phân bổ tiền thưởng người quản lý năm 2021
16	NQ số 1973/2022- BM/HĐQT	04/10/2022	V.v tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với các quy chế nội bộ của Bảo Minh năm 2022
17	NQ số 2168/2022- BM/HĐQT	31/10/2022	V/v phiên họp HĐQT thường kỳ lần thứ 34 nhiệm kỳ IV
18	NQ số 2392/2022- BM/HĐQT	24/11/2022	V.v phê duyệt chủ trương bổ sung 2 Phó Tổng Giám đốc

Nội dung và kết quả của các cuộc họp (tiếp theo)

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Ngày	Nội dung
19	NQ số 2393/2022- BM/HĐQT	24/11/2022	V.v chủ trương đầu tư tiền gửi/kì phiếu/chứng chỉ tiền gửi từ ngày 01/11/2022-31/12/2023
20	QĐ số 2497/2022- BM/HĐQT	06/12/2022	V.v ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Bảo Minh
21	QĐ số 2498/2022- BM/HĐQT	06/12/2022	V.v ban hành quy chế hoạt động của HĐQT Bảo Minh
22	NQ số 2650/2022- BM/HĐQT	21/12/2022	V.v phê duyệt danh sách ứng viên để xem xét bổ nhiệm đối với 02 chức danh Phó Tổng Giám đốc
23	NQ số 2747/2022- BM/HĐQT	29/12/2022	V.v chương trình tái bảo hiểm năm 2023

HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ ĐỘC LẬP

HĐQT Bảo Minh có 01 Thành viên độc lập HĐQT là ông Trần Văn Tá, bổ nhiệm ngày 25/04/2019 theo NQ số 2/2019-BM/ĐHČĐ. Trong năm 2022, thành viên độc lập HĐQT đã hoàn thành nhiệm vụ được HĐQT phân công, thực hiện đầy đủ vai trò của thành viên HĐQT, Trưởng tiểu ban Lao động, lương – thưởng, thành viên Tiểu ban Tổ chức nhân sự, thực hiện công tác giám sát của HĐQT đối với toàn bộ hoạt động quản trị, điều hành của BĐH, theo dõi hoạt động của HĐQT, cho ý kiến nhằm bảo đảm HĐQT có thể đưa ra những quyết định không thiên vị, công khai, minh bạch, không gây xung đột về lợi ích giữa các cổ đông, bảo vệ được cổ đông nhỏ, tạo ra đối trọng để hài hòa lợi ích giữa các nhóm cổ đông.

Đối với công tác của tiểu ban Lao động, lương – thưởng: Thành viên độc lập HĐQT, với vai trò là Trưởng tiểu ban, đã chủ trì việc trình HĐQT để thực hiện việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS và phân bổ tiền thưởng người quản lý công bằng, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của từng thành viên HĐQT, BKS, BĐH trên

cơ sở Nghị quyết đã được ĐHČĐ thông qua. Trong quá trình rà soát, sửa đổi, bổ sung Quy chế tiền lương, tiền thưởng hiện hành, Thành viên độc lập HĐQT cũng rất tích cực tham gia rà soát, cho ý kiến để việc sửa đổi Quy chế sẽ là cơ sở để BĐH triển khai thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng phù hợp và cập nhật với các quy định pháp luật có liên quan.

Đối với công tác của tiểu ban Tổ chức nhân sự: Thành viên độc lập HĐQT, với tư cách là thành viên tiểu ban, đã tham gia ý kiến đầy đủ, tích cực phối hợp với các thành viên khác trong tiểu ban để tham mưu, tư vấn đề xuất cho Trưởng tiểu ban cũng như HĐQT các nội dung liên quan tới công tác nhân sự, kiện toàn bộ máy nhân sự trong BĐH.

Trong các phiên họp thường kỳ của HĐQT, Thành viên độc lập HĐQT cũng nghiên cứu và đưa ra các ý kiến trao đổi, đóng góp về chiến lược, giải pháp, phương hướng thực hiện kinh doanh để BĐH nghiên cứu, tiếp thu và điều chỉnh cho phù hợp.

Kết quả đánh giá của Thành viên độc lập về HĐQT

- Các công việc của HĐQT trong năm 2022 đã thực hiện đúng các chiến lược định hướng theo Nghị quyết của ĐHČĐ đề ra và tuân thủ quy định pháp luật, Điều lệ và các quy định khác của Bảo Minh
- Tất cả thành viên HĐQT luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, chủ động, tích cực thực hiện nhiệm vụ đã được phân công.
- Trên cơ sở các nội dung đã được ĐHČĐ thông qua, HĐQT đã đề ra các giải pháp hiệu quả và chỉ đạo BĐH tổ chức thực hiện hoàn thành kế hoạch kinh doanh năm 2022 đều vượt mức về các chỉ tiêu kinh doanh chính như doanh thu, lợi nhuận, tiếp tục duy trì xếp hạng tín nhiệm AM Best ở mức B++, giữ vững và ngày càng phát huy vị thế của Bảo Minh trên thị trường.

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT NĂM 2022

Nhìn chung, năm 2022, các tiểu ban trực thuộc HĐQT (gồm Tiểu ban Tổ chức Nhân sự, Tiểu ban Lao động – Lương, thưởng, Tiểu ban Chính sách và Phát triển) đã chủ động tư vấn và tham mưu cho HĐQT, hoạt động theo đúng chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ, Quy chế, qua đó nâng cao hiệu quả và tính chuyên nghiệp trong công tác quản trị doanh nghiệp trên toàn hệ thống Bảo Minh, cụ thể:

Tiểu ban Tổ chức Nhân sự

Trong năm 2022, Tiểu ban đã thực hiện các hoạt động:

- Tham mưu cho HĐQT về việc kiện toàn bộ máy nhân sự BĐH, đảm bảo công tác quy trình nhân sự BĐH thực hiện tuân thủ các quy định của Bảo Minh và quy định của pháp luật;
- Rà soát và tư vấn cho HĐQT về kế hoạch phát triển nguồn nhân lực dài hạn, phát hiện, tuyển chọn, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ quản lý.

Tiểu ban Lao động – Lương thưởng

Trong năm 2022, Tiểu ban đã thực hiện các hoạt động:

- Phối hợp rà soát để sửa đổi, bổ sung quy chế Lương thưởng phù hợp với quy định pháp luật và nhu cầu của Tổng Công ty;
- Trình HĐQT để thực hiện việc quyết toán thù lao HĐQT, BKS và phân bổ tiền thưởng người quản lý công bằng, công khai, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của từng thành viên HĐQT, BKS, BĐH trên cơ sở Nghị quyết đã được ĐHČĐ thông qua.
- Tham mưu đề xuất, giúp HĐQT phê duyệt kế hoạch lao động tiền lương năm 2022 để BĐH chủ động thực hiện các công việc có liên quan, chi trả lương, đảm bảo quyền lợi của người lao động theo quy định.

Tiểu ban Chính sách và Phát triển

Trong năm 2022, Tiểu ban đã thực hiện các hoạt động:

- Đề xuất, tham mưu cho HĐQT về chiến lược phát triển, mục tiêu, kế hoạch kinh doanh trong năm 2022;
- Đề xuất, giúp HĐQT trong việc đưa ra các chính sách, giải pháp cụ thể nhằm hỗ trợ thực hiện việc phát triển kinh doanh theo định hướng, chiến lược đã được ĐHČĐ thông qua và xác định các ưu tiên hoạt động cho từng giai đoạn phát triển.

DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÓ CHỨNG CHỈ ĐÀO TẠO VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Không có

BAN KIỂM SOÁT

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU CỦA BAN KIỂM SOÁT

STT	Thành viên	Chức vụ
1	Bà Lê Minh Tuyết	Phụ trách BKS
2	Bà Phan Thị Hồng Phương	Thành viên BKS
3	Ông Yau Chung Hun	Thành viên BKS
4	Ông Nicolas De Nazelle	Thành viên BKS

Danh sách thay đổi thành viên BKS trong năm: Không có thay đổi.

HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban điều hành

Năm 2022, BKS đã thực hiện giám sát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành (BDH) theo các quy chế quy định của Bảo Minh.

Giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị đã chỉ đạo BDH tập trung kinh doanh, bám sát các mục tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông năm 2022 phê duyệt. Hoạt động điều hành của Bảo Minh luôn đảm bảo tính công khai và minh bạch, tập trung vào nhiệm vụ kinh doanh đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và hướng đến mục tiêu hiệu quả hoạt động.
- HĐQT đã tổ chức các cuộc họp định kỳ hoặc đột xuất. Các cuộc họp đều do Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì. Các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các cuộc họp có tinh thần trách nhiệm cao đối với việc tham gia ý kiến về các nội dung họp. Các cuộc họp đều được ghi nhận vào Biên bản và ban hành Nghị quyết và Quyết định để chỉ đạo các nội dung thuộc chức trách và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị để triển khai thực hiện chiến lược kinh doanh của Bảo Minh, đồng thời đánh giá, giám sát hoạt động của Ban điều hành .
- HĐQT đã ký ban hành: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh được thông qua tại đại hội cổ đông năm 2022. Đồng thời Ban hành 02 quy chế hoạt động của Bảo Minh: Quy chế nội bộ về quản trị Bảo Minh và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

Giám sát hoạt động của Ban điều hành

- Ban điều hành đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, đảm bảo mục tiêu định hướng của HĐQT và ĐHĐCĐ. Với kết quả kinh doanh của Bảo Minh có sự tăng trưởng về lợi nhuận sau thuế đạt 290,8 tỷ, tăng trưởng 14% so với năm 2021.
- Đã cụ thể hóa mục tiêu và có các biện pháp triển khai kế hoạch kinh doanh, tăng cường công tác quản lý tài chính, công tác bồi thường ... hướng đến mục tiêu tiếp tục tăng trưởng an toàn, hiệu quả và phát triển bền vững.
- Xây dựng và triển khai nhiệm vụ kinh doanh đến các đơn vị thành viên, định hướng các giải pháp đồng bộ để các đơn vị chủ động quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh;
- Trong các cuộc họp giao ban, Tổng giám đốc định kỳ thực hiện việc đánh giá triển khai theo định hướng của HĐQT, đánh giá kết quả hoạt động từng tháng theo các mặt: doanh thu phí bảo hiểm, tỷ lệ bồi thường, tỷ lệ nợ phí, kết quả thực hiện kế hoạch kinh doanh toàn hệ thống theo nhóm nghiệp vụ và tại từng đơn vị thành viên, xem xét kiến nghị từ các đơn vị thành viên..., từ đó đưa ra các trọng tâm công tác trong tháng tiếp theo, các nội dung chỉ đạo cụ thể cho các Ban Trụ sở chính và các đơn vị thành viên.

Hoạt động của Ban kiểm soát năm 2022

Với vai trò thay mặt Cổ đông giám sát tình hình hoạt động của Bảo Minh, BKS đã thực hiện đầy đủ các chức năng, nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Bảo Minh. Các thành viên BKS đã hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao. Các hoạt động của BKS năm 2022 như sau:

- BKS đã kiểm tra giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), kiểm tra giám sát tình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính, biên khả năng thanh toán của Bảo Minh, chi trả cổ tức;
- Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của Bảo Minh;
- BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT, và một số cuộc họp kế hoạch kinh doanh của BDH với vai trò độc lập, đưa ra các ý kiến khách quan góp phần giảm thiểu rủi ro trong hoạt động của Bảo Minh;
- Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài chính, công nợ, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán kế toán;
- BKS thường xuyên tổ chức trao đổi, đánh giá về các vấn đề liên quan đến việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Bảo Minh phục vụ cho mục đích kiểm soát của BKS;
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 và báo cáo tài chính bán niên 6 tháng 2022;
- Trình báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát, lựa chọn kiểm toán độc lập tại Đại hội đồng cổ đông năm 2022;
- Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
- Năm 2022, Ban kiểm soát đã Ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;
- Chi phí hoạt động của BKS được thực hiện theo các quy định nội bộ của Bảo Minh. Năm 2022 tổng chi phí hoạt động của HĐQT và BKS là 1.121.480.334 đồng, bao gồm chi tiếp khách, dịch vụ kỹ thuật mua ngoài (phí lưu ký, niêm yết chứng khoán...), công cụ, dụng cụ, văn phòng phẩm, công tác phí, vé máy bay, khách sạn và các chi phí cần thiết có liên quan khác.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát đối với hoạt động của HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý khác

- Phối hợp trong hoạt động với HĐQT, Ban điều hành và các cán bộ quản lý khác thông qua việc tham gia các cuộc họp của HĐQT, các cuộc họp giao ban tháng và các buổi làm việc trực tiếp giữa Ban Kiểm soát và Ban Điều hành, các Ban tại Trụ sở chính.
- Sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát, HĐQT và Ban điều hành được thực hiện chặt chẽ theo sát nghị quyết của ĐHĐCĐ.
- Ban kiểm soát được cung cấp các văn bản, tài liệu cần thiết trong quá trình giám sát việc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của HĐQT, Ban điều hành.

Hoạt động khác của Ban kiểm soát

- Trình ĐHĐCĐ thường niên 2022 về chủ trương lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính Tổng Công ty cổ phần Bảo Minh năm 2022, thực hiện các công việc cần thiết có liên quan để hoàn thành việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC năm 2022 của Bảo Minh.
- Thực hiện đánh giá và báo cáo về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình quản lý công nợ, tình hình đầu tư năm 2022 giai đoạn 6 tháng đầu năm 2022 của Bảo Minh.
- Tham gia vào Báo cáo quản trị Công ty niêm yết năm 2022 của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh.
- Phối hợp với Phòng pháp chế của Tổng Công ty để rà soát, góp ý xây dựng nội dung các quy chế nội bộ của Bảo Minh, thường xuyên kiểm tra, rà soát tính tuân thủ của các bộ phận trong quá trình thực hiện nhiệm vụ kinh doanh để đảm bảo thực hiện các hoạt động đúng, đủ, kịp thời theo các quy định hiện hành.
- Phối hợp với Ban kế toán, kiểm toán độc lập rà soát, đôn đốc việc lập và hoàn thành BCTC năm 2021, báo cáo tài chính Quý năm 2022 kịp tiến độ.
- Phối hợp thực hiện công tác giám sát kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản đối với các quy chế nội bộ của Bảo Minh năm 2022.

Số lượng các cuộc họp Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ tham dự	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Minh Tuyết	Phụ trách BKS	3/3	100%	
2	Bà Phan Thị Hồng Phương	Thành viên BKS	3/3	100%	
3	Ông Yau Chung Hun	Thành viên BKS	2/3	66,67%	Do bận công tác
4	Ông Nicolas De Nazelle	Thành viên BKS	1/3	33,33%	Do bận công tác

Nội dung các cuộc họp của Ban kiểm soát

- Năm 2022, BKS đã tổ chức các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản đối với một số nội dung liên quan như sau:
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2021 và báo cáo tài chính bán niên 6 tháng 2022;
 - Lựa chọn kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC năm 2022 của Bảo Minh trên cơ sở Nghị quyết ĐHĐCĐTN năm 2022;
 - Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ), kiểm tra giám sát tình thực hiện kế hoạch kinh doanh, tình hình tài chính, biên khả năng thanh toán của Bảo Minh, chi trả cổ tức;
 - Giám sát công tác quản trị và điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban điều hành tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Bảo Minh;
 - Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác quản lý tài chính, công nợ, đầu tư, điều hành kinh doanh và tổ chức hạch toán kế toán;
 - Ban hành quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT

LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO, CÁC KHOẢN LỢI ÍCH

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên	Chức danh	Tổng cộng
1	Ông Đinh Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	227.991.042
2	Bà Vũ Thái Huyền	Chủ tịch HĐQT (đã miễn nhiệm từ 23/04/2021)	13.026.931
2	Ông Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT	232.117.974
3	Ông Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc	1.398.469.417
4	Bà Bùi Thị Thu Thanh	Thành viên HĐQT	232.117.974
5	Ông Trần Văn Tá	Thành viên HĐQT độc lập	403.000.000
6	Ông Tam Kwok Wing	Thành viên HĐQT	232.117.974
7	Bà Stumpf Callard Céline	Thành viên HĐQT	232.117.974
8	Bà Lê Minh Tuyết	Phụ trách BKS	232.117.974
9	Bà Phan Thị Hồng Phương	Thành viên BKS	191.274.379
10	Ông Yau Chung Hun	Thành viên BKS	191.274.379
11	Ông Nicolas De Nazelle	Thành viên BKS	191.274.379
12	Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc	1.170.153.576
13	Ông Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	1.122.878.271
14	Ông Châu Quang Linh	Phó Tổng Giám đốc	936.041.154
15	Ông Sái Văn Hưng	Kế toán trưởng	873.583.556

GIAO DỊCH CỔ PHIẾU CỦA NGƯỜI NỘI BỘ

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH một thành viên đầu tư SCIC (SIC)	Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày 29/04/2022 đến ngày 27/05/2022 Ông Đinh Việt Tùng, Ông Lê Việt Thành, Ông Vũ Anh Tuấn là người được ủy quyền đại diện phần vốn sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chủ sở hữu của công ty TNHH một thành viên đầu tư SCIC (SIC) tại TCT CP Bảo Minh	0	0%	91,000	0.083%	Mua
2	Công ty TNHH một thành viên đầu tư SCIC (SIC)	Thời gian thực hiện giao dịch: từ ngày 24/11/2022 đến ngày 31/12/2022 Ông Đinh Việt Tùng, Ông Lê Việt Thành, ông Vũ Anh Tuấn là người được ủy quyền đại diện phần vốn sở hữu của Tổng Công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước - Chủ sở hữu của công ty TNHH một thành viên đầu tư SCIC (SIC) tại TCT CP Bảo Minh. Ông Đinh Việt Tùng đồng thời là chủ tịch HĐQT Công ty TNHH một thành viên đầu tư SCIC (SIC)	91,000	0.083%	91,000	0.083%	Mua

HỢP ĐỒNG HOẶC GIAO DỊCH VỚI NGƯỜI NỘI BỘ

Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ.

STT	Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Giá trị giao dịch (VNĐ)
1	AXA SA Pháp	Phí nhận tái bảo hiểm của Bảo Minh	78.520.829.675
		Hoa hồng nhượng tái	5.681.550.347
2	Công ty TNHH MTV Khai thác và chế biến đá An Giang	Phí bảo hiểm gốc phát sinh	3.760.000
		Phí nhận tái bảo hiểm	82.706.274.674
3	Tổng công ty cổ phần tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam (Vin-are)	Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	21.605.756.563
		Phí nhượng tái bảo hiểm	11.290.839.072
		Hoa hồng nhượng tái	677.154.505
4	Tổng công ty Hàng không Việt Nam	Doanh thu phí bảo hiểm gốc	26.591.342.501
5	Công ty bảo hiểm liên hiệp UIC	Phí nhận tái bảo hiểm	122.014.057.276
		Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	46.683.334.874

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát

Không có



ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Nhìn chung, trong năm 2022, Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh đã cố gắng thực hiện đầy đủ việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan tới quản trị công ty. Việc quản trị Công ty luôn được đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, Quy chế nội bộ nhằm đảm bảo Công ty được vận hành suôn sẻ; theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích chung của công ty nói chung và của các cổ đông nói riêng; tạo mọi điều kiện cho việc giám sát hoạt động của công ty một cách hiệu quả.

BMI đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động. Theo đó, Công ty có thể tận dụng được tối đa các nguồn lực trong công ty.

Bên cạnh đó, nhiệm vụ công bố thông tin của Công ty cho cổ đông, nhà đầu tư được công bố đúng quy định thông qua website Công ty, hệ thống công bố thông tin của UBCKNN, Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, nhằm giúp cổ đông có điều kiện theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ phê duyệt và hiệu quả hoạt động của HĐQT. Từ đó nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn tiềm năng của thị trường, tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn, tạo dựng niềm tin của nhà đầu tư đối với BMI.





BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- Ý KIẾN KIỂM TOÁN
- BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐƯỢC KIỂM TOÁN



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (“Tổng Công ty”) được lập ngày 22 tháng 3 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 66, bao gồm bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành của Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính tổng hợp của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tổng Công ty phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 38 của báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 trình bày sự không chắc chắn liên quan đến kết quả của vụ kiện giữa Công ty Cổ phần Vận tải Công nghiệp tàu thủy Bình Định và Tổng Công ty. Ngày 19 tháng 7 năm 2022, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên án sơ thẩm vụ án nêu trên với phán quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Vận tải Công nghiệp tàu thủy Bình Định. Ngày 4 tháng 1 năm 2023, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã thông báo về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm theo đơn kháng cáo của Nguyên đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, với nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Vụ kiện vẫn đang trong quá trình xét xử và kết quả của vụ việc nêu trên chỉ có thể được xác định dựa trên kết luận cuối cùng của Tòa án. Theo đó, Tổng Công ty hiện chưa ghi nhận khoản chi phí và dự phòng nghĩa vụ phải trả nào liên quan đến vụ việc này trên báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam


Saman Wijaya Bandara
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2036-2023-004-1


Huỳnh Nhật Hưng
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5040-2019-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B01-DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		6.287.264.593.775	6.505.894.692.690
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	168.725.034.414	220.659.039.990
111	1. Tiền		168.725.034.414	220.659.039.990
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	5	3.281.240.047.383	3.111.804.720.819
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	98.535.654.971	101.560.822.818
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(44.295.607.588)	(17.951.101.999)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	3.227.000.000.000	3.028.195.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	6	738.536.245.378	693.130.409.161
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		773.041.934.916	754.412.965.593
131.1	1.1. Phải thu về hợp đồng bảo hiểm		773.041.934.916	754.412.965.593
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		4.069.611.910	3.815.664.536
135	3. Phải thu ngắn hạn khác		273.963.911.368	266.081.632.546
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(312.539.212.816)	(331.179.853.514)
140	IV. Hàng tồn kho	7	5.225.520.176	5.621.629.181
141	1. Hàng tồn kho		5.225.520.176	5.621.629.181
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		654.605.179.435	476.842.071.820
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	633.906.064.555	476.842.071.820
151.1	1.1. Chi phí hoa hồng chưa phân bổ		264.605.176.559	217.198.086.583
151.2	1.2. Chi phí trả trước ngắn hạn khác		369.300.887.996	259.643.985.237
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	13.948.018.136	-
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	6.751.096.744	-
190	VI. Tài sản tái bảo hiểm		1.438.932.566.989	1.997.836.821.719
191	1. Dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	20.1	455.218.380.182	379.950.827.788
192	2. Dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	20.2	983.714.186.807	1.617.885.993.931

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B01-DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		749.616.509.385	881.317.607.801
210	I. Các khoản phải thu dài hạn	9	14.459.831.172	14.979.929.121
218	1. Phải thu dài hạn khác		14.459.831.172	14.979.929.121
218.1	1.1. Ký quỹ bảo hiểm		7.000.000.000	10.000.000.000
218.2	1.2. Phải thu dài hạn khác		7.459.831.172	4.979.929.121
220	II. Tài sản cố định		287.403.398.362	301.089.017.139
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	72.850.856.721	83.263.304.448
222	Nguyên giá		239.141.755.773	238.519.702.663
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(166.290.899.052)	(155.256.398.215)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	185.252.062.696	189.139.241.558
228	Nguyên giá		284.206.931.481	284.206.931.481
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(98.954.868.785)	(95.067.689.923)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	29.300.478.945	28.686.471.133
240	III. Bất động sản đầu tư	13	154.595.649.338	156.837.068.553
241	1. Nguyên giá		181.861.353.463	181.248.868.013
242	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(27.265.704.125)	(24.411.799.460)
250	IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	14	252.105.924.536	365.416.063.601
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.1	145.350.000.000	145.350.000.000
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.1	57.615.300.000	57.615.300.000
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(2.860.375.464)	(2.250.236.399)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	52.001.000.000	164.701.000.000
260	V. Tài sản dài hạn khác		41.051.705.977	42.995.529.387
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	21.856.502.573	19.391.655.846
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	31.3	19.195.203.404	23.603.873.541
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		7.036.881.103.160	7.387.212.300.491

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B01-DNPNT

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		4.616.731.719.342	5.051.855.980.063
310	I. Nợ ngắn hạn		4.615.590.758.992	5.050.761.675.942
312	1. Phải trả cho người bán	16	879.331.850.055	845.283.976.444
312.1	1.1. Phải trả về hợp đồng bảo hiểm		879.331.850.055	845.283.976.444
314	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	21.073.912.777	35.488.869.563
315	3. Phải trả người lao động		171.128.115.768	180.475.563.429
318	4. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		27.219.894.669	35.677.162.084
319.1	5. Doanh thu hoa hồng chưa được hưởng	18	104.641.438.802	90.552.814.720
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	20.678.398.749	28.232.349.065
323	7. Quỹ khen thưởng phúc lợi		47.042.027.237	38.383.530.058
329	8. Dự phòng nghiệp vụ		3.344.475.120.935	3.796.667.410.579
329.1	8.1. Dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	20.1	1.874.304.158.642	1.548.104.092.014
329.2	8.2. Dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	20.2	1.259.858.297.105	2.083.544.882.985
329.3	8.3. Dự phòng dao động lớn	20.3	210.312.665.188	165.018.435.580
330	II. Nợ dài hạn		1.140.960.350	1.094.304.121
333	1. Phải trả dài hạn khác		1.140.960.350	1.094.304.121
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.420.149.383.818	2.335.356.320.428
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	2.420.149.383.818	2.335.356.320.428
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.096.239.850.000	1.096.239.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		792.244.224.449	792.244.224.449
419	3. Quỹ dự trữ bắt buộc		109.623.985.000	104.108.119.199
420	4. Quỹ dự phòng tài chính		28.085.153.439	28.085.153.439
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		393.956.170.930	314.678.973.341
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		7.036.881.103.160	7.387.212.300.491


Ông Đoàn Tấn Phong
Người lập biểu
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam


Ông Sái Văn Hưng
Kế toán trưởng


Ông Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc



Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B02-DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN I - BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
10	1. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm	4.510.394.614.092	3.768.683.589.271
11	2. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	12.829.479.463	12.304.663.364
12	3. Doanh thu hoạt động tài chính	311.079.148.811	314.066.355.382
13	4. Thu nhập khác	7.205.488.731	1.022.844.081
20	5. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(4.224.723.429.331)	(3.574.710.493.842)
21	6. Giá vốn bất động sản đầu tư	(5.705.391.242)	(5.900.673.620)
22	7. Chi phí hoạt động tài chính	(125.537.868.859)	(75.983.947.890)
23	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	(138.622.431.580)	(132.882.599.763)
24	9. Chi phí khác	(4.180.907.468)	(300.519.640)
50	10. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=10+11+12+13+20+21+22+23+24)	342.738.702.617	306.299.217.343
51	11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	(47.460.639.429)	(45.110.783.001)
52	12. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	(4.408.670.137)	(6.106.806.373)
60	13. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50+51+52)	290.869.393.051	255.081.627.969
70	14. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.288	1.975

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B02-DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP THEO HOẠT ĐỘNG

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu phí bảo hiểm (01 = 01.1 + 01.2 + 01.3) Trong đó:	22	5.655.167.117.269	4.846.654.959.599
01.1	- Phí bảo hiểm gốc	22.1	5.398.970.915.879	4.496.389.413.326
01.2	- Phí nhận tái bảo hiểm	22.2	582.396.268.018	524.400.133.068
01.3	- Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	20.1	(326.200.066.628)	(174.134.586.795)
02	2. Phí nhượng tái bảo hiểm (02 = 02.1 + 02.2) Trong đó:	23	(1.376.676.670.858)	(1.277.126.171.916)
02.1	- Tổng phí nhượng tái bảo hiểm		(1.451.944.223.252)	(1.350.537.348.068)
02.2	- Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	20.1	75.267.552.394	73.411.176.152
03	3. Doanh thu phí bảo hiểm thuần (03 = 01+ 02)		4.278.490.446.411	3.569.528.787.683
04	4. Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm và doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (04 = 04.1 + 04.2) Trong đó:	24	231.904.167.681	199.154.801.588
04.1	- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm		230.506.334.074	192.011.420.093
04.2	- Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		1.397.833.607	7.143.381.495
10	5. Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm (10 = 03+04)		4.510.394.614.092	3.768.683.589.271
11	6. Chi bồi thường bảo hiểm (11 = 11.1+ 11.2) Trong đó:	25	(2.127.818.844.576)	(1.610.439.282.736)
11.1	- Tổng chi bồi thường		(2.143.825.390.552)	(1.616.903.051.810)
11.2	- Các khoản giảm trừ (Thu đòi người thứ 3 bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)		16.006.545.976	6.463.769.074
12	7. Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25.3	713.001.789.524	497.747.533.799
13	8. Giảm/(tăng) dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	25	823.686.585.880	(599.981.430.572)
14	9. (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	25	(634.171.807.124)	486.127.965.330
15	10. Tổng chi bồi thường bảo hiểm (15 = 11 + 12 + 13 + 14)		(1.225.302.276.296)	(1.226.545.214.179)
16	11. Tăng dự phòng dao động lớn	20.3	(45.294.229.608)	(37.118.844.301)
17	12. Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm (17 = 17.1 + 17.2) Trong đó:	26	(2.954.126.923.427)	(2.311.046.435.362)
17.1	- Chi hoa hồng bảo hiểm		(796.562.080.888)	(675.331.609.901)
17.2	- Chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm		(2.157.564.842.539)	(1.635.714.825.461)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B02-DNPNT

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

PHẦN II – BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP THEO HOẠT ĐỘNG

(tiếp theo)

Đơn vị: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
18	13. Tổng chi phí hoạt động kinh doanh bảo hiểm (18 = 15 + 16 + 17)		(4.224.723.429.331)	(3.574.710.493.842)
19	14. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (19 = 10 + 18)		285.671.184.761	193.973.095.429
20	15. Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư		12.829.479.463	12.304.663.364
21	16. Giá vốn bất động sản đầu tư		(5.705.391.242)	(5.900.673.620)
22	17. Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư bất động sản (22 = 20 + 21)		7.124.088.221	6.403.989.744
23	18. Doanh thu hoạt động tài chính	27	311.079.148.811	314.066.355.382
24	19. Chi phí hoạt động tài chính	28	(125.537.868.859)	(75.983.947.890)
25	20. Lợi nhuận gộp hoạt động tài chính (25 = 23 + 24)		185.541.279.952	238.082.407.492
26	21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	(138.622.431.580)	(132.882.599.763)
30	22. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 19 + 22 + 25 + 26)		339.714.121.354	305.576.892.902
31	23. Thu nhập khác	30	7.205.488.731	1.022.844.081
32	24. Chi phí khác	30	(4.180.907.468)	(300.519.640)
40	25. Lợi nhuận khác (40 = 31 + 32)		3.024.581.263	722.324.441
50	26. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)		342.738.702.617	306.299.217.343
51	27. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.1	(47.460.639.429)	(45.110.783.001)
52	28. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	31.3	(4.408.670.137)	(6.106.806.373)
60	29. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 + 51 + 52)		290.869.393.051	255.081.627.969
70	30. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35	2.288	1.975



Ông Đoàn Tấn Phong
Người lập biểu

Ông Sái Văn Hưng
Kế toán trưởng

Ông Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B03-DNPNT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND			
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế	342.738.702.617	306.299.217.343
Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	17.909.084.204	19.314.251.765
03	Các khoản dự phòng	115.025.969.042	184.371.568.961
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(1.384.684.361)	(1.954.635.370)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư và hoạt động khác	(281.442.793.179)	(242.762.329.164)
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	192.846.278.323	265.268.073.535
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu	(45.689.577.068)	428.151.707.238
10	(Giảm)/tăng hàng tồn kho	396.109.005	(401.162.861)
11	Giảm các khoản phải trả	(32.867.584.939)	(76.867.356.049)
12	Tăng chi phí trả trước	(159.528.839.462)	(152.128.575.667)
13	Giảm chứng khoán kinh doanh	3.025.167.847	98.397.852.677
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	(42.186.349.033)	(21.307.288.218)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/từ hoạt động kinh doanh	(84.004.795.327)	541.113.250.655
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định (TSCĐ) và các tài sản dài hạn khác	(1.982.046.212)	(11.139.288.051)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22.094.274	891.712.727
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	(3.395.140.000.000)	(2.826.896.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	3.309.035.000.000	2.288.690.000.000
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	284.574.733.660	259.914.984.360
30	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động đầu tư	196.509.781.722	(288.538.590.964)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B03-DNPNT

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND			
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
		Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	21 (164.435.977.500)	(182.708.075.600)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính	(164.435.977.500)	(182.708.075.600)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	(51.930.991.105)	69.866.584.091
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	220.659.039.990	149.828.620.196
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	(3.014.471)	963.835.703
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4 168.725.034.414	220.659.039.990


Ông Đoàn Tấn Phong
Người lập biểu


Ông Sài Văn Hưng
Kế toán trưởng


Ông Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2023

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (“Tổng Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật kinh doanh bảo hiểm số 24/2000/QH10, Luật số 61/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm và Luật số 42/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật kinh doanh bảo hiểm, Luật sở hữu trí tuệ. Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh được thành lập theo Giấy phép Thành lập và Hoạt động số 27GP/KDBH do Bộ Tài chính cấp ngày 8 tháng 9 năm 2004 và giấy phép điều chỉnh mới nhất số 27/GPĐC13/KDBH ngày 30 tháng 12 năm 2022. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã chứng khoán là BMI.

Một số thông tin quan trọng về Tổng công ty bao gồm:

Tên doanh nghiệp:	Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh
Địa chỉ trụ sở chính:	Số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
Ngành nghề kinh doanh:	Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, kinh doanh tái bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.
Vốn điều lệ:	1.096.239.850.000 VND
Số cổ phần đang lưu hành:	109.623.985 cổ phần

Cơ cấu vốn của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022:

Cổ đông	Số lượng cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
- Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước	55.580.817	50,70%
- AXA.SA – Pháp	18.251.640	16,65%
- Công ty TNHH Firstland	6.195.175	5,65%
- Cán bộ nhân viên Bảo Minh và cổ đông khác	29.596.353	27,00%
	109.623.985	100%

Công ty liên doanh

Công ty được đầu tư	Vốn điều lệ VND	Vốn Tổng Công ty đã góp VND	Tỷ lệ sở hữu %
Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp	300.000.000.000	145.350.000.000	48,45%

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC") là công ty liên doanh giữa Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Sampo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm KB được thành lập tại Việt Nam với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Trụ sở chính của UIC đặt tại số 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính của UIC là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận, nhượng tái bảo hiểm kinh doanh, thực hiện các dịch vụ liên quan gồm: giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định, xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Mạng lưới hoạt động

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh có trụ sở chính đặt tại số số 26 Tôn Thất Đạm, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có một (01) Hội sở chính và sáu mươi lăm (65) công ty thành viên tại các tỉnh, thành phố trên cả nước.

Nhân viên

Tổng số cán bộ công nhân viên của Tổng công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.640 người (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 1.583 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính tổng hợp của Tổng Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VND”) phù hợp với Hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài; ban hành kèm theo Thông tư số 232/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2012 của Bộ Tài chính. Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 02 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính tổng hợp, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tổng Công ty là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tổng Công ty là đồng Việt Nam (“VND”).

2.5 Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Ban Điều hành Tổng Công ty cam kết đã lập báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các hướng dẫn kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Tổng Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 được áp dụng nhất quán với các chính sách kế toán đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, ngoại trừ thay đổi sau: Thông tư 24/2022/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 25 tháng 5 năm 2022 và áp dụng kể từ năm tài chính 2022 về sửa đổi Thông tư 48/2019/TT-BTC hướng dẫn việc trích lập và xử lý các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, công trình xây dựng tại doanh nghiệp. Thay đổi chủ yếu của Thông tư 24 là đối tượng trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính không bao gồm trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu, bao gồm các khoản phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm và các khoản phải thu khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu (tiếp theo)

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì Tổng Công ty áp dụng mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực thi hành ngày 10 tháng 10 năm 2019 (“Thông tư 48”). Chi tiết tỷ lệ trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm	30%
Từ một (1) năm đến dưới hai (2) năm	50%
Từ hai (2) năm đến dưới ba (3) năm	70%
Từ ba (3) năm trở lên	100%

3.4 Tài sản cố định

Tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao/hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.5 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

	Số năm
Máy móc, thiết bị	08 - 15
Phương tiện vận tải	10 - 15
Thiết bị văn phòng	06 - 10
Nhà cửa	20 - 45
Tài sản cố định hữu hình khác	04 - 06
Phần mềm máy tính	03 - 08
Quyền sử dụng đất có thời hạn	Theo thời hạn trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Tổng Công ty không trích khấu hao liên quan đến các giá trị quyền sử dụng đất không có thời hạn theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

3.6 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động kinh doanh, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán hiện hành của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tổng Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của mỗi bất động sản. Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán tổng hợp sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán tổng hợp và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.9 Các khoản đầu tư

3.9.1 Đầu tư vào các công ty liên doanh

Các khoản đầu tư vào các công ty liên doanh mà trong đó Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên doanh sau ngày Tổng Công ty có quyền đồng kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

3.9.2 Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh bao gồm chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán và các loại chứng khoán, công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

3.9.3 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.9.4 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư vào vốn chủ sở hữu của đơn vị khác nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát, ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi có bằng chứng khách quan về việc giảm giá lâu dài của khoản đầu tư.

3.9.5 Dự phòng giảm giá đầu tư

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập theo chính sách kế toán của Tổng Công ty phù hợp với Thông tư 48 và Thông tư 24. Cơ sở đánh giá sự giảm giá của các khoản đầu tư được trình bày như dưới đây:

Đối với chứng khoán niêm yết

Đối với các khoản đầu tư tài chính vào chứng khoán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc, nếu xét thấy có bằng chứng khách quan về việc giảm giá thị trường so với giá gốc thì phần giảm giá được tính bằng khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá thực tế thị trường của các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng theo công thức như sau:

$$\begin{matrix} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Số lượng chứng} \\ \text{khoán giảm giá} \\ \text{tại thời điểm lập} \\ \text{báo cáo tài chính} \\ \text{riêng} \end{matrix} \times \left(\begin{matrix} \text{Giá chứng} \\ \text{khoán hạch} \\ \text{toán trên sổ} \\ \text{kế toán} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{Giá chứng khoán} \\ \text{thực tế trên thị} \\ \text{trường tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo} \\ \text{tài chính riêng} \end{matrix} \right)$$

Đối với chứng khoán chưa niêm yết

Đối với chứng khoán chưa niêm yết, những phương pháp dưới đây được sử dụng để tính giá trị hợp lý phục vụ cho việc so sánh với giá trị ghi sổ nhằm xác định mức dự phòng:

- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nhưng đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất trước thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp do Sở Giao dịch chứng khoán công bố;
- ▶ Đối với các chứng khoán của các công ty chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM) thì giá trị thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở tham khảo báo giá được cung cấp bởi tối thiểu ba (3) công ty chứng khoán có quy mô lớn và uy tín trên thị trường chứng khoán.

Đối với các chứng khoán khác chưa có giá tham chiếu làm cơ sở trích lập dự phòng, Tổng Công ty xem xét sử dụng giá trị sổ sách của chứng khoán.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đối với các khoản vốn góp của Tổng Công ty vào các tổ chức kinh tế và các khoản đầu tư dài hạn khác, dự phòng được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà Tổng Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

3.9.5 Dự phòng giảm giá đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Mức trích tối đa cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức được nêu trong Thông tư 48 như sau:

Mức trích dự phòng cho từng khoản đầu tư

=

Tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp (%) của doanh nghiệp tại tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng

x

Vốn đầu tư thực tế của các chủ sở hữu ở tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng

-

Vốn chủ sở hữu của tổ chức kinh tế nhận vốn góp tại thời điểm trích lập dự phòng

Dự phòng được lập khi vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế lớn hơn vốn chủ sở hữu thực của tổ chức kinh tế đó và được tính toán dựa trên báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế tại ngày lập dự phòng.

3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tổng Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.11 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Các quỹ dự phòng nghiệp vụ bao gồm (i) dự phòng phí chưa được hưởng, (ii) dự phòng bồi thường và (iii) dự phòng dao động lớn. Việc trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm được thực hiện theo các phương pháp quy định tại Thông tư số 50/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 5 năm 2017 do Bộ Tài chính ban hành (“Thông tư 50”), Thông tư số 89/2020/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 50 và được Bộ Tài chính chấp thuận theo công văn 3167/BTC-QLBH ngày 21 tháng 3 năm 2018 như sau:

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ

(i) Dự phòng phí chưa được hưởng

Áp dụng theo phương pháp hàng ngày đối với các loại nghiệp vụ bảo hiểm sau: Bảo hiểm tài sản và bảo hiểm thiệt hại; Bảo hiểm hàng hóa vận chuyển đường bộ, đường biển, đường thủy nội địa, đường sắt và đường hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới (xe ô tô); Bảo hiểm cháy, nổ; Bảo hiểm thân tàu và trách nhiệm dân sự của chủ tàu; Bảo hiểm trách nhiệm và Bảo hiểm thiệt hại kinh doanh.

Áp dụng theo phương pháp 1/24 đối với hợp đồng tái bảo hiểm của tất cả các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ và hợp đồng bảo hiểm gốc thuộc các nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm hàng không; Bảo hiểm xe cơ giới (xe máy); Bảo hiểm tín dụng và rủi ro tài chính; Bảo hiểm nông nghiệp; Bảo hiểm bảo lãnh.

Các khoản dự phòng phí chưa được hưởng của hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm được phản ánh là nợ phải trả; Dự phòng phí chưa được hưởng nhượng tái bảo hiểm được phản ánh là tài sản tái bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

a) Nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ (tiếp theo)

(ii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm: dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập như sau:

Đối với nghiệp vụ bảo hiểm xe cơ giới và nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe: áp dụng phương pháp trích lập theo công thức sau:

Dự phòng BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu bồi BT cho năm TC hiện tại

=

Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa yêu cầu bồi BT của 3 năm TC trước liên tiếp

x

Số tiền BT phát sinh của năm TC hiện tại

x

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC hiện tại

x

Thời gian chậm yêu cầu bồi BT bình quân của năm TC hiện tại

Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp

x

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước

x

Thời gian chậm yêu cầu bồi BT bình quân của năm TC trước

Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ khác, trích theo tỷ lệ 3% phí bảo hiểm đối với từng nghiệp vụ bảo hiểm.

(iii) Dự phòng dao động lớn

Dự phòng dao động lớn được trích lập mỗi năm cho đến khi dự phòng đạt mức 100% phí giữ lại trong năm tài chính. Công ty áp dụng theo tỷ lệ 1% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán (“CMKT”) mới, bao gồm CMKT số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ tháng 1 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do dự phòng này phản ánh “các yêu cầu bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính”. Tuy nhiên, do Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng CMKT số 19 và theo quy định tại Nghị định số 73/2016/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 1 tháng 7 năm 2016 (“Nghị định 73”) về việc quy định chế độ tài chính đối với các doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn trên báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Tỷ lệ trích lập hiện tại là 1% trên tổng phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các quỹ dự phòng nghiệp vụ (tiếp theo)

b) Nghiệp vụ bảo hiểm sức khỏe

(i) Dự phòng toán học

- Đối với hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm sức khỏe có thời hạn trên 1 năm, trừ các hợp đồng chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp 1/24. Trong mọi trường hợp Tổng Công ty đảm bảo kết quả trích lập dự phòng không thấp hơn kết quả trích lập theo phương pháp 1/8; và
- Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe chỉ bảo hiểm cho trường hợp chết, thương tật toàn bộ vĩnh viễn, dự phòng toán học được trích lập theo phương pháp phí thuần và cơ sở trích lập cho bảo hiểm nhân thọ tử kỳ của Thông tư 50.

(ii) Dự phòng phí chưa được hưởng

Đối với các hợp đồng bảo hiểm sức khỏe có thời hạn từ 1 năm trở xuống, dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo phương pháp 1/24.

(iii) Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường bao gồm dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết và dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại.

- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã khiếu nại nhưng đến cuối năm chưa giải quyết được xác định dựa trên cơ sở ước tính của từng vụ bồi thường thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo cho công ty bảo hiểm hoặc khách hàng khiếu nại bồi thường tuy nhiên chưa giải quyết tại thời điểm cuối năm; và
- Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh trách nhiệm bảo hiểm chưa khiếu nại (IBNR) được trích lập như sau:

Dự phòng BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT cho năm TC hiện tại

=

Tổng số tiền BT cho tổn thất đã phát sinh chưa thông báo hoặc chưa yêu cầu đòi BT của 3 năm TC trước liên tiếp

x

Số tiền BT phát sinh của năm TC hiện tại

x

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC hiện tại

x

Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC hiện tại

Thời gian chậm yêu cầu đòi BT bình quân của năm TC trước

Tổng số tiền BT phát sinh của 3 năm TC trước liên tiếp

x

Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm của năm TC trước

(iv) Dự phòng đảm bảo cân đối

Mức trích lập hàng năm là 1% phí bảo hiểm giữ lại theo từng nghiệp vụ bảo hiểm.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tổng Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch;
- Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán tổng hợp theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

3.13 Phân phối lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được các cấp có thẩm quyền/đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ và chi trả thù lao cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành theo Điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tổng Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tổng Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% trên lợi nhuận sau thuế hàng năm, và số dư tối đa là 10% vốn điều lệ theo Nghị định 73; và
- Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

3.14 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tổng Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

103 BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

BẢO MINH® 104
Tận tâm phục vụ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

(i) *Doanh thu bảo hiểm gốc*

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư 50 hướng dẫn chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm, doanh nghiệp tái bảo hiểm, doanh nghiệp môi giới bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

(i) *Doanh thu bảo hiểm gốc* (tiếp theo)

Cụ thể, doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận dựa trên tính hiệu lực của các hợp đồng bảo hiểm (khi rủi ro được bảo hiểm) và khi đáp ứng được những điều kiện sau:

- (1) hợp đồng đã được giao kết giữa doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm và bên mua bảo hiểm, đồng thời bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (2) có bằng chứng về việc hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm; hoặc
- (3) hợp đồng bảo hiểm được giao kết và doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm có thỏa thuận với bên mua bảo hiểm về thời hạn thanh toán phí bảo hiểm thì doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm vẫn phải hạch toán vào doanh thu khoản phí bảo hiểm phải đóng theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm mặc dù bên mua bảo hiểm chưa đóng phí bảo hiểm. Thời hạn thanh toán phí bảo hiểm không quá 30 ngày kể từ ngày hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực. Trường hợp đóng phí bảo hiểm theo kỳ, Công ty hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của kỳ đóng phí bảo hiểm đầu tiên khi hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực và chỉ hạch toán doanh thu khoản phí bảo hiểm của các kỳ đóng phí bảo hiểm tiếp theo khi bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận tại hợp đồng bảo hiểm. Trường hợp bên mua bảo hiểm không đóng đủ phí bảo hiểm theo thời hạn thanh toán phí bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm sẽ tự chấm dứt hiệu lực khi hết thời hạn thanh toán phí bảo hiểm.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối năm tài chính được ghi nhận vào “Doanh thu chưa thực hiện” trên bảng cân đối kế toán tổng hợp.

(ii) *Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm*

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở dồn tích.

(iii) *Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm*

Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và dựa trên doanh thu nhượng tái bảo hiểm.

(iv) *Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(v) *Cổ tức*

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức bằng tiền của Tổng Công ty được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu và các cổ phiếu thưởng nhận được không được ghi nhận là thu nhập của Tổng Công ty mà chỉ được cập nhật số lượng cổ phiếu trên danh mục đầu tư của Tổng Công ty.

(vi) *Tiền cho thuê*

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3.15 *Ghi nhận chi phí*

(i) *Phí nhượng tái bảo hiểm*

Phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận vào chi phí trong năm theo cơ sở dồn tích dựa trên doanh thu bảo hiểm gốc và các thỏa thuận tái bảo hiểm.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 *Ghi nhận chi phí* (tiếp theo)

(ii) *Chi phí bồi thường*

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Đối với những hồ sơ bồi thường chưa được phê duyệt bởi người có thẩm quyền thì sẽ được ghi nhận như các tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết.

(iii) *Chi phí hoa hồng*

Chi phí hoa hồng chỉ được ghi nhận khi phát sinh. Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc thực thu trong kỳ kế toán năm và được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ nhất định phù hợp với Thông tư 50. Cuối kỳ kế toán năm, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào chi phí năm này tương ứng với doanh thu phí bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các kỳ kế toán sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm đã đăng ký với Bộ Tài chính.

(iv) *Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác*

Các chi phí quản lý doanh nghiệp khác được ghi nhận khi phát sinh.

(v) *Chi phí thuê hoạt động*

Chi phí thuê hoạt động được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn thuê của hợp đồng.

3.16 *Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm*

(i) *Nhượng tái bảo hiểm*

- ▶ Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thỏa thuận này đã được ghi nhận;
- ▶ Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận;
- ▶ Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, doanh thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm trong phạm vi các hợp đồng tái bảo hiểm cố định được ghi nhận theo bảng thanh toán đối chiếu với công ty nhận tái bảo hiểm.

Cuối năm tài chính, khoản hoa hồng bảo hiểm chưa được tính vào doanh thu kỳ này tương ứng với doanh thu phí nhượng tái bảo hiểm chưa được hưởng phải được xác định để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau theo phương pháp trích lập dự phòng phí bảo hiểm.

(ii) *Nhận tái bảo hiểm*

Nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

- ▶ Thu nhập và chi phí liên quan đến các hoạt động nhận tái bảo hiểm theo các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính tổng hợp, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thỏa thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của Tổng Công ty.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Ghi nhận hoạt động kinh doanh tái bảo hiểm (tiếp theo)

(ii) Nhận tái bảo hiểm (tiếp theo)

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

- ▶ Thu nhập phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thỏa thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm;
- ▶ Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm; và
- ▶ Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thỏa thuận nhận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm. Cuối năm tài chính, doanh nghiệp phải xác định khoản chi phí hoa hồng nhận tái bảo hiểm chưa được tính chi phí kỳ này tương ứng với phí bảo hiểm nhận tái chưa được hưởng để chuyển sang phân bổ vào các năm tài chính sau.

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho hoặc được thu hồi từ cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tổng Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này cho mục đích lập báo cáo tài chính tổng hợp.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Công cụ tài chính

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tổng Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Công cụ tài chính (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá trừ các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Công cụ tài chính – Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại Thông tư 210 không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

3.19 Sử dụng các ước tính

Để lập báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Điều hành phải thực hiện một số ước tính và sử dụng một số giả định. Các ước tính và giả định này có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo của tài sản, nợ phải trả và việc trình bày những khoản công nợ tiềm ẩn cũng ảnh hưởng đến thu nhập, chi phí và kết quả trích lập dự phòng. Các ước tính này chủ yếu được dựa trên các giả định, các đánh giá định tính và về các rủi ro chưa xác định nên có thể sẽ rất khác so với kết quả thực tế.

3.20 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

		Đơn vị: VND
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	6.829.579.841	8.035.609.717
Trong đó: VND	6.829.579.841	8.035.609.717
Tiền gửi ngân hàng	161.895.454.573	212.623.430.273
Trong đó: VND	155.506.676.976	187.776.285.529
Ngoại tệ	6.388.777.597	24.847.144.744
	168.725.034.414	220.659.039.990

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

		Đơn vị: VND	
	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Chứng khoán kinh doanh	5.1		
Cổ phiếu		98.535.654.971	101.560.822.818
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(44.295.607.588)	(17.951.101.999)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2		
Tiền gửi		3.355.445.125.210	3.106.640.125.210
Trái phiếu		127.172.887.595	127.172.887.595
Chứng chỉ tiền gửi		-	50.000.000.000
		3.482.618.012.805	3.283.813.012.805
		5	5
Dự phòng đầu tư ngắn hạn khác		(255.618.012.805)	(255.618.012.805)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		3.281.240.047.383	3.111.804.720.819
		3	9

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.1 Chứng khoán kinh doanh

Đơn vị: VND

		Số cuối năm			Số đầu năm		
	Sàn giao dịch	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
NOS	UpCom	20.000.000.000	2.166.000.000	(17.834.000.000)	20.000.000.000	5.400.000.000	(14.600.000.000)
TCB	HOSE	17.214.028.506	12.581.195.000	(4.632.833.506)	-	-	-
VNM	HOSE	9.951.200.000	8.218.800.000	(1.732.400.000)	9.951.200.000	9.331.200.000	(620.000.000)
TCO	HOSE	9.878.810.000	2.869.000.000	(7.009.810.000)	9.878.810.000	8.778.000.001	(1.100.809.999)
DGT	UpCom	9.683.360.000	1.798.250.000	(7.885.110.000)	9.683.360.000	9.683.360.000	-
NCT	HOSE	9.663.698.000	8.326.596.000	(1.337.102.000)	9.663.698.000	8.033.406.000	(1.630.292.000)
CTG	HOSE	9.532.000.000	8.365.750.000	(1.166.250.000)	-	-	-
IMP	HOSE	5.319.588.709	5.319.588.709	-	9.941.369.740	9.941.369.740	-
HDB	HOSE	3.530.500.000	2.591.875.000	(938.625.000)	-	-	-
HHV	HOSE	2.410.250.000	942.000.000	(1.468.250.000)	-	-	-
NTP	HNX	827.538.750	538.560.000	(288.978.750)	10.817.500.000	10.817.500.000	-
Đia oc 9	OTC	514.000.000	514.000.000	-	514.000.000	514.000.000	-
CII	HOSE	2.387.394	903.000	(1.484.394)	5.810.575.441	5.810.575.441	-
GMD	HOSE	2.022.126	2.022.126	-	2.022.126	2.022.126	-
VPB	HOSE	1.897.526	1.897.526	-	1.897.526	1.897.526	-
LPB	HOSE	1.570.694	1.048.000	(522.694)	5.407.069.935	5.407.069.935	-
STG	HOSE	1.077.369	1.077.369	-	1.077.369	1.077.369	-
PTB	HOSE	884.593	670.400	(214.193)	884.593	884.593	-
MBB	HOSE	577.866	577.866	-	577.866	577.866	-
TCL	HOSE	172.486	172.486	-	172.486	172.486	-
POW	HOSE	90.952	63.901	(27.051)	90.952	90.952	-
HTP	HNX	-	-	-	9.886.516.784	9.886.516.784	-
		98.535.654.971	54.240.047.383	(44.295.607.588)	101.560.822.818	83.609.720.819	(17.951.101.999)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (tiếp theo)

5.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đơn vị: VND

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Dự phòng
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	3.355.445.125.210	3.177.000.000.000	(178.445.125.210)	3.106.640.125.210	2.928.195.000.000	(178.445.125.210)
Trái phiếu doanh nghiệp	127.172.887.595	50.000.000.000	(77.172.887.595)	127.172.887.595	50.000.000.000	(77.172.887.595)
- Sông Đà Thăng Long (ii)	8.763.407.588	-	(8.763.407.588)	8.763.407.588	-	(8.763.407.588)
- Tập đoàn Công nghiệp tàu thủy Việt Nam (Vinashin) (ii)	68.409.480.007	-	(68.409.480.007)	68.409.480.007	-	(68.409.480.007)
- Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB) (iii)	50.000.000.000	50.000.000.000	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi	-	-	-	50.000.000.000	50.000.000.000	-
	3.482.618.012.805	3.227.000.000.000	(255.618.012.805)	3.283.813.012.805	3.028.195.000.000	(255.618.012.805)

(i) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện tiền gửi tại các ngân hàng thương mại và các tổ chức tín dụng với thời hạn từ 3 tháng trở lên, có thời hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 8,9%/năm. Dự phòng phải thu tiền gửi kỳ hạn 178 tỷ VND là khoản dự phòng cho toàn bộ khoản tiền gửi quá hạn tại Công ty Cho thuê Tài chính 2 (ALC2).

(ii) Trái phiếu Sông Đà Thăng Long và Vinashin đã quá hạn và các tổ chức này mất khả năng thanh toán. Tổng Công ty đã trích lập 100% dự phòng cho các khoản đầu tư này theo Thông tư số 48/2019/TT-BTC.

(iii) Trái phiếu Ngân hàng Quốc tế Việt Nam (VIB) có thời hạn còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 dưới 12 tháng và được hưởng lãi suất 9,4%/năm.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	773.041.934.916	754.412.965.593
Phải thu hoạt động bảo hiểm gốc	254.420.097.904	204.822.750.553
Phải thu hoạt động nhận tái bảo hiểm	239.105.045.874	203.231.722.311
Phải thu hoạt động nhượng tái bảo hiểm	271.567.158.290	338.055.012.108
Phải thu đồng bảo hiểm	772.733.148	1.309.282.312
Phải thu khác hoạt động bảo hiểm	7.176.899.700	6.994.198.309
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.069.611.910	3.815.664.536
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	273.963.911.368	266.081.632.546
Phải thu về lãi đầu tư	157.581.835.889	160.254.007.630
Phải thu ngắn hạn khác	116.382.075.479	105.827.624.916
	1.051.075.458.194	1.024.310.262.675
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(312.539.212.816)	(331.179.853.514)
Dự phòng phải thu liên quan đến hoạt động kinh doanh bảo hiểm	(238.218.254.273)	(256.858.894.971)
Dự phòng phải thu hoạt động đầu tư	(74.320.958.543)	(74.320.958.543)
Phải thu ngắn hạn thuần	738.536.245.378	693.130.409.161

7. HÀNG TỒN KHO

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ấn chỉ	4.942.628.637	5.478.728.360
Vật liệu và văn phòng phẩm	282.891.539	142.900.821
	5.225.520.176	5.621.629.181

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí hoa hồng chưa phân bổ	264.605.176.559	217.198.086.583
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	369.300.887.996	259.643.985.237
- Công cụ, dụng cụ và thiết bị	9.643.081	5.163.638
- Chi phí khai thác	367.427.477.670	258.430.815.703
- Chi phí trả trước khác	1.863.767.245	1.208.005.896
	633.906.064.555	476.842.071.820

9. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ký quỹ bảo hiểm bắt buộc (*)	7.000.000.000	10.000.000.000
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn khác	7.458.516.104	4.799.951.039
Phải thu về lãi dự thu	1.315.068	179.978.082
	14.459.831.172	14.979.929.121

(*) Tổng Công ty thực hiện duy trì ký quỹ bảo hiểm bắt buộc đáp ứng mức tối thiểu tương ứng với 2% vốn pháp định theo quy định trong Nghị định 73/2016/NĐ-CP.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị: VND

	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Nhà cửa	TSCĐ khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	622.199.009	73.016.953.351	19.785.707.100	138.211.961.071	6.882.882.132	238.519.702.663
Mua mới	98.886.000	7.450.000	14.300.000	634.916.950	-	755.552.950
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(133.499.840)	-	-	(133.499.840)
Số cuối năm	721.085.009	73.024.403.351	19.666.507.260	138.846.878.021	6.882.882.132	239.141.755.773
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	-	20.072.936.269	17.878.727.632	15.010.452.188	3.865.990.029	56.828.106.118
Giá trị khấu hao lũy kế						
Số đầu năm	110.722.267	44.486.891.350	18.433.679.697	86.728.040.748	5.497.064.153	155.256.398.215
Khấu hao trong năm	44.902.083	5.353.127.167	594.653.577	4.615.237.651	560.080.199	11.168.000.677
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(133.499.840)	-	-	(133.499.840)
Số cuối năm	155.624.350	49.840.018.517	18.894.833.434	91.343.278.399	6.057.144.352	166.290.899.052
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	511.476.742	28.530.062.001	1.352.027.403	51.483.920.323	1.385.817.979	83.263.304.448
Số cuối năm	565.460.659	23.184.384.834	771.673.826	47.503.599.622	825.737.780	72.850.856.721

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	Phần mềm	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	90.040.768.187	194.166.163.294	284.206.931.481
Số cuối năm	90.040.768.187	194.166.163.294	284.206.931.481
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	75.529.685.347	1.669.382.727	77.199.068.074
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	79.586.605.237	15.481.084.686	95.067.689.923
Hao mòn trong năm	1.964.590.745	1.922.588.117	3.887.178.862
Số cuối năm	81.551.195.982	17.403.672.803	98.954.868.785
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	10.454.162.950	178.685.078.608	189.139.241.558
Số cuối năm	8.489.572.205	176.762.490.491	185.252.062.696

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Đơn vị: VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Xây dựng cơ bản dở dang	22.824.124.009	22.401.669.207
Mua sắm tài sản cố định	84.324.182	804.324.182
Sửa chữa lớn tài sản cố định	6.392.030.754	5.480.477.744
	29.300.478.945	28.686.471.133

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Đơn vị: VND		
	Nhà cửa vật kiến trúc	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	80.177.678.249	101.071.189.764	181.248.868.013
Tăng do vốn hóa chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu của bất động sản đầu tư	612.485.450	-	612.485.450
Số cuối năm	80.790.163.699	101.071.189.764	181.861.353.463
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	8.505.821.827	-	8.505.821.827
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	24.411.799.460	-	24.411.799.460
Khấu hao trong năm	2.853.904.665	-	2.853.904.665
Số cuối năm	27.265.704.125	-	27.265.704.125
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	55.765.878.789	101.071.189.764	156.837.068.553
Số cuối năm	53.524.459.574	101.071.189.764	154.595.649.338

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Đơn vị: VND		
	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	14.1	145.350.000.000	145.350.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	14.1	57.615.300.000	57.615.300.000
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	14.1	(2.860.375.464)	(2.250.236.399)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	14.2	52.001.000.000	164.701.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn		300.000.000	63.000.000.000
- Trái phiếu		51.701.000.000	101.701.000.000
		252.105.924.536	365.416.063.601

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1. Đầu tư vào vốn vào các đơn vị	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	145.350.000.000	-	145.350.000.000	145.350.000.000	-	145.350.000.000
Đầu tư vào đơn vị khác	57.615.300.000	(2.860.375.464)	54.754.924.536	57.615.300.000	(2.250.236.399)	55.365.063.601
Công ty CP Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	(112.795.565)	5.887.204.435	6.000.000.000	-	6.000.000.000
Công ty CP Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	(2.747.579.899)	4.870.520.101	7.618.100.000	(2.250.236.399)	5.367.863.601
Tổng công ty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare)	43.218.000.000	-	43.218.000.000	43.218.000.000	-	43.218.000.000
Công ty CP Xi măng Hà Tiền	779.200.000	-	779.200.000	779.200.000	-	779.200.000

(*) Đây là khoản đầu tư vào Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC"). UIC được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sampo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm KB với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ.

14.2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm				Số đầu năm			
	Kỳ hạn Năm	Lãi suất %/năm	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Kỳ hạn Năm	Lãi suất %/năm	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Tiền gửi có kỳ hạn	1 – 2	8,0	300.000.000	300.000.000	1 – 2	4,3 – 6,2	63.000.000.000	63.000.000.000
Trái phiếu doanh nghiệp	5	7,3 – 11,0	51.701.000.000	51.701.000.000	2 – 5	7,6 – 11,0	101.701.000.000	101.701.000.000
			52.001.000.000	52.001.000.000			164.701.000.000	164.701.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí thuê văn phòng và các khoản chi phí trả trước khác.

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng, thuê đất	15.033.318.834	12.527.310.504
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.429.419.321	3.132.018.245
Chi phí trả trước dài hạn khác	3.393.764.418	3.732.327.097
	21.856.502.573	19.391.655.846

16. PHẢI TRẢ VỀ HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	25.632.006.526	43.889.943.531
Phải trả hoạt động nhận tái	211.906.003.875	222.403.454.374
Phải trả hoạt động nhượng tái bảo hiểm	446.782.127.507	385.582.729.649
Phải trả đồng bảo hiểm	54.544.631.278	25.299.776.452
Phải trả khác hoạt động bảo hiểm gốc	89.088.260.110	75.359.120.896
Phải trả hoa hồng bảo hiểm	51.378.820.759	92.748.951.542
	879.331.850.055	845.283.976.444

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị: VND		
	Số cuối năm		
	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số đã nộp
Thuế giá trị gia tăng	23.097.112.030	141.241.160.439	(178.286.290.605)
Thuế TNDN	11.465.100.265	47.460.639.430	(42.186.349.033)
Thuế TNCN	1.225.733.870	27.247.073.823	(27.419.790.822)
Thuế khác	(299.076.602)	5.830.302.569	(9.000.817.467)
	35.488.869.563	221.779.176.261	(256.893.247.927)
			374.797.897

18. DOANH THU HOA HỒNG CHƯA ĐƯỢC HƯỞNG

	Đơn vị: VND		
	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Phân bổ trong năm
Doanh thu hoa hồng nhượng tái chưa được hưởng	90.552.814.720	244.594.958.156	(230.506.334.074)
			104.641.438.802

19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Các khoản phải trả, phải nộp khác bao gồm phải trả bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, quỹ cháy nổ bắt buộc, nhận ký quỹ ký cược và các khoản phải trả khác cho người bán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần
Dự phòng phí chưa được hưởng	1.874.304.158.642	(455.218.380.182)	1.419.085.778.460	1.548.104.092.014	(379.950.827.788)	1.168.153.264.226
Dự phòng bồi thường	1.259.858.297.105	(983.714.186.807)	276.144.110.298	2.083.544.882.985	(1.617.885.993.931)	465.658.889.054
	3.134.162.455.747	(1.438.932.566.989)	1.695.229.888.758	3.631.648.974.999	(1.997.836.821.719)	1.633.812.153.280

20.1 Dự phòng phí bảo hiểm

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần
Số đầu kỳ	1.548.104.092.014	(379.950.827.788)	1.168.153.264.226	1.373.969.505.219	(306.539.651.636)	1.067.429.853.583
Thay đổi trong kỳ	326.200.066.628	(75.267.552.394)	250.932.514.234	174.134.586.795	(73.411.176.152)	100.723.410.643
Số cuối năm	1.874.304.158.642	(455.218.380.182)	1.419.085.778.460	1.548.104.092.014	(379.950.827.788)	1.168.153.264.226

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ (tiếp theo)

20.2 Dự phòng bồi thường bảo hiểm

	Số cuối năm			Số đầu năm			Đơn vị: VND
	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần	Dự phòng BH gốc và nhận tái bảo hiểm	Dự phòng nhượng tái bảo hiểm	Dự phòng bảo hiểm thuần	
Số đầu năm	2.083.544.882.985	(1.617.885.993.931)	465.658.889.054	1.483.563.452.413	(1.131.758.028.601)	351.805.423.812	
Thay đổi trong kỳ	(823.686.585.880)	634.171.807.124	(189.514.778.756)	599.981.430.572	(486.127.965.330)	113.853.465.242	
Số cuối năm	1.259.858.297.105	(983.714.186.807)	276.144.110.298	2.083.544.882.985	(1.617.885.993.931)	465.658.889.054	

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất chưa giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022 được trích lập dựa trên mức ước tính tổn thất cho từng vụ tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm đã được thông báo hoặc yêu cầu thanh toán nhưng chưa được giải quyết tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022. Khoản dự phòng này được trích ở mức 1.179.250.018.257 VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022. Trong đó, phần trách nhiệm bảo hiểm có thể thu hồi được từ các công ty nhận tái bảo hiểm liên quan đến các vụ tổn thất lớn nêu trên ước tính là 940.298.829.209 VND.

Dự phòng bồi thường cho các tổn thất đã phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm nhưng chưa khiếu nại tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022. Khoản dự phòng này được ước tính vào khoảng 37.192.921.250 VND tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2022.

20.3 Dự phòng dao động lớn

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	165.018.435.580	127.899.591.279
Trích lập thêm trong năm	45.294.229.608	37.118.844.301
Số cuối năm	210.312.665.188	165.018.435.580

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Đơn vị: VND						
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Quỹ dự trữ bắt buộc hoạt động bảo hiểm	Tổng cộng	
Số đầu năm	1.096.239.850.000	0	792.244.224.449	28.085.153.439	314.678.973.341	104.108.119.199	2.335.356.320.428
Phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT, Ban kiểm soát 2022	-	-	-	(41.640.352.161)	-	(41.640.352.161)	
Cổ tức đã trả	-	-	-	(164.435.977.500)	-	(164.435.977.500)	
Lợi nhuận chưa phân phối kỳ này	-	-	-	290.869.393.051	-	290.869.393.051	
Trích quỹ dự trữ bắt buộc	-	-	-	(5.515.865.801)	5.515.865.801	-	
Số cuối năm	1.096.239.850.000	0	792.244.224.449	28.085.153.439	393.956.170.930	109.623.985.000	2.420.149.383.818

21.1 Vốn góp và thặng dư vốn cổ phần

	Số cuối năm		Số đầu năm		Đơn vị: VND
	Tổng số	Cổ phiếu thưởng	Tổng số	Cổ phiếu thưởng	
Số vốn góp của cổ đông	1.096.239.850.000	1.096.239.850.000	1.096.239.850.000	1.096.239.850.000	
Thặng dư vốn cổ phần	792.244.224.449	792.244.224.449	792.244.224.449	792.244.224.449	
	1.888.484.074.449	1.888.484.074.449	1.888.484.074.449	1.888.484.074.449	

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

21.2 Cổ tức

Ngày 28 tháng 4 năm 2022, Tổng Công ty đã tổ chức thành công Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2022 và thông qua tỷ lệ chi trả cổ tức cho năm tài chính 2021 là 15% (1.500 đồng/cổ phiếu) tính trên vốn điều lệ 1.096.239.850.000 đồng tương đương với số tiền 164.435.977.500 đồng.

22. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bảo hiểm gốc	5.406.783.114.188	4.503.642.044.241
Các khoản giảm trừ phí bảo hiểm gốc	(7.812.198.309)	(7.252.630.915)
Doanh thu phí bảo hiểm gốc thuần	5.398.970.915.879	4.496.389.413.326
Phí nhận tái bảo hiểm gộp	583.090.832.613	528.677.662.683
Các khoản giảm trừ phí nhận tái bảo hiểm	(694.564.595)	(4.277.529.615)
Phí nhận tái bảo hiểm thuần	582.396.268.018	524.400.133.068
Tăng dự phòng phí bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(326.200.066.628)	(174.134.586.795)
	5.655.167.117.269	4.846.654.959.599

22.1 Doanh thu phí bảo hiểm gốc

	Đơn vị: VND	
Loại hình bảo hiểm	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	1.124.651.371.863	985.074.827.711
Bảo hiểm Sức khỏe	2.160.601.246.823	1.708.985.043.944
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	174.516.573.894	161.315.559.359
Bảo hiểm Hàng không	38.013.810.787	1.472.049.444
Bảo hiểm Kỹ thuật	182.558.039.847	146.142.654.027
Bảo hiểm Nông nghiệp	797.322.639	5.225.166.427
Bảo hiểm Tàu	144.223.020.724	111.004.811.805
Bảo hiểm Thiệt hại kinh doanh	103.875.750.713	99.354.575.846
Bảo hiểm Tín dụng	527.868.614.091	464.915.628.941
Bảo hiểm Trách nhiệm	78.848.987.397	69.576.627.590
Bảo hiểm Xe cơ giới	863.016.177.101	743.322.468.232
	5.398.970.915.879	4.496.389.413.326

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. DOANH THU PHÍ BẢO HIỂM (tiếp theo)

22.2 Phí nhận tái bảo hiểm

	Đơn vị: VND	
Loại hình bảo hiểm	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	345.516.129.019	374.302.213.752
Bảo hiểm Sức khỏe	17.177.830.865	24.114.631.476
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	46.665.049.244	24.899.954.990
Bảo hiểm Hàng không	73.739.901.188	38.857.546.989
Bảo hiểm Kỹ thuật	53.736.511.135	34.538.858.289
Bảo hiểm Nông nghiệp	550.898.772	(1.606.568)
Bảo hiểm Tàu	18.433.272.271	16.350.549.497
Bảo hiểm Trách nhiệm	24.527.042.048	11.163.726.695
Bảo hiểm Xe cơ giới	2.049.633.476	174.257.948
	582.396.268.018	524.400.133.068

23. PHÍ NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí nhượng tái bảo hiểm	1.451.944.223.252	1.350.537.348.068
Tăng dự phòng phí nhượng tái bảo hiểm	(75.267.552.394)	(73.411.176.152)
	1.376.676.670.858	1.277.126.171.916

23.1 Phí nhượng tái bảo hiểm

	Đơn vị: VND	
Loại hình bảo hiểm	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	897.910.207.997	913.691.808.825
Bảo hiểm Sức khỏe	4.584.104.503	2.064.597.734
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	82.370.623.198	84.987.792.624
Bảo hiểm Hàng không	41.420.238.645	837.810.488
Bảo hiểm Kỹ thuật	130.431.353.848	107.347.447.425
Bảo hiểm Nông nghiệp	757.811.419	4.725.911.994
Bảo hiểm Tàu	93.131.988.927	48.847.802.877
Bảo hiểm Thiệt hại kinh doanh	97.073.403.389	97.631.821.333
Bảo hiểm Tín dụng	53.901.226.648	45.730.779.982
Bảo hiểm Trách nhiệm	50.181.732.459	44.341.934.595
Bảo hiểm Xe cơ giới	181.532.219	329.640.191
	1.451.944.223.252	1.350.537.348.068

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. HOA HỒNG NHƯỢNG TÁI BẢO HIỂM VÀ DOANH THU KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	230.506.334.074	192.011.420.093
Doanh thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	1.397.833.607	7.143.381.495
	231.904.167.681	199.154.801.588

25. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng chi bồi thường gốc và bồi thường nhận tái	2.143.825.390.552	1.616.903.051.810
- Chi bồi thường bảo hiểm gốc (Thuyết minh 25.1)	1.766.011.602.971	1.313.922.963.466
- Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm (Thuyết minh 25.2)	377.813.787.581	302.980.088.344
Các khoản thu giảm chi (thu đòi người thứ ba bồi hoàn, thu hàng đã xử lý bồi thường 100%)	(16.006.545.976)	(6.463.769.074)
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm (Giảm)/tăng dự phòng bồi thường bảo hiểm gốc và nhận tái bảo hiểm	(823.686.585.880)	599.981.430.572
Giảm/(tăng) dự phòng bồi thường nhượng tái bảo hiểm	634.171.807.124	(486.127.965.330)
	1.225.302.276.296	1.226.545.214.179

25.1 Chi bồi thường bảo hiểm gốc

	Đơn vị: VND	
Loại hình bảo hiểm	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	688.349.668.449	430.808.796.017
Bảo hiểm Sức khỏe	468.282.658.097	316.221.465.406
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	62.717.419.844	44.169.783.734
Bảo hiểm Hàng không	215.826.998	-
Bảo hiểm Kỹ thuật	39.262.627.593	53.572.275.185
Bảo hiểm Nông nghiệp	21.200.000	-
Bảo hiểm Tàu	55.097.411.440	59.452.689.180
Bảo hiểm Thiệt hại kinh doanh	-	12.217.307.265
Bảo hiểm Tín dụng	46.500.275.594	30.085.075.642
Bảo hiểm Trách nhiệm	3.348.659.195	7.359.696.672
Bảo hiểm Xe cơ giới	402.215.855.761	360.035.874.365
	1.766.011.602.971	1.313.922.963.466

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. TỔNG CHI BỒI THƯỜNG BẢO HIỂM (tiếp theo)

25.2 Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm

	Đơn vị: VND	
Loại hình bảo hiểm	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	241.470.467.976	196.684.213.062
Bảo hiểm Sức khỏe	14.483.717.348	25.905.974.480
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	16.928.351.252	25.879.886.441
Bảo hiểm Hàng không	43.264.878.963	21.034.308.918
Bảo hiểm Kỹ thuật	19.365.077.262	18.792.503.556
Bảo hiểm Nông nghiệp	2.981.776.215	1.656.084.939
Bảo hiểm Tàu	25.211.940.576	8.200.160.636
Bảo hiểm Trách nhiệm	13.860.369.297	4.658.836.901
Bảo hiểm Xe cơ giới	247.208.692	168.119.411
	377.813.787.581	302.980.088.344

25.3 Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm

	Đơn vị: VND	
Loại hình bảo hiểm	Năm nay	Năm trước
Bảo hiểm Cháy nổ	642.423.948.533	405.377.001.106
Bảo hiểm Sức khỏe	22.829.674	1.724.118
Bảo hiểm Hàng hóa vận chuyển	28.407.398.993	27.589.192.816
Bảo hiểm Hàng không	202.254.675	-
Bảo hiểm Kỹ thuật	29.212.302.659	36.704.422.449
Bảo hiểm Tàu	13.015.351.090	19.467.668.583
Bảo hiểm Thiệt hại kinh doanh	-	11.996.755.863
Bảo hiểm Tín dụng	(933.338.672)	(7.842.490.005)
Bảo hiểm Trách nhiệm	628.672.509	4.421.534.470
Bảo hiểm Xe cơ giới	22.370.063	31.724.399
	713.001.789.524	497.747.533.799

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ KHÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH BẢO HIỂM

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng bảo hiểm	796.562.080.888	675.331.609.901
Chi phí khai thác	951.375.487.713	650.369.868.600
Chi phí nhân viên quản lý	479.993.480.796	454.071.402.753
Chi hội nghị, giao dịch, quảng cáo	366.001.131.028	282.781.821.526
Chi đào tạo, hỗ trợ đại lý	256.575.624.609	170.361.443.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	37.197.987.930	32.701.902.429
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(18.218.987.118)	(30.434.816.760)
Chi đề phòng, hạn chế tổn thất	20.516.600.121	18.551.136.392
Chi phí văn phòng	16.938.649.345	15.918.086.917
Chi tài trợ học sinh theo định mức	20.085.686.175	14.487.361.782
Chi phí khấu hao TSCĐ	9.860.540.070	10.043.059.852
Các khoản thuế, phí, lệ phí	10.087.156.208	9.018.413.397
Chi đánh giá rủi ro đối tượng được bảo hiểm	427.054.083	216.014.775
Chi khác hoạt động KDBH	6.724.431.579	7.629.129.974
	2.954.126.923.427	2.311.046.435.362

27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	171.072.434.458	171.634.155.411
Cổ tức được chia	91.508.181.597	50.443.313.753
Lãi chênh lệch tỷ giá	23.364.445.974	18.751.099.269
Lãi đầu tư chứng khoán	13.418.092.153	59.848.629.420
Thu lãi đầu tư trái phiếu	10.288.930.626	12.003.066.059
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.427.064.003	1.386.091.470
	311.079.148.811	314.066.355.382

28. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí được phân bổ từ chi quản lý doanh nghiệp	70.404.823.671	89.561.815.018
Lỗ chênh lệch tỷ giá	27.541.740.371	14.375.150.238
Trích lập/(hoàn nhập) dự phòng giảm giá đầu tư	26.954.644.654	(35.656.474.870)
Lỗ từ hoạt động mua bán chứng khoán	-	7.480.762.097
Chi phí tài chính khác	636.660.163	222.695.407
	125.537.868.859	75.983.947.890

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	79.176.745.066	71.178.232.423
Chi phí nguyên liệu vật liệu	2.970.285.605	3.210.357.206
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.334.245.306	5.014.118.790
Thuế và chi phí, lệ phí	338.054.839	61.388.193
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.456.456.508	34.625.998.731
Chi phí hội nghị, giao dịch	22.976.875.787	13.944.252.141
Chi phí khác	5.369.768.469	4.848.252.279
	138.622.431.580	132.882.599.763

30. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu từ thanh lý tài sản	22.094.274	891.712.727
Thu khác	7.183.394.457	131.131.354
Thu nhập khác	7.205.488.731	1.022.844.081
Chi khác	(4.180.907.468)	(300.519.640)
Chi phí khác	(4.180.907.468)	(300.519.640)
Thu nhập khác thuần	3.024.581.263	722.324.441

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Năm 2022, Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp Thuế Thu nhập Doanh nghiệp (“thuế TNDN”) với thuế suất bằng 20% lợi nhuận thu được (Năm 2021: 20%).

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính tổng hợp có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.1 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	46.554.189.784	45.110.783.001
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	906.449.645	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	4.408.670.137	6.106.806.373
Chi phí thuế TNDN	51.869.309.566	51.217.589.374

31.2 Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả của Tổng Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp:

	Đơn vị: VND	
CHỈ TIÊU	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	342.738.702.617	306.299.217.343
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	68.547.740.523	61.259.843.468
Các khoản điều chỉnh tăng		
Chi phí không được khấu trừ thuế	225.303.405	46.408.656
Các khoản tiền phạt	491.452.312	-
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	906.449.645	-
Các khoản điều chỉnh giảm		
Cổ tức được miễn thuế thu nhập	(18.301.636.319)	(10.088.662.750)
Chi phí thuế TNDN	51.869.309.566	51.217.589.374

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Tổng Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại chính có các biến động trong năm nay và năm trước như sau:

	Đơn vị: VND			
	Bảng cân đối kế toán tổng hợp		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa đủ điều kiện trích lập theo quy định	19.195.203.404	23.603.873.541	(4.408.670.137)	(6.106.806.373)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ròng	19.195.203.404	23.603.873.541		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh tổng hợp			(4.408.670.137)	(6.106.806.373)

32. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ KHÁC

Các cam kết thuê hoạt động

Tổng Công ty hiện đang thuê các văn phòng làm việc theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	9.101.596.520	7.263.682.710
Từ 1 đến 5 năm	13.498.775.846	6.662.360.700
Trên 5 năm	234.000.000	15.000.000
	22.834.372.366	13.941.043.410

33. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	Đơn vị: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
- Đô la Mỹ (USD)	272.433	1.066.829
- Euro (EUR)	248	19.759
- Yên Nhật (JPY)	41	24.893
- Đô la Singapore (SGD)	289	11.311

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước AXA.SA – Pháp	Cổ đông Nhà nước Cổ đông lớn
Công ty TNHH Firstland	Cổ đông lớn
Cán bộ nhân viên Bảo Minh và cổ đông khác	Cổ đông
Công ty Bảo hiểm Liên Hiệp	Công ty liên doanh
Tổng công ty CP Tái bảo hiểm Quốc Gia Việt Nam (Vinare)	Tổng Công ty là cổ đông lớn

Những giao dịch trọng yếu của Tổng Công ty với các bên có liên quan trong năm như sau:

<i>Đơn vị: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Nội dung giao dịch</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
AXA.SA - Pháp	Phí nhượng tái bảo hiểm	78.520.829.675	95.229.772.837
	Hoa hồng nhượng tái	5.681.550.347	8.221.153.791
Công ty Bảo hiểm Liên hiệp	Phí nhận tái bảo hiểm	122.014.057.276	70.675.615.285
	Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	46.683.334.874	26.181.901.175
Vinare	Phí nhượng tái bảo hiểm	11.290.839.072	11.843.901.160
	Hoa hồng nhượng tái	677.154.505	866.356.669
	Phí nhận tái bảo hiểm	82.706.274.674	65.860.611.484
	Hoa hồng nhận tái bảo hiểm	21.605.756.563	15.676.496.909

Các khoản phải thu và phải trả các bên có liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

<i>Đơn vị: VND</i>			
<i>Bên liên quan</i>	<i>Tài khoản/Nội dung giao dịch</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
AXA.SA - Pháp	Phải thu bồi thường nhượng tái	8.655.030.272	81.876.438.634
	Phải trả phí nhượng tái	(75.195.537.726)	(55.180.493.400)
Công ty Bảo hiểm Liên hiệp	Phải thu phí nhận tái	7.410.105.394	44.493.714.110
	Phải trả bồi thường nhận tái	(8.795.626.422)	(17.723.377.241)
Vinare	Phải thu bồi thường nhượng tái	52.756.378.889	63.938.048.370
	Phải trả phí nhượng tái	(49.109.431.589)	(52.824.732.519)
	Phải thu phí nhận tái	55.987.215.509	80.718.719.255
	Phải trả bồi thường nhận tái	(56.098.764.721)	(75.885.452.646)

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các khoản lương, thưởng, thù lao của thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, và Ban Kiểm soát như sau:

<i>Đơn vị: VND</i>			
<i>Tên</i>	<i>Chức vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Đình Việt Tùng	Chủ tịch HĐQT	227.991.042	13.900.000
Vũ Thái Huyền	Chủ tịch HĐQT	13.026.931	52.800.000
Vũ Anh Tuấn	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	1.398.469.417	1.279.539.581
Ivan Tam Kwok Wing	Thành viên HĐQT	232.117.974	66.600.000
Bùi Thị Thu Thanh	Thành viên HĐQT	232.117.974	66.600.000
Lê Việt Thành	Thành viên HĐQT	232.117.974	66.600.000
Callard Stumpf Céline	Thành viên HĐQT	232.117.974	66.600.000
Trần Văn Tá	Thành viên HĐQT	403.000.000	240.000.000
Lê Minh Tuyết	Phụ trách Ban kiểm soát	232.117.974	66.600.000
Nicolas De Nazelle	Thành viên Ban kiểm soát	191.274.379	53.300.000
Phan Thị Hồng Phương	Thành viên Ban kiểm soát	191.274.379	53.300.000
Jonathan Yau Chun Hung	Thành viên Ban kiểm soát	191.274.379	53.300.000
Phạm Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc thường trực	1.122.878.271	1.216.302.716
Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc	1.170.153.576	1.200.089.546
Châu Quang Linh	Phó Tổng Giám đốc	936.041.154	950.065.353
Sái Văn Hưng	Kế toán trưởng	873.583.556	1.159.559.532

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Đơn vị: VND	
	Năm nay	Năm trước (trình bày lại) (*)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	290.869.393.051	255.081.627.969
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (**)	(40.021.403.211)	(38.619.278.870)
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	250.847.989.840	216.462.349.099
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	109.623.985	109.623.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.288	1.975

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2021 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính năm 2021 để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0001/2022-BM/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022.

(**) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm 2022 được điều chỉnh giảm cho khoản dự tính trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2022 theo kế hoạch được phê duyệt trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 0001/2022-BM/ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2022. Số liệu cuối cùng của số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm nay sẽ được phê duyệt bởi Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2023.

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO

36.1 Khung quản trị rủi ro

Mục đích chính của cơ chế quản trị rủi ro và quản lý tài chính của Tổng Công ty là nhằm đạt được các mục tiêu tài chính một cách ổn định. Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc nhận thấy tầm quan trọng của một hệ thống quản trị rủi ro hiệu quả.

Đối tượng của hoạt động quản lý rủi ro (“QLRR”) tại Tổng Công ty là các sự kiện rủi ro. Sự kiện rủi ro là những sự kiện có thể xảy ra và gây tác động tiêu cực, cả trực tiếp, gián tiếp về tài chính, thương hiệu... và cản trở Tổng Công ty thực hiện thành công các mục tiêu đề ra.

Đối với Tổng Công ty, các sự kiện rủi ro có thể được phân thành hai nhóm, nhóm các sự kiện rủi ro bảo hiểm và nhóm các sự kiện rủi ro tài chính. Nhóm các sự kiện rủi ro bảo hiểm phát sinh khi Tổng Công ty ký kết hợp đồng bảo hiểm nhận chuyển giao rủi ro từ người tham gia bảo hiểm và từ công ty bảo hiểm khác. Nhóm các sự kiện rủi ro tài chính bao gồm các sự kiện rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Rủi ro tài chính đối với Tổng Công ty phát sinh từ các cam kết thanh toán của khách hàng, nhà nhận tái bảo hiểm; từ các tổ chức nhận đầu tư, môi trường đầu tư cũng như từ chính diễn biến của nhóm các sự kiện rủi ro bảo hiểm.

Hoạt động QLRR tại Tổng Công ty được thực hiện thông qua quá trình nhận diện, phân loại sự kiện rủi ro; đánh giá nguyên nhân, khả năng xảy ra sự kiện rủi ro; đánh giá quy mô và mức độ nghiêm trọng của các tác động mà các sự kiện rủi ro có thể gây ra; đề ra các giải pháp phù hợp cho từng sự kiện hoặc loại sự kiện rủi ro với các ngưỡng rủi ro mà Tổng Công ty sẵn sàng chấp nhận.

Hiện tại, Tổng Công ty đang tiếp tục tiến hành triển khai kết quả ban đầu của dự án. Ban điều hành chủ trương hoàn thiện khung quản trị rủi ro theo lộ trình đã được xác định nhằm nâng cao ý thức về quản trị rủi ro đối với tất cả các cấp lãnh đạo, các cán bộ nhân viên tại các phòng, ban, các đơn vị thành viên, làm cho quản trị rủi ro trở thành văn hóa trên toàn Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.2 Mục tiêu quản lý rủi ro, các chính sách và quy trình quản lý rủi ro bảo hiểm

Hoạt động bảo hiểm chính thực hiện bởi Tổng Công ty là xây dựng các giả định về rủi ro tổn thất liên quan đến cá nhân hoặc tổ chức là đối tượng liên quan trực tiếp đến rủi ro đó. Các rủi ro đề cập có thể liên quan đến tài sản, trách nhiệm, tai nạn, sức khỏe, rủi ro tài chính hoặc rủi ro khác có thể phát sinh từ các sự kiện được bảo hiểm. Theo đó Tổng Công ty chịu các rủi ro bồi thường chưa xác định rõ về thời điểm cũng như mức độ. Tổng Công ty cũng chịu các rủi ro thị trường thông qua hoạt động bảo hiểm và đầu tư.

Tổng Công ty quản lý rủi ro bảo hiểm của mình bằng hạn mức khai thác bảo hiểm, các quy trình thủ tục phê duyệt cho các giao dịch có liên quan đến sản phẩm mới hoặc các giao dịch vượt quá hạn mức, đa dạng hóa rủi ro, đưa ra nguyên tắc định giá, tái bảo hiểm và giám sát các vấn đề nảy sinh.

36.3 Quản lý vốn và yêu cầu theo luật định

Mục tiêu đầu tiên của Tổng Công ty trong việc quản lý vốn là luôn luôn đảm bảo yêu cầu về vốn pháp định để thực hiện đầy đủ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, đầu tư tài chính và các hoạt động phụ trợ; đạt được và duy trì nguồn vốn đủ mạnh để hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động kinh doanh. Trong quá trình thực hiện mục tiêu của mình Tổng Công ty nhận thức được những tác động đến sự cân bằng giữa tỷ suất lợi nhuận trên vốn góp của nhà đầu tư với an toàn thanh khoản của doanh nghiệp nên luôn thận trọng trong các chính sách điều chỉnh và quản lý vốn.

Quy định bắt buộc về vốn liên quan đến hoạt động bảo hiểm yêu cầu Tổng Công ty phải nắm giữ đủ tài sản để thực hiện các nghĩa vụ tài chính và thỏa mãn yêu cầu về biên khả năng thanh toán theo quy định trong Thông tư 50 của Bộ Tài chính. Các quy định này thể hiện vai trò bảo vệ quyền lợi của người mua bảo hiểm đồng thời mang tính định hướng, giám sát doanh nghiệp bảo hiểm trong việc duy trì trạng thái thanh khoản phù hợp để có thể đối phó với những tình huống ngoài dự báo như thảm họa tự nhiên hoặc suy thoái kinh tế kéo dài.

Bảng dưới đây trình bày biên khả năng thanh toán tối thiểu và biên khả năng thanh toán ở Tổng Công ty:

	Biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty (triệu VND)	Biên khả năng thanh toán tối thiểu (triệu VND)	Tỷ lệ biên khả năng thanh toán
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.314.534	1.132.356	116%
Ngày 31 tháng 12 năm 2021	1.229.949	917.563	134%

Tỷ lệ biên khả năng thanh toán của Tổng Công ty là một chỉ số về khả năng thanh toán chung đối với các hoạt động bảo hiểm có liên quan, được tính dựa trên những quy định tương ứng được ban hành bởi Bộ Tài chính Việt Nam.

36.4 Chiến lược kinh doanh bảo hiểm

Chiến lược kinh doanh bảo hiểm của Tổng Công ty với mục tiêu đa dạng hóa nhằm đảm bảo sự cân bằng giữa các hoạt động kinh doanh và được dựa trên một danh mục lớn với những rủi ro tương tự trong một số năm, và như vậy, làm giảm sự biến động của kết quả kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.5 Chiến lược kinh doanh tái bảo hiểm

Tổng Công ty tái bảo hiểm một phần các rủi ro bảo hiểm để kiểm soát khả năng lỗ và bảo đảm an toàn vốn, thông qua hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tạm thời. Các hợp đồng tái bảo hiểm chuyển giao một phần rủi ro và giới hạn rủi ro đối với từng hợp đồng bảo hiểm. Mức độ rủi ro giữ lại phụ thuộc vào đánh giá của Tổng Công ty đối với mỗi loại rủi ro cụ thể, phụ thuộc vào từng hoàn cảnh nhất định, nhằm tối đa hóa mức rủi ro chấp nhận được dựa trên phân tích từng đặc tính rủi ro. Theo các điều khoản của hợp đồng tái bảo hiểm, công ty nhận tái bảo hiểm đồng ý bồi hoàn số tiền thuộc trách nhiệm trong trường hợp có tổn thất bảo hiểm. Tuy nhiên, Tổng Công ty vẫn phải có trách nhiệm đối với chủ hợp đồng cho phần thuộc trách nhiệm công ty nhận tái nếu nhà tái bảo hiểm không thể thanh toán cho phần nghĩa vụ của họ.

Các hợp đồng tái bảo hiểm chứa đựng rủi ro xếp hạng tín nhiệm, để giảm thiểu rủi ro, chỉ những công ty nhận tái bảo hiểm đạt tiêu chuẩn đánh giá tín nhiệm của Tổng Công ty theo các đánh giá công khai của các công ty chuyên về xếp hạng tín nhiệm, hoặc do đánh giá nội bộ, mới được phép tiến hành giao dịch.

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty chủ yếu chịu sự tác động của các loại rủi ro sau:

- ▶ Rủi ro bảo hiểm;
- ▶ Các rủi ro khác bao gồm rủi ro gian lận, rủi ro tài chính, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro tuân thủ, và rủi ro thị trường.

Rủi ro bảo hiểm

Để đạt mục tiêu mà hoạt động quản lý rủi ro bảo hiểm đặt ra, Tổng Công ty đã thiết lập và áp dụng các quy trình đánh giá rủi ro trước khi chấp nhận bảo hiểm, quy trình chuyển giao rủi ro bảo hiểm (tái bảo hiểm), quy trình giám định tổn thất và quy trình giải quyết bồi thường.

Đối với hoạt động khai thác bảo hiểm, ngoài việc chủ động đa dạng hóa loại hình rủi ro bảo hiểm hướng về khách hàng cá nhân và qua kênh bán lẻ. Tổng Công ty cũng áp dụng các tiêu chí lựa chọn rủi ro, cụ thể là không chấp nhận bảo hiểm đối với các rủi ro bảo hiểm có khả năng xảy ra cao hoặc có nguy cơ bị trục lợi cao. Tổng Công ty cũng tăng cường đánh giá rủi ro tích tụ và đưa ra các quy định về chấp nhận bảo hiểm đối với các nghiệp vụ khác nhau, các địa phương khác nhau để phân tán rủi ro, tránh tích tụ rủi ro ở cấp độ toàn Tổng Công ty.

Đối với các rủi ro được chấp nhận bảo hiểm, năm 2022, Tổng Công ty đã xác định lại tỉ lệ phí bảo hiểm áp dụng với từng nhóm rủi ro dựa trên kinh nghiệm tổn thất và dự báo, xu thế của rủi ro, lạm phát, mức độ cạnh tranh, các quy định của pháp luật. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất và chi phí gia tăng, Tổng Công ty chỉ chấp nhận bảo hiểm nếu người tham gia bảo hiểm chấp nhận tăng phí bảo hiểm tương ứng hoặc giới hạn phạm vi bảo hiểm, tăng mức miễn thường. Đối với các nhóm rủi ro có tỉ lệ tổn thất vẫn đảm bảo lợi nhuận bảo hiểm, Tổng Công ty chủ trương tăng tỷ trọng chấp nhận bảo hiểm để gia tăng thị phần, gia tăng dòng tiền vào để sinh lợi ở hoạt động đầu tư tài chính. Bên cạnh đó, Tổng Công ty cũng áp dụng triệt để các giải pháp chuyển giao rủi ro để chia sẻ rủi ro với các công ty bảo hiểm khác và với chính người tham gia bảo hiểm như đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, áp dụng miễn thường.

Việc giám định tổn thất và giải quyết bồi thường đã được thực hiện theo 2 cấp. Những vụ tổn thất lớn, có tính chất phức tạp đều đã được xử lý và bồi thường tập trung tại Tổng công ty. Những vụ tổn thất nhỏ mà các đơn vị thành viên đã có kinh nghiệm tiếp nhận và giải quyết được xử lý tại các công ty thành viên. Tổng Công ty cũng chủ trương đẩy nhanh tốc độ xử lý khiếu nại và giải quyết bồi thường để tránh các rủi ro có thể phát sinh trong quá trình giám định và bồi thường như rủi ro tỉ giá tăng, lạm phát, tổn thất gia tăng, các rủi ro đạo đức....

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Các rủi ro khác

Ngoài rủi ro bảo hiểm, các rủi ro khác mà Tổng Công ty phải đối mặt bao gồm các rủi ro về gian lận, rủi ro tài chính, rủi ro thanh khoản, rủi ro tín dụng, rủi ro tuân thủ, và rủi ro thị trường.

Các rủi ro khác hiện đang được Tổng Công ty quản lý như sau:

Rủi ro tín dụng

Tổng Công ty đối mặt với rủi ro tín dụng từ hoạt động bảo hiểm và hoạt động đầu tư.

Rủi ro tín dụng bảo hiểm

Mặc dù điều kiện, điều khoản hợp đồng bảo hiểm luôn quy định nghĩa vụ và thời hạn đóng phí bảo hiểm của người tham gia bảo hiểm nhưng trên thực tế, tình trạng người tham gia bảo hiểm không thực hiện được đầy đủ và đúng hạn việc đóng phí bảo hiểm là không tránh khỏi. Để hạn chế tình trạng này, Tổng Công ty đã ban hành và yêu cầu các bên, các bộ phận liên quan tuân thủ chặt chẽ quy trình đóng phí, gia hạn đóng phí bảo hiểm. Theo đó, phân cấp cho các công ty thành viên được gia hạn đóng phí khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Thông tư số 50. Những người tham gia bảo hiểm bị đánh giá tín dụng thấp, không có khả năng đóng phí sẽ bị chấm dứt hiệu lực hợp đồng và tiếp tục theo dõi công nợ để làm các thủ tục đòi hoặc xóa nợ sau này. Đối với các khoản phí bảo hiểm không đóng đúng thời hạn, Tổng Công ty theo dõi, phân loại tuổi nợ để trích lập dự phòng như quy định của nhà nước cũng như làm thủ tục xóa nợ nếu có đầy đủ cơ sở.

Năm 2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư 50 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 07 năm 2017, trong đó quy định chi tiết hơn về điều kiện cho nợ phí. Với các quy định mới này, việc cho nợ phí sẽ được kiểm soát chặt chẽ hơn.

Trong các hợp đồng nhượng tái bảo hiểm, sau khi phân bổ trách nhiệm cho các nhà nhận tái bảo hiểm, Tổng Công ty cũng phải đối mặt với rủi ro tín dụng khi các nhà nhận tái bảo hiểm này không thanh toán được phần trách nhiệm của họ cho Tổng Công ty. Tổng Công ty đã rất chú trọng việc kiểm soát rủi ro này khi chỉ nhượng tái bảo hiểm cho các nhà bảo hiểm được xếp hạng tín dụng cao bởi các tổ chức xếp hạng hàng đầu thế giới. Đối với các nhà nhận tái bảo hiểm trong nước không được xếp hạng tín dụng, Tổng Công ty cũng có những đánh giá riêng và theo dõi chặt chẽ diễn biến khả năng tài chính của họ.

Rủi ro tín dụng đầu tư

Ngoài việc tuân thủ các quy định về đầu tư của nhà nước đối với hoạt động đầu tư vốn nhàn rỗi của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, Tổng Công ty cũng xây dựng quy trình và các quy định đối với hoạt động đầu tư tài chính để hạn chế tối đa rủi ro tín dụng. Danh mục đầu tư của Tổng Công ty tập trung chủ yếu vào tài sản đầu tư kỳ hạn cố định có tính thanh khoản cao như tiền gửi ngân hàng, trái phiếu chính phủ.

Trong thời gian tới, Tổng Công ty sẽ tiếp tục chủ trương đầu tư vào tiền gửi tại các ngân hàng được đánh giá tín dụng tốt, trái phiếu chính phủ để hạn chế rủi ro tín dụng, đồng thời qua đó bảo toàn vốn, đảm bảo thanh khoản. Đây cũng là các công cụ đầu tư có lãi suất ổn định và có sẵn các khoản mục thời hạn dài, phù hợp với xu thế giảm lãi suất của thị trường.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty phát sinh theo 2 trường hợp sau: Tổng nguồn thanh toán của Tổng Công ty không đáp ứng được tổng yêu cầu thanh toán phát sinh; nguồn thanh toán tại một thời điểm không đáp ứng khi yêu cầu thanh toán phát sinh. Đối với Tổng Công ty, các yêu cầu thanh toán bồi thường có thể làm phát sinh rủi ro thanh khoản trong khi các yêu cầu thanh toán khác Tổng Công ty có thể chủ động quyết định thực hiện và dự trữ nguồn thanh khoản. Rủi ro mất khả năng thanh toán tức thời đối với Tổng Công ty không cao bởi lẽ với kinh nghiệm nhiều năm kinh doanh trong lĩnh vực bảo hiểm, Tổng công ty duy trì được tình hình kinh doanh ổn định và áp dụng đầy đủ, thận trọng các biện pháp chuyển giao, phân tán rủi ro.

Tổng Công ty đặt mục tiêu tận dụng tối đa nguồn vốn nhân rồi để sinh lợi trong điều kiện đảm bảo được tính thanh khoản, đáp ứng được yêu cầu thanh toán thường xuyên về bồi thường. Tổng Công ty cũng chủ trương giảm đến mức tối thiểu rủi ro tín dụng để tránh rủi ro mất nguồn vốn, đảm bảo tính chủ động cao nhất về nguồn tiền thanh toán, qua đó giảm rủi ro thanh khoản. Tổng Công ty đã thực hiện trích lập thận trọng dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm. Các quỹ dự phòng cũng được yêu cầu đầu tư tỉ trọng lớn vào danh mục có tính thanh khoản cao,thời hạn phù hợp với thời hạn của yêu cầu thanh toán bồi thường để tránh rủi ro mất khả năng thanh toán tức thời.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn của các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào cuối năm:
Đơn vị: VND

	Quá hạn	Không kỳ hạn xác định	Đến 01 năm	Từ 01 - 05 năm	Tổng cộng
Ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Tài sản Tài chính					
Đầu tư kỳ hạn cố định	255.618.012.805	-	3.227.000.000.000	52.001.000.000	3.534.619.012.805
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	77.172.887.595	-	50.000.000.000	51.701.000.000	178.873.887.595
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	178.445.125.210	-	3.177.000.000.000	300.000.000	3.355.745.125.210
Đầu tư vốn	-	301.500.954.971	-	-	301.500.954.971
- Chứng khoán kinh doanh	-	98.535.654.971	-	-	98.535.654.971
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	145.350.000.000	-	-	145.350.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	57.615.300.000	-	-	57.615.300.000
Các khoản phải thu	105.813.433.524	-	2.112.546.563.359	271.648.028.300	2.490.008.025.183
- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	105.813.433.524	-	395.580.473.092	271.648.028.300	773.041.934.916
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	4.069.611.910	-	4.069.611.910
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	273.963.911.368	-	273.963.911.368
- Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.438.932.566.989	-	1.438.932.566.989
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	168.725.034.414	-	-	168.725.034.414
	361.431.446.329	470.225.989.385	5.339.546.563.359	323.649.028.300	6.494.853.027.373

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn của các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng của các tài sản tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào cuối năm:
Đơn vị: VND

	<i>Quá hạn</i>	<i>Không kỳ hạn xác định</i>	<i>Đến 01 năm</i>	<i>Từ 01 - 05 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Tài sản Tài chính					
Đầu tư kỳ hạn cố định	255.618.012.805	-	3.028.195.000.000	164.701.000.000	3.448.514.012.805
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	77.172.887.595	-	50.000.000.000	101.701.000.000	228.873.887.595
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	178.445.125.210	-	2.978.195.000.000	63.000.000.000	3.219.640.125.210
Đầu tư vốn	-	304.526.122.818	-	-	304.526.122.818
- Chứng khoán kinh doanh	-	101.560.822.818	-	-	101.560.822.818
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	145.350.000.000	-	-	145.350.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	-	57.615.300.000	-	-	57.615.300.000
Các khoản phải thu	101.149.414.416	-	2.628.192.214.553	292.805.455.425	3.022.147.084.394
- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	101.149.414.416	-	360.458.095.752	292.805.455.425	754.412.965.593
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	-	-	3.815.664.536	-	3.815.664.536
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	266.081.632.546	-	266.081.632.546
- Tài sản tái bảo hiểm	-	-	1.997.836.821.719	-	1.997.836.821.719
Tiền và các khoản tương đương tiền	-	220.659.039.990	-	-	220.659.039.990
	356.767.427.221	525.185.162.808	5.656.387.214.553	457.506.455.425	6.995.846.260.007

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng sau đây tóm tắt thời gian đáo hạn theo hợp đồng của các khoản nợ tài chính trên cơ sở chưa chiết khấu vào cuối năm:

	<i>Quá hạn</i>	<i>Không kỳ hạn xác định</i>	<i>Đến 01 năm</i>	<i>Từ 01 - 05 năm</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022					
Nợ phải trả Tài chính					
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	-	-	879.331.850.055	-	879.331.850.055
Dự phòng nghiệp vụ	-	-	3.227.114.981.457	117.360.139.478	3.344.475.120.935
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	20.678.398.749	-	20.678.398.749
	-	-	4.127.125.230.261	117.360.139.478	4.244.485.369.739
Ngày 31 tháng 12 năm 2021					
Nợ phải trả Tài chính					
Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	-	-	845.283.976.444	-	845.283.976.444
Dự phòng nghiệp vụ	-	-	3.666.528.750.347	130.138.660.232	3.796.667.410.579
Phải trả ngắn hạn khác	-	-	28.232.349.065	-	28.232.349.065
	-	-	4.540.045.075.856	130.138.660.232	4.670.183.736.088

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

36. CƠ CHẾ QUẢN LÝ RỦI RO (tiếp theo)

36.6. Quản lý rủi ro bảo hiểm và các rủi ro khác (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, như rủi ro về giá cổ phiếu. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các công cụ kỳ hạn cố định, vay và nợ, đầu tư vốn và các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có gốc ngoại tệ. Dưới tác động của các nhân tố thị trường như lãi suất, tỷ giá, giá cổ phiếu... giá trị danh mục đầu tư, giá trị danh mục nợ và dòng tiền trong tương lai của Tổng Công ty có thể bị ảnh hưởng theo chiều hướng tiêu cực. Đối với loại rủi ro này, Tổng Công ty không chủ động được đối với diễn biến và tác động. Giải pháp của Tổng Công ty là tìm cách tránh tối đa tác động hoặc tìm cách cân bằng các tác động trái chiều, chẳng hạn như đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn hoặc trái phiếu nhằm hạn chế các tác động của rủi ro lãi suất.

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính ("Thông tư 210") có hiệu lực cho các giai đoạn năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2011. Thông tư 210 đã đưa ra các định nghĩa về công cụ tài chính, bao gồm tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, công cụ tài chính phái sinh và công cụ vốn chủ sở hữu cũng như quy định cách thức phân loại, trình bày và thuyết minh các loại công cụ này.

Do Thông tư 210 chỉ quy định việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính, các khái niệm dưới đây theo Thông tư 210 chỉ áp dụng đối với việc lập Thuyết minh số 37 trên báo cáo tài chính tổng hợp. Các khoản mục tài sản và nợ của Tổng Công ty vẫn được ghi nhận và hạch toán theo các quy định hiện hành của các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam áp dụng cho các doanh nghiệp bảo hiểm và các quy định có liên quan.

Tài sản tài chính

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp, thành một trong các loại sau:

- **Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp:**
 - a) Là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:

 - i. Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ii. Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
 - iii. Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Tài sản tài chính (tiếp theo)

- b) Sau ghi nhận ban đầu, các khoản tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.
- **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà đơn vị có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:**
 - a) Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp;
 - b) Các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán;
 - c) Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.
- **Các khoản cho vay và phải thu:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

 - a) Các khoản mà đơn vị có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và cũng như các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được đơn vị xếp vào nhóm ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp;
 - b) Các khoản được đơn vị xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
 - c) Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.
- **Tài sản sẵn sàng để bán:**

Là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

 - a) Các khoản cho vay và các khoản phải thu;
 - b) Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn;
 - c) Các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và nợ và vay.

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, nợ phải trả tài chính, cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp, được phân loại một cách phù hợp thành:

- **Các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp**

Là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

 - a) Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - i. Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/ mua lại trong thời gian ngắn;
 - ii. Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc;
 - iii. Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

b) Sau ghi nhận ban đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

► **Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại vào nhóm được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp sẽ được phân loại vào nhóm các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Bù trừ các tài sản và nợ phải trả tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán tổng hợp nếu, và chỉ nếu, Tổng Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Nguyên giá	Dự phòng	Nguyên giá	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
Đầu tư kỳ hạn cố định	3.534.619.012.805	(255.618.012.805)	3.448.514.012.805	(255.618.012.805)	3.279.001.000.000	3.192.896.000.000
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	178.873.887.595	(77.172.887.595)	228.873.887.595	(77.172.887.595)	101.701.000.000	151.701.000.000
- Cho vay và phải thu - Hợp đồng tiền gửi	3.355.745.125.210	(178.445.125.210)	3.219.640.125.210	(178.445.125.210)	3.177.300.000.000	3.041.195.000.000
Đầu tư vốn	301.500.954.971	(47.155.983.052)	304.526.122.818	(20.201.338.398)	254.344.971.919	284.324.784.420
- Chứng khoán kinh doanh	98.535.654.971	(44.295.607.588)	101.560.822.818	(17.951.101.999)	54.240.047.383	83.609.720.819
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	145.350.000.000	-	145.350.000.000	-	145.350.000.000	145.350.000.000
- Đầu tư dài hạn khác	57.615.300.000	(2.860.375.464)	57.615.300.000	(2.250.236.399)	54.754.924.536	55.365.063.601
Các khoản phải thu	2.490.008.025.183	(312.539.212.816)	3.022.147.084.394	(331.179.853.514)	2.177.468.812.367	2.690.967.230.880
- Phải thu về hợp đồng bảo hiểm	773.041.934.916	(130.603.960.337)	754.412.965.593	(136.004.273.629)	642.437.974.579	618.408.691.964
- Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.069.611.910	-	3.815.664.536	-	4.069.611.910	3.815.664.536
- Phải thu ngắn hạn khác	273.963.911.368	(181.935.252.479)	266.081.632.546	(195.175.579.885)	92.028.658.889	70.906.052.661
- Tài sản tái bảo hiểm	1.438.932.566.989	-	1.997.836.821.719	-	1.438.932.566.989	1.997.836.821.719
Tiền và các khoản tương đương tiền	168.725.034.414	-	220.659.039.990	-	168.725.034.414	220.659.039.990
	6.494.853.027.373	(615.313.208.673)	6.995.846.260.007	(606.999.204.717)	5.879.539.818.700	6.388.847.055.290

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

37. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
- Phải trả về hợp đồng bảo hiểm	879.331.850.055	845.283.976.444	879.331.850.055	845.283.976.444
- Dự phòng nghiệp vụ	3.344.475.120.935	3.796.667.410.579	3.344.475.120.935	3.796.667.410.579
- Phải trả ngắn hạn khác	20.678.398.749	28.232.349.065	20.678.398.749	28.232.349.065
	4.244.485.369.739	4.670.183.736.088	4.244.485.369.739	4.670.183.736.088

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý. Tổng Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

- ▶ Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- ▶ Giá trị hợp lý của các khoản phải thu/cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được Tổng Công ty đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, các rủi ro cụ thể trong quốc gia, uy tín của từng khách hàng và tính chất rủi ro của dự án được tài trợ. Trên cơ sở đánh giá này, Tổng Công ty ước tính dự phòng cho phần không thu hồi được theo dự tính của các khoản phải thu này. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, giá trị ghi sổ của các khoản phải thu sau khi trừ đi dự phòng không khác biệt đáng kể với giá trị hợp lý.
- ▶ Với các khoản đầu tư vốn không có thị trường tích cực, giá trị hợp lý được xác định bằng các phương pháp định giá phù hợp.
- ▶ Đối với các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác, dự phòng được trích lập nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Theo đó, dự phòng được tính bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của Công ty và vốn chủ sở hữu thực có của đơn vị được đầu tư nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty.
- ▶ Nếu giá trị hợp lý không thể xác định được, giá trị ghi sổ sẽ được thể hiện ở cột giá trị hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

38. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị tính	Năm nay	Năm trước
1	Cơ cấu tài sản			
	Tài sản cố định/Tổng tài sản	%	4,08	4,08
	Tài sản lưu động/Tổng tài sản	%	89,35	88,07
2	Cơ cấu nguồn vốn			
	Nợ phải trả/Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	%	65,61	68,39
	Vốn chủ sở hữu/Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu	%	34,39	31,61
3	Khả năng thanh toán			
	Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,04	0,04
	Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,36	1,29
4	Tỷ suất lợi nhuận			
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	4,75	4,15
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm, tái bảo hiểm	%	6,45	6,77
	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu	%	12,23	10,92

39. CÁC NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG

Tổng Công ty hiện đang có vụ kiện với Công ty Cổ phần Vận tải Công nghiệp Tàu thủy Bình Định (“Tàu thủy Bình Định”) liên quan đến các khoản yêu cầu đòi bồi thường từ phía Tàu thủy Bình Định trị giá là 66,65 tỷ đồng bao gồm phần ước tính thuộc trách nhiệm của Tổng Công ty là 64,6 tỷ đồng sau khi đã loại trừ các nghĩa vụ liên quan với các nhà tái bảo hiểm.

Vào ngày 19 tháng 7 năm 2022, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên Bản án sơ thẩm số 1108/2022KDTM về vụ án nêu trên với phán quyết không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Tàu thủy Bình Định. Vào ngày 23 tháng 2 năm 2023, Tổng Công ty đã nhận được Thông báo số 04/TBTL-TA ngày 4 tháng 1 năm 2023 về việc thụ lý vụ án để xét xử phúc thẩm từ Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh theo đơn kháng cáo của Nguyên đơn và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, với nội dung kháng cáo: Kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm. Cho đến ngày của báo cáo tài chính tổng hợp này, Tổng Công ty chưa nhận được thêm bất kỳ thông tin nào từ phía Tòa án liên quan đến việc thực hiện xét xử phúc thẩm vụ án này.

Theo đó, cho đến ngày lập báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 này, do kết quả sau cùng của vụ kiện chưa được xác nhận, Tổng Công ty chưa ghi nhận chi phí và dự phòng nghĩa vụ phải trả nào liên quan đến vụ việc này trên báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo.

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

B09-DNPNT

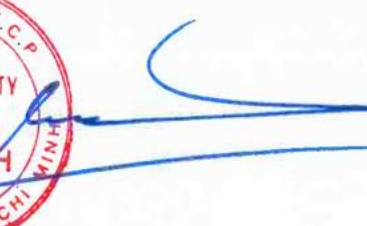
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2022 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

40. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp ngoài các thông tin đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm.


Ông Đoàn Tấn Phong
Người lập biểu


Ông Sài Văn Hưng
Kế toán trưởng


Ông Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 22 tháng 3 năm 2023



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2022

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT


Ông Vũ Anh Tuấn
Tổng Giám đốc